



# BẢN TIN CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

BẢN TIN CỦA BỘ NỘI VỤ - CƠ QUAN THƯỜNG TRỰC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH CỦA CHÍNH PHỦ

**SỐ 03/2026**

**Từ 19/01 - 23/01/2026**

**TIN NỔI BẬT CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH**

**TIN TRUNG ƯƠNG**

**CHỈ ĐẠO NỘI DUNG**

\*

**ÔNG PHẠM MINH HÙNG**  
**VỤ TRƯỞNG**  
**VỤ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH**  
**BỘ NỘI VỤ**

**BIÊN TẬP VÀ TRÌNH BÀY**

\*

**TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ THÔNG TIN**  
**BỘ NỘI VỤ**

**ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ**  
**SỐ 8 TÔN THẤT THUYẾT - HÀ NỘI**

**ĐIỆN THOẠI**  
**024.62821016**

**EMAIL**  
**BANTINBCDCCHC@MOHA.GOV.VN**  
**WEBSITE**  
**HTTP://WWW.MOHA.GOV.VN**

## ĐẠI HỘI XIV CỦA ĐẢNG - NIỀM TIN, Ý CHÍ, QUYẾT TÂM VÀ TÂM NHÌN PHÁT TRIỂN MỚI CỦA ĐẤT NƯỚC

Sau 5 ngày làm việc khẩn trương, nghiêm túc, khoa học với phương châm “Đoàn kết - Dân chủ - Kỷ cương - Đột phá - Phát triển” và ý thức trách nhiệm cao trước Đảng, Nhân dân và đất nước, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng đã diễn ra thành công rất tốt đẹp và bế mạc vào chiều ngày 23/01/2026, đánh dấu một mốc son mới trong lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam và lịch sử hào hùng của dân tộc Việt Nam.



*Tổng Bí thư Tô Lâm, thay mặt Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV, phát biểu tại Đại hội - Ảnh: VGP/Nhật Bắc*

### **Kết tinh trí tuệ, ý chí, tư duy đổi mới**

Phát biểu tại phiên bế mạc Đại hội, Tổng Bí thư Tô Lâm cho biết, Đại hội đã thống nhất cao và thông qua các văn kiện do Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII trình. Đại hội đã bầu ra Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV gồm 180 đồng chí Ủy viên chính thức, 20 đồng chí Ủy viên dự khuyết, tiêu biểu cho hơn 5,6 triệu đảng viên; đây là các đồng chí hội đủ tiêu chuẩn về phẩm chất, đạo đức, uy tín, năng lực, trình độ để gánh vác trọng trách trước Đảng và Nhân dân trong nhiệm kỳ mới - nhiệm kỳ khởi đầu cho kỷ nguyên vươn mình của dân tộc.

Nhìn lại quá trình chuẩn bị, thảo luận, quyết nghị tại Đại hội, có thể khẳng định: Văn kiện được thông qua tại Đại hội XIV thực sự là kết tinh trí tuệ, ý chí, tư duy đổi mới, khát vọng vươn lên và quyết tâm rất lớn của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta trong xây dựng, phát triển và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Nội dung các văn kiện có nhiều điểm mới, đột phá; tiếp thu tối đa ý kiến đóng góp xác đáng của toàn Đảng và các tầng lớp Nhân dân; thể hiện bản chất dân chủ, sự tâm huyết, cầu thị trên cơ sở tâm tư, nguyện vọng của Nhân dân, dựa vào dân để xây dựng Đảng.

Văn kiện Đại hội đặt ra những nhiệm vụ to lớn, quan trọng; vừa mang tính cấp bách, vừa có tầm chiến lược lâu dài; thể hiện sự thống nhất ý chí của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta; quyết tâm thực hiện bằng được mục tiêu cao cả nêu trong Báo cáo chính trị: “Giữ vững môi trường hoà bình, ổn định; phát triển nhanh, bền vững đất nước và bảo vệ vững chắc Tổ quốc; cải thiện và nâng cao toàn diện đời sống Nhân dân; tự chủ chiến lược, tự cường, tự tin tiến mạnh trong kỷ nguyên mới của dân tộc; thực hiện thắng lợi mục tiêu đến năm 2030 trở thành nước đang phát triển có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao; hiện thực hoá tầm nhìn đến năm 2045 trở thành nước phát triển, thu nhập cao, vì một nước Việt Nam hoà bình, độc lập, dân chủ, giàu mạnh, phồn vinh, văn minh, hạnh phúc, vững bước đi lên chủ nghĩa xã hội”.

“Tinh thần xuyên suốt của nhiệm kỳ Đại hội XIV là: Tự chủ chiến lược, nắm chắc thời cơ, chung sức đồng lòng, vượt qua mọi thách thức, khơi dậy mạnh mẽ khát vọng phát triển; biến ý chí thành hành động, biến quyết sách thành kết quả cụ thể; nói là làm, làm ngay, làm đúng, làm quyết liệt, làm đến cùng và làm hiệu quả”, Tổng Bí thư Tô Lâm cho biết.

Đại hội đã thảo luận và thông qua những chủ trương, quyết sách và các phương hướng lớn, các nhiệm vụ trọng tâm, các đột phá chiến lược để xây dựng, phát triển nhanh, bền vững đất nước và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa trong bối cảnh mới.

Trong đó xác định: Phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ môi trường là trung tâm; xây dựng Đảng là then chốt; phát triển văn hoá, con người là nền tảng; tăng cường quốc phòng, an ninh và đẩy mạnh đối ngoại, hội nhập là trọng yếu, thường xuyên. Đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số quốc gia là động lực trung tâm của phát triển.

### **Bám sát thực tiễn, không ngừng đổi mới, cải cách**

Tổng Bí thư Tô Lâm cho hay, Đại hội nhấn mạnh yêu cầu: Trên cơ sở kiên định những vấn đề có tính nguyên tắc; phải bám sát thực tiễn, không ngừng đổi mới, cải cách để phát triển nhanh và bền vững đất nước.

Tinh thần “kiên định” chính là bản lĩnh chính trị, là sự tiếp nối mạch nguồn lịch sử và những bài học từ công cuộc đổi mới, là lời cam kết mạnh mẽ của Đảng trong bất cứ hoàn cảnh nào cũng luôn kiên định mục tiêu độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, kiên định con đường tự lực, tự chủ, tự cường, luôn đặt lợi ích quốc gia, dân tộc lên trên hết, trước hết, đặt âm no và hạnh phúc của Nhân dân ở vị trí trung tâm.

Tinh thần “đổi mới” là yêu cầu mang tính thời đại. Không đổi mới, cải cách thì không thể bứt phá, không thể cạnh tranh, không thể phát triển. Phải tiếp tục đổi mới tư duy, đổi mới mô hình phát triển, mô hình tăng trưởng, đổi mới biện pháp tổ chức thực hiện, để đường lối đúng trở thành kết quả cụ thể trong cuộc sống.

Đại hội một lần nữa khẳng định chân lý: Sự lãnh đạo của Đảng là nhân tố quyết định mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam; đường lối đổi mới của Đảng là đúng đắn, sáng tạo, hợp quy luật khách quan.

Đại hội nhấn mạnh yêu cầu phải tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh toàn diện; nâng cao năng lực lãnh đạo, cầm quyền, sức chiến đấu của Đảng; xây dựng, đào tạo, bồi dưỡng, rèn luyện đội ngũ cán bộ đủ đức, đủ sức, đủ tài; quán triệt sâu sắc quan điểm “Dân là gốc”, giữ vững và tăng cường mối quan hệ máu thịt giữa Đảng với Nhân dân, lấy hạnh phúc và sự hài lòng của Nhân dân làm thước đo hiệu quả công tác của các tổ chức đảng và cả hệ thống chính trị.

Với tầm nhìn chiến lược, Đại hội đã giao cho Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV tiến hành Tổng kết 40 năm thực hiện Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Tổng kết 100 năm sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam với cách mạng Việt Nam (1930 - 2030) và định hướng lãnh đạo phát triển đất nước trong 100 năm tiếp theo (2030 - 2130).

### **Kết quả của quá trình nỗ lực phấn đấu bền bỉ, liên tục**

Tại phiên bế mạc Đại hội, đồng chí Phạm Gia Túc, Ủy viên Bộ Chính trị khóa XIV, Chánh Văn phòng Trung ương Đảng thay mặt Đoàn Thư ký đọc toàn văn dự thảo Nghị quyết Đại hội. Đại hội đã nhất trí thông qua Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng.

Nghị quyết Đại hội tán thành những nội dung cơ bản về đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết Đại hội XIII; kết quả tổng kết một số vấn đề lý luận và thực tiễn về công cuộc đổi mới theo định hướng xã hội chủ nghĩa trong 40 năm qua ở Việt Nam, tổng kết 15 năm thi hành Điều lệ Đảng (2011 - 2025) nêu trong các văn kiện của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII trình Đại hội.

Nhiệm kỳ Đại hội XIII diễn ra trong bối cảnh có rất nhiều khó khăn, thách thức, xuất hiện nhiều vấn đề rất mới, chưa có tiền lệ, đặc biệt là đại dịch COVID-19, đứt gãy các chuỗi cung ứng do căng thẳng, xung đột địa chính trị, chính sách bảo hộ mậu dịch của các nước; các vấn đề biến đổi khí hậu, an ninh truyền thông, phi truyền thống ngày càng phức tạp.

Với ý chí, khát vọng phát triển, kiến tạo tương lai, tư duy đổi mới, nỗ lực lớn, hành động quyết liệt, toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta đã chung sức, đồng lòng thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội XIII.

Đảng ta vững vàng lãnh đạo đất nước tiếp tục đạt được những kết quả rất quan trọng, toàn diện, đột phá, với nhiều điểm sáng nổi bật.

Nghị quyết đánh giá công cuộc đổi mới do Đảng ta khởi xướng và lãnh đạo là sự lựa chọn mang tính lịch sử, là quá trình phát triển toàn diện về tư duy, nhận thức lý luận, về đường lối

lãnh đạo của Đảng trong xây dựng, phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc; là sự nghiệp sáng tạo vĩ đại mang tầm vóc lịch sử, có ý nghĩa to lớn mở ra diện mạo, tầm nhìn mới cho đất nước ta trên con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội của Việt Nam, do nhân dân Việt Nam thực hiện.

Những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử trong 40 năm đổi mới là kết quả của quá trình nỗ lực phấn đấu bền bỉ, liên tục, là sản phẩm kết tinh sức sáng tạo của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta; khẳng định đường lối đổi mới của Đảng ta là đúng đắn, sáng tạo.

### **Kiên quyết, kiên trì giữ vững môi trường hòa bình, ổn định**

Nêu tầm nhìn và định hướng phát triển, Nghị quyết nhấn mạnh mục tiêu phát triển là kiên quyết, kiên trì giữ vững môi trường hòa bình, ổn định; phát triển nhanh, bền vững đất nước và bảo vệ vững chắc Tổ quốc; cải thiện và nâng cao toàn diện đời sống nhân dân; tự chủ chiến lược, tự cường, tự tin, tiến mạnh trong kỷ nguyên mới của dân tộc; thực hiện thắng lợi mục tiêu đến năm 2030 trở thành nước đang phát triển có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao; hiện thực hóa tầm nhìn đến năm 2045 trở thành nước phát triển, thu nhập cao vì một nước Việt Nam hòa bình, độc lập, dân chủ, giàu mạnh, phồn vinh, văn minh, hạnh phúc, vững bước đi lên chủ nghĩa xã hội.

Các mục tiêu, chỉ tiêu phát triển chủ yếu 5 năm 2026-2030 được Đại hội đề ra là: Phần đầu đạt tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trong nước (GDP) bình quân từ 10%/năm trở lên; GDP bình quân đầu người đến năm 2030 đạt khoảng 8.500 USD; tỉ trọng công nghiệp chế biến, chế tạo đạt khoảng 28% GDP; tỉ trọng kinh tế số đạt khoảng 30% GDP. Đóng góp của năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng kinh tế đạt trên 55%. Tốc độ tăng năng suất lao động đạt khoảng 8,5%/năm. Tổng tích lũy tài sản khoảng 35-36% GDP. Tổng vốn đầu tư toàn xã hội bình quân 5 năm khoảng 40% GDP.

Chỉ số phát triển con người (HDI) phần đầu đạt khoảng 0,8; tuổi thọ trung bình tính từ lúc sinh đạt khoảng 75,5 tuổi, trong đó thời gian sống khỏe mạnh đạt tối thiểu 68 năm; tỉ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ đạt 35-40%. Tỉ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2026-2030) duy trì mức giảm 1-1,5 điểm%/năm. Phần đầu thuộc nhóm 40 quốc gia có chỉ số hạnh phúc cao nhất...

Tỉ lệ che phủ rừng duy trì mức khoảng 42-43%; tỉ lệ xử lý và tái sử dụng nước thải ra môi trường lưu vực các sông đạt khoảng 65-70%; lượng phát thải khí nhà kính giảm 8-9%.

### **Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ tư duy và hành động, thúc đẩy đột phá chiến lược**

Nghị quyết nêu 12 định hướng phát triển đất nước giai đoạn 2026 - 2030, trong đó nhấn mạnh tiếp tục đổi mới mạnh mẽ tư duy và hành động, thúc đẩy đột phá chiến lược, kiến tạo hệ sinh thái phát triển mới, bảo đảm quan điểm lấy phát triển để ổn định, ổn định để thúc đẩy phát triển và không ngừng nâng cao đời sống, hạnh phúc của nhân dân; tập trung hoàn thiện toàn diện, đồng bộ thể chế phát triển nhanh, bền vững đất nước.

Xác lập mô hình tăng trưởng mới với mục tiêu là nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, giá trị gia tăng và sức cạnh tranh của nền kinh tế; lấy khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số làm động lực chính; tạo ra sức sản xuất và phương thức sản xuất mới chất lượng cao, trọng tâm là kinh tế dữ liệu, kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn; đẩy

manh chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, chuyển đổi năng lượng, chuyển đổi cơ cấu và chất lượng nguồn nhân lực.

Xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, đồng bộ trên nền tảng hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị văn hóa, hệ giá trị gia đình và chuẩn mực con người Việt Nam. Bảo đảm cao nhất lợi ích quốc gia-dân tộc, kiên quyết, kiên trì bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc.

Những nhiệm vụ trọng tâm trong nhiệm kỳ Đại hội XIV là tập trung ưu tiên xây dựng đồng bộ thể chế phát triển, trọng tâm là hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách nhằm tháo gỡ kịp thời, dứt điểm các nút thắt, điểm nghẽn, thúc đẩy đổi mới sáng tạo, bảo đảm sự đồng bộ, hài hòa giữa tăng trưởng và phát triển; giữa kinh tế, xã hội, môi trường với quốc phòng, an ninh, đối ngoại; giữa đổi mới, hoàn thiện thể chế với các chuyển đổi trọng tâm, toàn diện trên mọi lĩnh vực, phù hợp với mô hình chính quyền 3 cấp, đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh, bền vững đất nước trong kỷ nguyên mới.

Tiếp tục đẩy mạnh xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh toàn diện; đổi mới đồng bộ phương thức và nâng cao năng lực tự đổi mới, tự hoàn thiện để tăng cường hiệu lực, hiệu quả lãnh đạo, cầm quyền của Đảng. Triển khai hoạt động có hiệu quả tổ chức bộ máy hệ thống chính trị theo mô hình mới bảo đảm vận hành đồng bộ, thông suốt.

Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ công tác cán bộ, bảo đảm thực chất, hiệu quả, xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp thật sự có đức, có tài, không ngừng tự đổi mới, ngang tầm nhiệm vụ.

Tăng cường kiểm soát quyền lực trong Đảng và Nhà nước; tiếp tục đẩy mạnh đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực. Đẩy mạnh phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa hiện đại, hội nhập quốc tế, đáp ứng yêu cầu phát triển lực lượng sản xuất mới; phát triển kinh tế nhà nước thực sự giữ vai trò chủ đạo, phát triển kinh tế tư nhân là một động lực quan trọng nhất của nền kinh tế; xác lập mô hình tăng trưởng mới, cơ cấu lại nền kinh tế, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, lấy khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số làm động lực chính.

Thúc đẩy phát triển lực lượng sản xuất và phương thức sản xuất mới, trọng tâm phát triển kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, xây dựng xã hội số, thân thiện với môi trường. Tập trung triển khai đột phá về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tạo nền tảng cho phát triển lực lượng sản xuất mới, hiện đại, ưu tiên phát triển một số ngành công nghiệp, công nghệ chiến lược, trọng tâm là chip bán dẫn, trí tuệ nhân tạo; đẩy mạnh đào tạo, sử dụng nguồn nhân lực chất lượng cao.

Phát triển nguồn lực con người, phát triển văn hóa thực sự trở thành nền tảng tinh thần, sức mạnh nội sinh, động lực to lớn cho sự phát triển nhanh, bền vững của đất nước.

Xây dựng nền giáo dục quốc dân hiện đại, ngang tầm khu vực và thế giới, coi trọng và đầu tư cho sự nghiệp chăm sóc sức khỏe nhân dân. Giải quyết tốt các chính sách xã hội, bảo đảm an ninh, an sinh, an toàn, an dân.

Tiếp tục xây dựng lực lượng quân đội nhân dân, công an nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại, bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ, biên, đảo của đất nước. Đẩy mạnh triển khai đồng bộ, sáng tạo, hiệu quả công tác đối ngoại.

Đại hội xác định 3 đột phá chiến lược cần tập trung trong nhiệm kỳ. Cụ thể: Đột phá mạnh mẽ về thể chế phát triển, nâng cao năng lực hoạch định và tổ chức thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước để khơi thông, giải phóng và phát huy hiệu quả mọi nguồn lực trở thành lợi thế cạnh tranh, giảm chi phí tuân thủ của nhân dân, doanh nghiệp; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong quản lý, quản trị phát triển giữa Trung ương và địa phương, phát huy vai trò tự chủ, tự chịu trách nhiệm của địa phương.

Tập trung chuyển đổi cơ cấu và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, trình độ cao; góp phần nâng cao năng suất, chất lượng lao động; đẩy mạnh thu hút và trọng dụng nhân tài; khuyến khích và bảo vệ cán bộ năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung.

Đổi mới mạnh mẽ công tác cán bộ, bảo đảm công bằng, công khai, minh bạch, khách quan, dân chủ, thực chất, hiệu quả, nhất là công tác thẩm định, đánh giá cán bộ theo đúng chủ trương “có vào, có ra”, “có lên, có xuống.”

Tiếp tục hoàn thiện đồng bộ và đột phá mạnh mẽ trong xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế-xã hội; nhất là kết cấu hạ tầng giao thông đa phương thức, hạ tầng công nghệ phục vụ cho quá trình quản lý, quản trị và kiến tạo phát triển, hạ tầng phục vụ chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, chuyển đổi năng lượng, thích ứng với biến đổi khí hậu, hạ tầng văn hóa, giáo dục, thể thao...

Đại hội thông qua Báo cáo chính trị, Báo cáo tổng kết một số vấn đề lý luận và thực tiễn về công cuộc đổi mới theo định hướng xã hội chủ nghĩa trong 40 năm qua ở Việt Nam; Báo cáo tổng kết 15 năm thi hành Điều lệ Đảng (2011-2025) và đề xuất, định hướng bổ sung, sửa đổi Điều lệ Đảng của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII; đồng ý không bổ sung, sửa đổi Điều lệ Đảng hiện hành.

Đại hội cũng thông qua Báo cáo kiểm điểm sự lãnh đạo, chỉ đạo của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII trình Đại hội XIV; kết quả bầu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV gồm 200 đồng chí (180 Ủy viên chính thức, 20 Ủy viên dự khuyết).

Đại hội giao Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV và các cấp ủy, tổ chức đảng lãnh đạo, chỉ đạo cụ thể hóa và tổ chức thực hiện thắng lợi đường lối và những chủ trương nêu trong các văn kiện Đại hội XIV.

*Nguồn: baohinhphu.vn*

## CHÍNH PHỦ KIÊN ĐỊNH THỰC HIỆN SỨ MỆNH KIẾN TẠO PHÁT TRIỂN, LIÊM CHÍNH, HÀNH ĐỘNG QUYẾT LIỆT, PHỤC VỤ NHÂN DÂN

Tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng, Phó Thủ tướng Chính phủ Phạm Thị Thanh Trà đã trình bày tham luận với chủ đề “Xây dựng Chính phủ kiến tạo phát triển, liêm chính, hành động quyết liệt, phục vụ Nhân dân”, khẳng định quyết tâm và cam kết mạnh mẽ của Chính phủ trong giai đoạn phát triển mới của đất nước.

Phó Thủ tướng Chính phủ Phạm Thị Thanh Trà nhấn mạnh nhiệm kỳ 2021 - 2025 là một nhiệm kỳ đặc biệt khó khăn, chưa từng có tiền lệ. Tuy nhiên, trong thử thách khắc nghiệt đó, dưới sự lãnh đạo của Đảng, Chính phủ kiên định phương châm xuyên suốt trong lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành: Kiến tạo để xây dựng tầm nhìn chiến lược, tạo lập thể chế, dẫn dắt mở đường, khơi thông và huy động mọi nguồn lực xã hội cho phát triển đất nước - Liêm chính để tạo lập nền tảng giá trị, giữ vững niềm tin - Hành động quyết liệt để biến chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước chuyển hóa thành kết quả cụ thể hiện hữu được nhân dân cảm nhận và thụ hưởng - Phục vụ nhân dân là mục tiêu tối thượng, để ý Đảng hòa quyện với lòng dân, vì cuộc sống ấm no, hạnh phúc của nhân dân.

Điều này đã được thể hiện rất sống động, sâu sắc trong mọi hoạt động, trên mọi lĩnh vực, mà trong đó Chính phủ đã cùng cả hệ thống chính trị và toàn dân, toàn quân nỗ lực vượt qua khó khăn, thách thức, đạt được những thành tựu quan trọng, rất đáng tự hào.

Phó Thủ tướng Chính phủ Phạm Thị Thanh Trà cho biết, Chính phủ đã kiến tạo nền tảng phát triển kinh tế - xã hội ổn định, nhanh và bền vững, hoàn thành 22/26 chỉ tiêu chủ yếu, trong đó vượt toàn bộ chỉ tiêu về xã hội. Nổi bật là, kinh tế vĩ mô ổn định, lạm phát được kiểm soát, các cân đối lớn được bảo đảm, tăng trưởng GDP năm 2025 đạt 8,02%, bình quân 5 năm đạt 6,3%, thuộc nhóm cao trong khu vực và thế giới, đưa nước ta vào nhóm các nước thu nhập trung bình cao.

Cùng với phát triển kinh tế, các lĩnh vực văn hóa, xã hội, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội đạt nhiều kết quả ấn tượng; an sinh xã hội được bảo đảm; đời sống nhân dân được cải thiện, chất lượng cuộc sống được nâng lên; Việt Nam trở thành hình mẫu thành công trong thực hiện các mục tiêu thiên niên kỷ về giảm nghèo; chỉ số hạnh phúc xếp hạng 46/143 quốc gia, tăng 37 bậc so với năm 2020.

Chính phủ cũng đã thực hiện quyết liệt 3 đột phá chiến lược, tạo động lực thúc đẩy phát triển đất nước. Đặc biệt, quán triệt chủ trương của Đảng, Chính phủ đã chỉ đạo triển khai khẩn trương, quyết liệt, hiệu quả cuộc cách mạng sắp xếp tổ chức, tinh gọn bộ máy và xây dựng chính quyền địa phương 2 cấp, mở ra không gian phát triển mới, tạo đột phá xây dựng bộ máy Nhà nước tinh gọn, nâng cao hiệu quả quản trị quốc gia, kiến tạo phát triển và phục vụ Nhân dân tốt hơn.

Cùng với đó, Chính phủ đẩy mạnh cải cách hành chính, xây dựng nền quản trị quốc gia hiện đại, đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, tạo nền tảng cơ bản chuyển từ quản lý bằng mệnh lệnh hành chính sang quản trị dựa trên dữ liệu, công nghệ và kết quả phục vụ. Thúc đẩy mạnh mẽ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số theo tinh thần Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị; chỉ số đổi mới sáng tạo toàn cầu năm 2025 xếp thứ 44/139 quốc gia, vùng lãnh thổ.

Chính phủ nỗ lực xây dựng, duy trì, củng cố môi trường hòa bình, ổn định và thuận lợi cho phát triển đất nước. Nhiệm kỳ vừa qua, toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta đã nỗ lực không ngừng nghỉ trong công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực với tinh thần “không có vùng cấm, không có ngoại lệ”, góp phần quan trọng củng cố, tăng cường niềm tin của nhân dân, doanh nghiệp, bạn bè quốc tế.

**Kiến tạo phát triển, lấy liêm chính làm nền tảng, lấy hành động quyết liệt làm cam kết, lấy phục vụ người dân là mục tiêu tối thượng**

Phó Thủ tướng Chính phủ Phạm Thị Thanh Trà nhấn mạnh, quán triệt tinh thần Nghị quyết Đại hội XIV của Đảng, đất nước bước vào giai đoạn phát triển mới, với những chuyển động mang tính bước ngoặt lịch sử, Chính phủ tiếp tục nỗ lực hết sức mình thực hiện sứ mệnh “kiến tạo phát triển, liêm chính, hành động quyết liệt, phục vụ Nhân dân”. Trong đó, tập trung vào 6 nhiệm vụ trọng tâm.

Một là, tiếp tục đột phá xây dựng và hoàn thiện thể chế, giải phóng mọi nguồn lực cho phát triển; coi đây là “đột phá của đột phá”, lợi thế cạnh tranh quốc gia. Thể chế phải thực sự chuyển đổi trạng thái quản lý sang kiến tạo phục vụ phát triển; giảm chi phí tuân thủ cho người dân và doanh nghiệp, khơi dậy khát vọng, niềm tin và ý chí vươn lên mạnh mẽ của toàn xã hội.

Trong đó, tập trung thể chế hóa Nghị quyết Đại hội XIV của Đảng, các nghị quyết chuyên đề cốt lõi của Bộ Chính trị... Đồng thời chú trọng tạo môi trường thông thoáng, khuôn khổ pháp lý ổn định, có tính dự báo cao để tạo động lực thúc đẩy tăng trưởng nhanh, bền vững gắn với giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát và bảo đảm các cân đối lớn của nền kinh tế.

Hai là, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, cơ cấu lại nền kinh tế, đổi mới mạnh mẽ mô hình tăng trưởng; lấy khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số làm động lực chính; nguồn nhân lực chất lượng cao làm yếu tố cốt lõi để thúc đẩy các động lực tăng trưởng mới. Tập trung xây dựng tự chủ chiến lược, phát triển các ngành công nghiệp nền tảng, công nghiệp mũi nhọn... Chú trọng thúc đẩy mạnh mẽ kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, kinh tế tri thức; khai thác hiệu quả các không gian phát triển mới, các mô hình, phương thức sản xuất kinh doanh mới. Phát huy mạnh mẽ vai trò của kinh tế nhà nước, kinh tế tư nhân và đầu tư nước ngoài theo tinh thần Nghị quyết Đại hội XIV và các Nghị quyết cốt lõi của Bộ Chính trị.

Ba là, tập trung phát triển hệ thống hạ tầng chiến lược đồng bộ, hiện đại, kiến tạo không gian phát triển mới. Khơi thông, huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực; tạo chuyển

biển rõ nét về tiến độ và phương pháp, hiệu quả đầu tư; tăng cường hợp tác công tư; hoàn thiện cơ chế chính sách huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực xã hội cho đầu tư kết cấu hạ tầng nhằm giảm chi phí đầu vào, tăng sự cạnh tranh của hàng hóa Việt Nam trên trường quốc tế.

Bốn là, chú trọng văn hóa, xã hội, tạo nền tảng cho đất nước phát triển nhanh và bền vững. Tiếp tục hoàn thiện các chính sách xã hội, lấy con người và hạnh phúc của người dân là trung tâm, bảo đảm công bằng, bao trùm, bền vững - gắn chặt với phát triển kinh tế, tiến bộ và công bằng xã hội “không để ai bị bỏ lại phía sau”.

Năm là, đổi mới, hiện đại hóa nền quản trị quốc gia, lấy hiệu quả phục vụ và sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp làm thước đo; đẩy mạnh xây dựng Chính phủ số, xã hội số và công dân số trên nền tảng dữ liệu số thống nhất, đồng bộ, thông suốt, dùng chung trong hệ thống hành chính nhà nước và người dân theo thời gian thực.

Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền gắn với phân bổ nguồn lực và tăng cường kiểm tra, giám sát với phương châm “địa phương quyết, địa phương làm, địa phương chịu trách nhiệm” một cách thực chất và hiệu quả nhất. Tập trung nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của chính quyền địa phương 02 cấp.

Đặc biệt, Chính phủ quan tâm xây dựng văn hóa liêm chính; kỷ luật, kỷ cương; đẩy mạnh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí; xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm, lấy danh dự là điều thiêng liêng nhất, lấy hiệu quả phục vụ nhân dân làm giá trị cốt lõi, đặt lợi ích quốc gia - dân tộc lên trên hết.

Sáu là, củng cố, tăng cường tiềm lực quốc phòng, an ninh, bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền quốc gia, bảo đảm cuộc sống bình yên, hạnh phúc của nhân dân. Tiếp tục tăng cường tiềm lực cho quốc phòng, an ninh, chủ động ứng phó mọi tình huống, chủ động xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân gắn thế trận lòng dân vững chắc, bảo đảm độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, giữ vững ổn định an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội.

Nhấn mạnh “tinh thần của Đại hội là của niềm tin và khát vọng, của đột phá và hành động, kỷ luật và sáng tạo, đoàn kết và phát triển”, Phó Thủ tướng Chính phủ Phạm Thị Thanh Trà khẳng định đây chính là động lực mạnh mẽ, giá trị cốt lõi để Chính phủ tiếp tục nỗ lực hết sức mình, phát huy cao nhất sứ mệnh kiến tạo phát triển, lấy liêm chính làm nền tảng, lấy hành động quyết liệt làm cam kết và lấy phục vụ người dân là mục tiêu tối thượng, cùng toàn Đảng, toàn dân, toàn quân sớm đưa Nghị quyết Đại hội XIV của Đảng vào cuộc sống, góp phần hiện thực hóa khát vọng xây dựng đất nước Việt Nam giàu mạnh, phồn vinh, văn minh, hạnh phúc, vững bước đi lên chủ nghĩa xã hội.

*Nguồn: nhandan.vn*

# NGHỊ QUYẾT 01/NQ-CP VỀ NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU THỰC HIỆN KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026

Chính phủ ban hành Nghị quyết số 01/NQ-CP về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2026.

Nghị quyết nêu: Năm 2025, trong bối cảnh có nhiều khó khăn, thách thức từ bên ngoài và thiên tai, bão lũ diễn biến phức tạp, vượt mức lịch sử, chúng ta đã chủ động, sáng tạo, quyết liệt, kịp thời, hiệu quả trong chỉ đạo, điều hành, thích ứng linh hoạt với tình hình, “xoay chuyển tình thế, chuyển đổi trạng thái”.

Nhờ đó, tình hình kinh tế - xã hội năm 2025 tiếp tục đạt được nhiều kết quả ấn tượng, rất đáng trân trọng, tự hào, được Nhân dân và cộng đồng quốc tế đánh giá cao; tiếp tục tạo xu thế đổi mới, tạo đà phát triển nhanh, bền vững, bao trùm, toàn diện bước vào kỷ nguyên mới.

Năm 2026 có ý nghĩa quan trọng, khởi đầu một giai đoạn phát triển mới, là năm diễn ra Đại hội lần thứ XIV của Đảng, tổ chức bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031, năm đầu triển khai Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2026 - 2030, phấn đấu tăng trưởng 2 con số.

Trong khi đó, tình hình thế giới dự báo tiếp tục phức tạp, khó lường, tiềm ẩn nhiều rủi ro. Ở trong nước, thời cơ, thuận lợi và khó khăn, thách thức đan xen, nhưng khó khăn, thách thức nhiều hơn, nhất là từ bên ngoài; các vấn đề an ninh phi truyền thống, dịch bệnh, thiên tai, biến đổi khí hậu tiếp tục ảnh hưởng nặng nề...

**Thực hiện mục tiêu tăng trưởng GDP cả nước năm 2026 phấn đấu từ 10% trở lên gắn với giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô**

Chính phủ yêu cầu các cấp, ngành, địa phương tập trung chỉ đạo, điều hành thực hiện mục tiêu tăng trưởng GDP cả nước năm 2026 phấn đấu từ 10% trở lên gắn với giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát và bảo đảm các cân đối lớn; phát huy sức mạnh đoàn kết, không ngừng đổi mới, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, tự tin, tự lực, tự cường, tự chủ chiến lược, quyết tâm cao, nỗ lực lớn, hành động quyết liệt theo chủ đề “Kỷ cương trách nhiệm; chủ động hiệu quả; đổi mới sáng tạo; tăng tốc đột phá; tăng trưởng bền vững” với 05 quan điểm, trọng tâm chỉ đạo điều hành, gồm:

1. Quán triệt và thực hiện nghiêm các nghị quyết của Đảng, Quốc hội, nhất là Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIV, với tinh thần “Đảng đã chỉ đạo, Chính phủ đã thống nhất, Quốc hội đồng tình, Nhân dân ủng hộ, Tổ quốc mong đợi, bạn bè giúp đỡ thì chỉ bàn làm, không bàn lùi”.

2. Giữ đà, giữ nhịp và tăng tốc, bứt phá; bám sát thực tiễn, nhận diện và phát huy hiệu quả mọi cơ hội, thuận lợi; kịp thời ứng phó với những vấn đề phát sinh.

3. Đổi mới căn bản tư duy phát triển, phương thức quản trị và phân bổ nguồn lực; giải quyết hiệu quả các vấn đề trước mắt để tạo đà tăng trưởng, thực hiện các cải cách chiến lược, dài hạn để chuyển đổi mô hình phát triển, lấy khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số làm động lực chính. Phát triển các thành phần kinh tế, kết hợp hiệu quả các nguồn lực cho phát triển.

4. Siết chặt kỷ luật, kỷ cương; tiếp tục đổi mới tư duy xây dựng pháp luật, đẩy mạnh xây dựng, hoàn thiện đồng bộ thể chế phát triển đất nước gắn với phân cấp, phân quyền; tăng cường giám sát, kiểm tra, đôn đốc, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc. Tiếp tục đẩy mạnh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí.

5. Phát triển kinh tế, xã hội, môi trường là trung tâm, xây dựng Đảng là then chốt, phát triển văn hóa là nền tảng, bảo đảm quốc phòng, an ninh và đẩy mạnh đối ngoại là trọng yếu, thường xuyên.

**Tăng cường phân cấp, phân quyền, đề cao trách nhiệm người đứng đầu; đẩy mạnh hơn nữa công tác phòng, chống tham nhũng**

Để thực hiện được mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội năm 2026, Chính phủ đưa ra 12 nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu sau:

1. Tập trung hoàn thiện đồng bộ thể chế, pháp luật, nâng cao hiệu quả công tác tổ chức thi hành pháp luật; đẩy mạnh cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh.

2. Tiếp tục ưu tiên thúc đẩy tăng trưởng gắn với giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát và bảo đảm các cân đối lớn, nợ công, bội chi ngân sách nhà nước trong giới hạn quy định; ứng phó kịp thời, hiệu quả với các biến động kinh tế, thương mại thế giới; thúc đẩy và làm mới các động lực tăng trưởng truyền thống (đầu tư, tiêu dùng, xuất khẩu), khai thác mạnh mẽ các động lực tăng trưởng mới.

3. Tiếp tục hoàn thiện quy định về tổ chức bộ máy hành chính; tăng cường phân cấp, phân quyền, đề cao trách nhiệm người đứng đầu; đẩy mạnh hơn nữa công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, lợi ích nhóm; siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính gắn với kiểm tra, giám sát, kiểm soát quyền lực và phân bổ nguồn lực, nâng cao năng lực thực thi của bộ máy trong điều kiện phân cấp, phân quyền mạnh mẽ.

**Tạo đột phá phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia**

4. Chuyển đổi căn bản mô hình tăng trưởng dựa vào năng suất và đổi mới sáng tạo; đặt nâng cao năng suất, chất lượng nguồn nhân lực, khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo vào trung tâm của chiến lược phát triển; cơ cấu lại nền kinh tế theo hướng xanh, số, tuần hoàn, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, lấy khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số làm động lực chính, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh, tính tự chủ, sức chống chịu của nền kinh tế.

5. Tập trung đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng chiến lược hiện đại, đồng bộ, tạo nền tảng cho năng lực cạnh tranh quốc gia, nhất là các công trình giao thông trọng điểm, hệ thống giao thông trục quốc gia, đường sắt, sân bay quốc tế, cảng biển, năng lượng; thúc đẩy các dự

án có tính liên vùng, hạ tầng đô thị lớn, hạ tầng chuyển đổi số; điều chỉnh quy hoạch phù hợp với bối cảnh mới.

6. Tạo đột phá phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; chú trọng phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, nhất là trong lĩnh vực chip, bán dẫn, trí tuệ nhân tạo; nâng mặt bằng kỹ năng của toàn xã hội.

**Phát triển toàn diện các lĩnh vực văn hóa, xã hội, nâng cao đời sống nhân dân, bảo đảm an sinh xã hội**

7. Chú trọng phát triển toàn diện, đồng bộ các lĩnh vực văn hóa, xã hội, nâng cao đời sống nhân dân và bảo đảm an sinh xã hội.

8. Chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu, phòng, chống thiên tai, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường; giải quyết hài hoà mối quan hệ giữa phát triển kinh tế với bảo vệ môi trường.

9. Tăng cường liên kết vùng, thực hiện hiệu quả quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh; nâng cao chất lượng đô thị hoá và kinh tế đô thị.

10. Củng cố vững chắc quốc phòng, an ninh, bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất toàn vẹn lãnh thổ; tiếp tục xây dựng và củng cố thể trận quốc phòng toàn dân, thể trận an ninh nhân dân gắn với thể trận lòng dân vững chắc; bảo đảm an ninh, trật tự an toàn xã hội.

11. Triển khai đồng bộ, hiệu quả, toàn diện công tác đối ngoại, hội nhập quốc tế; giữ vững môi trường hòa bình, ổn định, tạo điều kiện thuận lợi, thu hút các nguồn lực phục vụ phát triển, củng cố và nâng cao uy tín, vị thế quốc tế của Việt Nam.

12. Chủ động hơn nữa công tác thông tin tuyên truyền, tạo động lực, truyền cảm hứng, khuyến khích đổi mới sáng tạo; nâng cao hiệu quả công tác dân vận.

Chính phủ giao Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương theo chức năng, nhiệm vụ được giao, thực hiện quyết liệt, kịp thời, hiệu quả Kết luận số 199-KL/TW ngày 10/10/2025 của Trung ương; Nghị quyết số 244/2025/QH15 ngày 13/11/2025 của Quốc hội về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2026, Nghị quyết số 245/2025/QH15 ngày 13/11/2025 về dự toán ngân sách nhà nước năm 2026, các Nghị quyết khác của Đảng, Quốc hội và Nghị quyết này; kịp thời xử lý các vấn đề phát sinh; chịu trách nhiệm toàn diện trước Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về kết quả thực hiện.

Trước ngày 20/01/2026, ban hành Chương trình, Kế hoạch hành động, các văn bản của bộ, ngành, địa phương để thực hiện Nghị quyết này; xác định rõ mục tiêu, nhiệm vụ, tiến độ, phân công đơn vị chủ trì, gửi Bộ Tài chính tổng hợp, báo cáo tại phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 01/2026.

Xây dựng kịch bản tăng trưởng của ngành, lĩnh vực hằng quý, cả năm 2026; các địa phương rà soát, xây dựng kịch bản tăng trưởng GRDP năm 2026 theo 03 khu vực kinh tế, 21 ngành cấp 01 và thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm theo từng quý, gửi Bộ Tài chính trong tháng 02/2026 để tổng hợp, theo dõi.

Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chỉ đạo nghiên cứu, rà soát các nguồn lực, động lực, năng lực mới cho tăng trưởng, giải pháp thực hiện, báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp trong tháng 02/2026 để điều chỉnh mục tiêu tăng trưởng GRDP của địa phương trong trường hợp Hội đồng nhân dân đã quyết nghị mục tiêu tăng trưởng thấp hơn mục tiêu tại Nghị quyết này.

Nguồn: nhandan.vn

## TIẾP TỤC HOÀN THIỆN, NÂNG CAO HIỆU QUẢ VẬN HÀNH MÔ HÌNH CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG 02 CẤP

Ngày 21/01/2026, Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính ký Công văn số 84/TTg-TCCV yêu cầu các bộ, ngành, địa phương tiếp tục hoàn thiện, nâng cao hiệu lực, hiệu quả vận hành mô hình chính quyền địa phương 02 cấp.

Công văn nêu: Thực hiện Kết luận số 228-KL/TW ngày 31/12/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về tình hình, kết quả hoạt động của bộ máy hệ thống chính trị và chính quyền địa phương 02 cấp; xét đề nghị của Bộ Nội vụ tại Báo cáo số 153/BC-BNV ngày 9/1/2026, để tiếp tục hoàn thiện, nâng cao hiệu lực, hiệu quả vận hành mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, Thủ tướng Chính phủ yêu cầu các bộ, ngành và địa phương tập trung thực hiện nghiêm túc các nhiệm vụ sau:

### 1- Đối với các bộ, ngành trung ương

Tiếp tục quán triệt và triển khai các Kết luận của Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư; khẩn trương rà soát toàn bộ hệ thống văn bản quy phạm pháp luật theo ngành, lĩnh vực quản lý, kịp thời sửa đổi, bổ sung, ban hành mới hoặc bãi bỏ các quy định không còn phù hợp với mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, tập trung vào các lĩnh vực tài chính – ngân sách, đất đai, quy hoạch, tổ chức bộ máy, cán bộ, cải cách hành chính, chuyển đổi số, khoa học và công nghệ, giáo dục và đào tạo. Thực hiện nghiêm phân cấp, phân quyền, phân định thẩm quyền; đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, chuyển đổi số và nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước.

Trong đó, tập trung thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm sau:

- Bộ Nội vụ khẩn trương rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung các quy định liên quan đến lao động, việc làm bảo đảm phù hợp với quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương, giúp địa phương có cơ sở thực hiện việc ủy quyền cho Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện tốt công tác quản lý, phù hợp với mô hình chính quyền địa phương 02 cấp; khẩn trương tham mưu, trình cấp có thẩm quyền sửa đổi Nghị định số 126/2024/NĐ-CP ngày 08/10/2024 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội và sửa đổi Quyết định số 30/2011/QĐ-TTg ngày 01/6/2011 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ thù lao đối với người

đã nghỉ hưu giữ chức danh lãnh đạo chuyên trách tại các hội sau khi có chủ trương của Bộ Chính trị.

- Bộ Tài chính tiếp tục tăng cường kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn các địa phương thực hiện bố trí, sắp xếp, xử lý trụ sở, tài sản công sau khi sắp xếp tổ chức bộ máy, sắp xếp đơn vị hành chính, bảo đảm theo đúng chỉ đạo của các cấp có thẩm quyền và quy định pháp luật; công khai thông tin tiến độ sắp xếp, xử lý trụ sở, tài sản công của từng địa phương trên Cổng Thông tin điện tử của Bộ Tài chính và các phương tiện thông tin đại chúng. Bám sát chủ trương, chỉ đạo của Bộ Chính trị tại Kết luận số 202-KL/TW ngày 31/10/2025, tiếp tục hướng dẫn việc thực hiện điều chuyển, chuyển đổi công năng các cơ sở nhà, đất để sử dụng làm trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, cơ sở y tế, giáo dục, văn hóa, thể thao, các mục đích công cộng, quốc phòng, an ninh và các mục đích khác phù hợp với quy hoạch sử dụng đất của địa phương và quy hoạch có liên quan (thông qua giao đất, cho thuê đất,... theo quy định của pháp luật về đất đai).

- Bộ Nông nghiệp và Môi trường thường xuyên rà soát, khắc phục các lỗi của Hệ thống thông tin do bộ quản lý (công bố thông tin thức ăn chăn nuôi,...), bảo đảm phù hợp với mô hình chính quyền địa phương 02 cấp. Hướng dẫn, đơn giản hóa quy trình, hồ sơ, biểu mẫu thủ tục đất đai tại cấp xã; chỉ đạo triển khai cơ sở dữ liệu ngành nông nghiệp và danh mục dữ liệu mở đến cấp xã.

#### **Hoàn thành các mục tiêu cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính**

- Bộ Công an, Bộ Khoa học và Công nghệ phối hợp với các bộ, ngành liên quan triển khai đồng bộ hạ tầng số, cơ sở dữ liệu dùng chung, bảo đảm liên thông, phục vụ hiệu quả người dân và doanh nghiệp.

- Bộ Tư pháp tham mưu giúp Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ để đôn đốc hoàn thành các mục tiêu cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính điều kiện kinh doanh; cung cấp dịch vụ công trực tuyến và thực hiện thủ tục hành chính không phụ thuộc vào địa giới hành chính trong phạm vi cấp tỉnh.

#### **Bảo đảm cung ứng đầy đủ dịch vụ công thiết yếu cho người dân và doanh nghiệp**

2- Đối với Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

- Tổ chức quán triệt và triển khai nghiêm Kết luận số 228-KL/TW và các chỉ đạo của Trung ương, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về vận hành mô hình chính quyền địa phương 02 cấp.

- Khẩn trương đưa các tổ chức, đơn vị chuyên môn như khuyến nông, văn phòng đăng ký đất đai, ban quản lý vào hoạt động hiệu lực, hiệu quả, bảo đảm cung ứng đầy đủ dịch vụ công thiết yếu cho người dân và doanh nghiệp.

- Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng, bố trí cán bộ, công chức cấp xã đúng chuyên môn, nhất là trong các lĩnh vực tài chính, đất đai, quy hoạch, công nghệ thông tin; đơn giản hóa quy trình nội bộ, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số.

- Hoàn thiện hạ tầng số, nền tảng số và cơ sở dữ liệu; chuẩn hóa quy trình công việc; đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, bảo đảm giải quyết công việc nhanh, công khai, minh bạch; tiếp tục số hóa hồ sơ, tài liệu phục vụ vận hành mô hình chính quyền địa phương 02 cấp.

Thủ tướng yêu cầu Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chịu trách nhiệm trước Thủ tướng Chính phủ về kết quả triển khai thực hiện.

Bộ Nội vụ chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan theo dõi, đôn đốc, tổng hợp tình hình thực hiện và kịp thời báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

*Phuong Nhung, Trung tâm Công nghệ thông tin, Bộ Nội vụ*

## BẮT ĐẦU TIẾP NHẬN HỒ SƠ CẤP PHÉP THỊ TRƯỜNG TÀI SẢN MÃ HÓA TỪ NGÀY 20/01/2026

Ủy ban chứng khoán Nhà nước (UBCKNN) cho biết từ ngày 20/01/2026, việc tiếp nhận hồ sơ cấp giấy phép cung cấp dịch vụ tổ chức thị trường giao dịch tài sản mã hóa chính thức được triển khai theo các thủ tục hành chính mới ban hành của Bộ Tài chính.

Triển khai Nghị quyết số 05/2025/NQ-CP ngày 09/9/2025 của Chính phủ về việc thí điểm thị trường tài sản mã hóa tại Việt Nam, Bộ Tài chính đã ban hành Quyết định số 96/QĐ-BTC ngày 20/01/2026 công bố các thủ tục hành chính mới trong lĩnh vực này, thuộc phạm vi chức năng quản lý của bộ.

Theo quyết định trên, có 3 thủ tục hành chính mới được ban hành, bao gồm: cấp giấy phép cung cấp dịch vụ tổ chức thị trường giao dịch tài sản mã hóa; điều chỉnh giấy phép cung cấp dịch vụ tổ chức thị trường giao dịch tài sản mã hóa; và thu hồi giấy phép cung cấp dịch vụ tổ chức thị trường giao dịch tài sản mã hóa.

Các tổ chức, cá nhân quan tâm có thể tra cứu chi tiết nội dung, thành phần hồ sơ và trình tự thực hiện tại Phụ lục thủ tục hành chính mới ban hành kèm theo Quyết định số 96/QĐ-BTC, được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban chứng khoán Nhà nước tại địa chỉ [www.ssc.gov.vn](http://www.ssc.gov.vn).

Thống kê đến thời điểm hiện nay cho thấy, đã có khoảng 10 công ty chứng khoán và ngân hàng công bố kế hoạch, sẵn sàng tham gia cung cấp dịch vụ sàn giao dịch tài sản mã hóa khi được cơ quan quản lý cấp phép.

Trong nhóm công ty chứng khoán, Chứng khoán SSI từ năm 2022 đã thành lập Công ty cổ phần Công nghệ số SSI (SSI Digital - SSID). Gần đây, SSID cùng Công ty TNHH Quản lý Quỹ SSI ký kết hợp tác chiến lược với Tether, U2U Network và Amazon Web Services, nhằm xây dựng hệ sinh thái tài chính số tại Việt Nam dựa trên nền tảng blockchain và điện toán đám mây.

Chứng khoán VIX cũng góp vốn thành lập Sàn giao dịch Tài sản mã hóa VIX (VIXEX). Doanh nghiệp này đồng thời ký kết hợp tác với FPT để chuẩn bị hạ tầng công nghệ...

Với khối ngân hàng, MB là đơn vị tiên phong khi hợp tác kỹ thuật với Dunamu - đơn vị vận hành Upbit, sàn giao dịch tiền điện tử lớn nhất Hàn Quốc. Thỏa thuận này hướng tới việc thành lập sàn giao dịch tài sản mã hóa tại Việt Nam, đồng thời phối hợp xây dựng hành lang pháp lý, quy trình vận hành và cơ chế bảo vệ nhà đầu tư.

Techcombank cũng đã thành lập Sàn giao dịch Tài sản mã hóa Techcom (TCEX) với vốn điều lệ hàng trăm tỷ đồng. Đáng chú ý, bảng giá của TCBS hiện đã tích hợp mục “tài sản mã hóa”, theo dõi diễn biến của nhiều tiền điện tử phổ biến...

Theo Nghị quyết số 05/2025/NQ-CP của Chính phủ về việc triển khai thí điểm thị trường tài sản mã hóa tại Việt Nam, tổ chức đăng ký cung cấp dịch vụ tổ chức thị trường giao dịch tài sản mã hóa phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện.

Thứ nhất, tổ chức đăng ký phải là doanh nghiệp Việt Nam, được thành lập và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp.

Thứ hai, vốn điều lệ phải được góp bằng đồng Việt Nam, với mức vốn điều lệ đã góp tối thiểu 10.000 tỷ đồng.

Thứ ba, về cơ cấu cổ đông, tối thiểu 65% vốn điều lệ phải do các tổ chức góp vốn; trong đó, trên 35% vốn điều lệ do ít nhất hai tổ chức là ngân hàng thương mại, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ, công ty bảo hiểm hoặc doanh nghiệp công nghệ góp vốn. Mỗi tổ chức, cá nhân chỉ được góp vốn tại một tổ chức cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa được Bộ Tài chính cấp phép.

Thứ tư, tổ chức đăng ký phải có trụ sở làm việc hợp pháp, đầy đủ cơ sở vật chất, trang thiết bị và hệ thống công nghệ phù hợp với hoạt động cung cấp dịch vụ.

Thứ năm, về nhân sự, Tổng Giám đốc (Giám đốc) phải có tối thiểu 2 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính, chứng khoán, ngân hàng, bảo hiểm hoặc quản lý quỹ. Giám đốc công nghệ hoặc vị trí tương đương phải có ít nhất 5 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực công nghệ thông tin. Đồng thời, tổ chức phải có tối thiểu 10 nhân sự công nghệ có chứng chỉ an toàn thông tin mạng và tối thiểu 10 nhân sự có chứng chỉ hành nghề chứng khoán làm việc tại các bộ phận nghiệp vụ khác.

*Nguồn: baohinhphu.vn*

## TRIỂN KHAI ĐIỀU TRA CƠ SỞ HÀNH CHÍNH, SỰ NGHIỆP TRÊN PHẠM VI TOÀN QUỐC

Bộ Nội vụ vừa ban hành công văn về việc triển khai điều tra cơ sở hành chính, sự nghiệp năm 2026 trên phạm vi toàn quốc nhằm thu thập thông tin về số lượng cơ sở, lao

động, trình độ chuyên môn và kết quả thu, chi của các đơn vị hành chính, sự nghiệp trên phạm vi cả nước.

Theo đó, thực hiện Quyết định số 03/2023/QĐ-TTg ngày 15/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ về Chương trình điều tra thống kê quốc gia, Bộ trưởng Bộ Nội vụ đã ban hành Quyết định số 10/QĐ-BNV ngày 07/01/2026 ban hành Phương án Điều tra cơ sở hành chính, sự nghiệp năm 2026.

Bộ Nội vụ đề nghị các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các cơ quan Trung ương và UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khẩn trương kiện toàn Ban Chỉ đạo và Tổ công tác điều tra các cấp để tổ chức thực hiện kế hoạch, phương án điều tra đảm bảo tiến độ. Trong đó quy định rõ trách nhiệm, nhiệm vụ của Ban Chỉ đạo, Tổ công tác, Tổ Thường trực và các thành viên.

Bộ Quốc phòng, Bộ Công an thành lập Ban chỉ đạo Điều tra cơ sở hành chính, sự nghiệp 2026 của mỗi Bộ do một Thứ trưởng phụ trách công tác thống kê làm Trưởng ban; thành lập Tổ Thường trực giúp việc cho Ban chỉ đạo của mỗi Bộ; tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ theo Phương án Điều tra cơ sở hành chính, sự nghiệp 2026, nhiệm vụ cụ thể theo chỉ đạo của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an và hướng dẫn của Ban chỉ đạo Trung ương.

Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các cơ quan Trung ương thành lập Tổ công tác của mỗi cơ quan do một Lãnh đạo cơ quan làm Tổ trưởng Tổ công tác, thành viên là công chức, viên chức các đơn vị có liên quan tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ theo Phương án Điều tra.

Đối với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập Ban chỉ đạo cấp tỉnh gồm: Chủ tịch (hoặc Phó Chủ tịch) Ủy ban nhân dân tỉnh làm Trưởng ban; thành lập tổ thường trực giúp việc Ban Chỉ đạo.

Đối với Ủy ban nhân dân cấp xã, phường, đặc khu (nếu có), Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu quyết định thành lập Ban chỉ đạo cấp xã do Chủ tịch (hoặc Phó Chủ tịch) Ủy ban nhân dân cấp xã làm Trưởng ban.

Theo yêu cầu của Bộ Nội vụ, Ban Chỉ đạo, Tổ công tác, Tổ Thường trực các Bộ, ngành, địa phương phải được thành lập trước ngày 06/02/2026; riêng Ban Chỉ đạo cấp xã hoàn thành trước ngày 25/02/2026.

Các Bộ, ngành, địa phương có trách nhiệm xây dựng kế hoạch điều tra trong phạm vi quản lý, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và điều kiện thực tế, làm cơ sở tổ chức triển khai điều tra bảo đảm chất lượng và hiệu quả.

Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, hướng dẫn trong quá trình tổ chức thực hiện công tác điều tra; quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ được giao, công khai, minh bạch, tiết kiệm, chấp hành đúng quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và pháp luật có liên quan.

*Phuong Nhung, Trung tâm Công nghệ thông tin, Bộ Nội vụ*

# TỪ 01/7/2026, SỬ DỤNG SỐ ĐỊNH DANH CÁ NHÂN LÀM MÃ ĐỊNH DANH HỒ SƠ ĐIỆN TỬ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC

Theo Nghị định số 27/2026/NĐ-CP ngày 19/01/2026 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức, có hiệu lực từ 01/7/2026, thống nhất sử dụng số định danh cá nhân làm mã định danh hồ sơ điện tử cán bộ, công chức, viên chức.

Nghị định quy định hồ sơ điện tử cán bộ, công chức, viên chức bao gồm:

+ Sơ yếu lý lịch điện tử.

+ Các thành phần hồ sơ khác được tạo lập từ dữ liệu cán bộ, công chức, viên chức.

Mỗi cán bộ, công chức, viên chức có một hồ sơ điện tử được gắn mã định danh duy nhất (mã định danh hồ sơ điện tử) phục vụ công tác quản lý, tra cứu trên môi trường điện tử.

Thống nhất sử dụng số định danh cá nhân làm mã định danh hồ sơ điện tử cán bộ, công chức, viên chức.

Thời hạn lưu trữ hồ sơ điện tử thực hiện theo quy định của pháp luật về văn thư, lưu trữ; pháp luật về cán bộ, công chức, viên chức và pháp luật về dữ liệu, bảo đảm duy trì tính toàn vẹn, tính sẵn sàng và khả năng truy cập của dữ liệu.

## **Sơ yếu lý lịch điện tử**

Sơ yếu lý lịch điện tử được tạo lập đồng thời với quá trình tạo lập hồ sơ điện tử và gắn với một hồ sơ điện tử duy nhất. Mã số sơ yếu lý lịch điện tử sử dụng thống nhất với mã định danh hồ sơ điện tử.

Cấu trúc của Sơ yếu lý lịch điện tử được tạo lập phù hợp với quy định của pháp luật về quản lý hồ sơ cán bộ, công chức, viên chức. Nguồn dữ liệu tạo lập Sơ yếu lý lịch điện tử từ dữ liệu về cán bộ, công chức, viên chức.

## **Cập nhật hồ sơ điện tử trong quá trình làm việc, công tác**

Cán bộ, công chức, viên chức có trách nhiệm thường xuyên cập nhật các thông tin, dữ liệu của cá nhân khi có phát sinh thay đổi vào hồ sơ điện tử và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính trung thực, chính xác đối với thông tin, dữ liệu đã cập nhật.

Cơ quan sử dụng cán bộ, công chức, viên chức có trách nhiệm thường xuyên cập nhật các thông tin, dữ liệu của cán bộ, công chức, viên chức phát sinh từ nghiệp vụ quản lý cán bộ, công chức, viên chức vào hồ sơ điện tử và đồng bộ vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc kể từ khi có thông tin phát sinh.

Đối với các dữ liệu liên quan tới cán bộ, công chức, viên chức sinh ra từ hệ thống thông tin quản lý cán bộ, công chức, viên chức, dữ liệu phải được hệ thống cập nhật vào hồ sơ điện tử.

tử và đồng bộ vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức chậm nhất 01 ngày sau khi quy trình xử lý nghiệp vụ được hoàn thành.

Đối với các dữ liệu liên quan đến cán bộ, công chức, viên chức sinh ra do nghiệp vụ quản lý của các cơ quan, tổ chức khác, cơ quan chủ quản Cơ sở dữ liệu quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức phối hợp với cơ quan chủ quản cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin chứa các dữ liệu này định kỳ hằng tuần thực hiện đồng bộ dữ liệu để thu thập, đối chiếu, cập nhật vào hồ sơ điện tử của cán bộ, công chức, viên chức. Trường hợp các cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin chưa hình thành hoặc chưa đáp ứng yêu cầu kết nối, cán bộ, công chức, viên chức hoặc cơ quan sử dụng cán bộ, công chức, viên chức thực hiện cập nhật dữ liệu trực tiếp vào hồ sơ điện tử cán bộ, công chức, viên chức.

### **Sử dụng hồ sơ điện tử của cán bộ, công chức, viên chức**

Thành phần hồ sơ điện tử trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức được sử dụng thay thế các thành phần hồ sơ giấy trong công tác quản lý cán bộ, công chức, viên chức theo quy định của pháp luật và cấp có thẩm quyền.

Trường hợp do yêu cầu nghiệp vụ phải sử dụng hồ sơ giấy, cơ quan quản lý hoặc cơ quan, đơn vị sử dụng cán bộ, công chức, viên chức khai thác hồ sơ điện tử của cán bộ, công chức, viên chức trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức, chuyển đổi sang bản giấy để sử dụng. Việc chuyển đổi sang bản giấy từ hồ sơ điện tử thực hiện theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử. Cán bộ, công chức, viên chức không phải chuẩn bị lại các thành phần hồ sơ đã có trong hồ sơ điện tử.

Cơ quan quản lý và sử dụng cán bộ, công chức, viên chức không được yêu cầu cán bộ, công chức, viên chức cung cấp lại thông tin, thành phần hồ sơ đã có trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức, trừ trường hợp cần thiết nhằm đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của cá nhân, cơ quan, tổ chức. Trường hợp phát hiện thông tin, dữ liệu có sai lệch, cán bộ, công chức, viên chức, cơ quan quản lý và sử dụng cán bộ, công chức, viên chức có trách nhiệm cập nhật thông tin, dữ liệu thuộc phạm vi thẩm quyền của mình lên hồ sơ điện tử của cán bộ, công chức, viên chức.

Cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền chỉ được truy cập, xem hồ sơ điện tử của cán bộ, công chức, viên chức theo quy định của pháp luật khi được người đó đồng ý bằng thông điệp điện tử. Cán bộ, công chức, viên chức có quyền rút lại ý kiến đã đồng ý. Trường hợp phục vụ công tác cán bộ, cơ quan quản lý hoặc cơ quan sử dụng cán bộ, công chức, viên chức được phép truy cập, xem hồ sơ điện tử cán bộ, công chức, viên chức trong phạm vi thẩm quyền và nhiệm vụ được giao và có nghĩa vụ bảo mật thông tin, bảo vệ dữ liệu cá nhân theo quy định của pháp luật.

### **Quản lý, sử dụng dữ liệu, hồ sơ điện tử của cán bộ, công chức, viên chức thuộc danh mục bí mật nhà nước**

Đối với các dữ liệu, hồ sơ điện tử của cán bộ, công chức, viên chức thuộc danh mục bí mật nhà nước, cơ quan chủ quản Cơ sở dữ liệu quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức; cơ quan chủ quản hệ thống thông tin quản lý cán bộ, công chức, viên chức có trách nhiệm triển

khai các giải pháp, biện pháp để bảo đảm bí mật khi quản lý, lưu trữ, truyền đưa, sử dụng trên môi trường điện tử theo quy định của pháp luật.

Việc sao lưu, trích xuất, quản lý, sử dụng dữ liệu, hồ sơ điện tử thuộc danh mục bí mật nhà nước thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước, pháp luật về cơ yếu.

*Nguồn: baochinhphu.vn*

## ĐẾN NĂM 2027, TRIỂN KHAI TÒA ÁN ĐIỆN TỬ TRONG TOÀN HỆ THỐNG

Tòa án nhân dân Tối cao vừa ban hành Kế hoạch về triển khai thực hiện chuyển đổi số trong Tòa án nhân dân năm 2026.

Theo Kế hoạch, Tòa án nhân dân Tối cao xác định chuyển đổi số là nhiệm vụ trọng tâm, lâu dài, nhằm xây dựng nền tư pháp hiện đại, minh bạch, dựa trên công nghệ số.

Kế hoạch nhằm triển khai nghiêm túc, đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp theo Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị và ý kiến chỉ đạo của Tổng Bí thư Tô Lâm, trong đó nhấn mạnh yêu cầu Tòa án nhân dân Tối cao phải tiên phong trong xây dựng nền tư pháp hiện đại, minh bạch, dựa trên công nghệ số.

Theo đó, chuyển đổi số được xác định là nhiệm vụ trọng tâm, thường xuyên, liên tục và lâu dài của toàn ngành, gắn với trách nhiệm chính trị của người đứng đầu và đội ngũ Thẩm phán, công chức, viên chức của ngành Tòa án

Mục tiêu xuyên suốt là đến năm 2027 triển khai Tòa án điện tử trong toàn hệ thống, trong đó năm 2026 giữ vai trò bản lề.

**Tập trung hoàn thiện hạ tầng số, nền tảng số và dữ liệu số hướng tới triển khai Tòa án điện tử**

Kế hoạch nêu rõ mục tiêu cụ thể, trong năm 2026, ngành Tòa án nhân dân tập trung xây dựng và hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật số, nền tảng số và dữ liệu số theo hướng đồng bộ, hiện đại và an toàn.

Kế hoạch đặt mục tiêu 100% Tòa án nhân dân các cấp có hạ tầng công nghệ thông tin đạt chuẩn an toàn thông tin từ cấp độ 2 trở lên, bảo đảm kết nối thông suốt, vận hành liên tục 24/7, phục vụ triển khai Tòa án điện tử.

Ngành Tòa án phấn đấu 100% Tòa án nhân dân đủ điều kiện tổ chức hội nghị trực tuyến và phiên tòa xét xử trực tuyến; tối thiểu 80% quy trình nghiệp vụ trọng yếu như tiếp nhận đơn, phân công, xét xử, ban hành bản án, lưu trữ... được xử lý trên Nền tảng quản lý án toàn trình và hệ thống tố tụng điện tử.

Cùng với đó, 100% hồ sơ vụ án đủ điều kiện được số hóa và quản lý trên hệ thống hồ sơ điện tử; toàn bộ bản án, quyết định thuộc diện công khai được đăng tải đúng hạn trên Cổng thông tin điện tử và lưu trữ tại Kho dữ liệu bản án - quyết định của Tòa án.

Các dịch vụ tư pháp công trực tuyến như nộp đơn, nộp tài liệu, chứng cứ điện tử, tổng đạt điện tử, nộp tạm ứng án phí, lệ phí, cấp sao bản án... tiếp tục được mở rộng và chuẩn hóa trong toàn hệ thống.

Về dữ liệu, Kế hoạch hướng tới quản lý tập trung, thống nhất toàn bộ hồ sơ án lịch sử trên nền tảng số, tăng cường kết nối, chia sẻ dữ liệu với các cơ sở dữ liệu quốc gia; từng bước làm sạch, xác thực thông tin đương sự, bị can, bị cáo, bảo đảm dữ liệu tư pháp đầy đủ, chính xác, sẵn sàng phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành và ứng dụng trí tuệ nhân tạo.

### **Bảo đảm an toàn thông tin gắn với phát triển nguồn nhân lực số**

Kế hoạch đặc biệt nhấn mạnh yêu cầu bảo đảm an toàn, an ninh thông tin. Theo đó, 100% hệ thống công nghệ thông tin, nền tảng số và cơ sở dữ liệu của ngành Tòa án phải được giám sát tập trung thông qua Trung tâm Giám sát và Điều hành an toàn thông tin (SOC), hoạt động liên tục 24/7.

Mục tiêu xuyên suốt là không để xảy ra sự cố an toàn thông tin nghiêm trọng gây lộ, lọt, mất mát hoặc sai lệch dữ liệu tư pháp.

Cùng với đó, ngành Tòa án tập trung phát triển nguồn nhân lực số, bảo đảm đội ngũ Thẩm phán, công chức, viên chức làm chủ công nghệ, sử dụng hiệu quả các hệ thống số và trí tuệ nhân tạo trong thực thi nhiệm vụ.

100% cán bộ trong hệ thống Tòa án nhân dân sẽ được đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng số và kỹ năng khai thác AI; 100% Tòa án nhân dân cấp tỉnh và 50% số Tòa án khu vực có nhân lực công nghệ thông tin chuyên trách để tham mưu, triển khai và bảo đảm an toàn thông tin tại đơn vị.

Việc ban hành Kế hoạch sẽ tạo bước đột phá trong chuyển đổi số của ngành Tòa án nhân dân, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động tư pháp, tăng cường tính công khai, minh bạch và phục vụ người dân ngày càng tốt hơn trong bối cảnh chuyển đổi số quốc gia.

*Nguồn: baochinhphu.vn*

## **HOÀN THIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ CÁC CHỦ THỂ THAM GIA HOẠT ĐỘNG CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ**

Bộ Khoa học và Công nghệ đang lấy ý kiến dự thảo Nghị định quy định chi tiết một số điều và hướng dẫn biện pháp tổ chức thi hành Luật Chuyển giao công nghệ số 07/2017/QH14 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ số 115/2025/QH15.

Theo Bộ Khoa học và Công nghệ, sau hơn 7 năm triển khai, bên cạnh những kết quả đạt được, quá trình thực hiện Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ đã bộc lộ một số tồn tại, hạn chế cần khắc phục.

Luật Chuyển giao công nghệ năm 2017 và Nghị định số 76/2018/NĐ-CP, quy định về thẩm định công nghệ trong dự án đầu tư còn chưa đầy đủ, chưa đáp ứng được yêu cầu lựa chọn và kiểm soát công nghệ; một số nội dung chưa đồng bộ với các quy định pháp luật về đầu tư, đầu tư công, đầu tư theo phương thức đối tác công tư, bảo vệ môi trường; chưa có quy định về thẩm định công nghệ theo nhu cầu của tổ chức, cá nhân v.v...

Ngoài ra, do quy định chưa đầy đủ, chưa cụ thể, chưa có biện pháp khuyến khích nên số hợp đồng chuyển giao công nghệ đăng ký rất thấp so với thực tế, cơ quan quản lý chưa nắm được thông tin về chuyển giao công nghệ, đặc biệt là chuyển giao công nghệ trong nước.

Chính sách ưu đãi, hỗ trợ chuyển giao công nghệ, ứng dụng, đổi mới công nghệ chưa cập nhật, đồng bộ với pháp luật hiện hành, chưa phát huy hiệu quả trong khuyến khích, thúc đẩy chuyển giao công nghệ cho khu vực doanh nghiệp; chưa có chính sách khuyến khích, hỗ trợ cụ thể cho các đối tượng doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh.

Do đó, cần thiết sửa đổi, bổ sung quy định chi tiết hướng dẫn thi hành Luật Chuyển giao công nghệ, bao gồm sửa đổi, bổ sung những hạn chế, bất cập của Nghị định số 76/2018/NĐ-CP và kịp thời cụ thể hoá, hướng dẫn thi hành các quy định mới của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ.

Mục đích xây dựng dự thảo Nghị định nhằm hoàn thiện khung pháp lý về thẩm định công nghệ, chuyển giao công nghệ, bảo đảm lựa chọn, làm chủ và phát triển công nghệ phù hợp với yêu cầu phát triển đất nước; hoàn thiện các chính sách hỗ trợ các chủ thể tham gia hoạt động chuyển giao công nghệ, đồng thời tăng cường quản lý, kiểm soát rủi ro về công nghệ, hướng tới mục tiêu phát triển bền vững, bảo vệ môi trường, sức khỏe con người.

Tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước tạo và tạo thuận lợi, giảm chi phí tuân thủ cho doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân.

**Hỗ trợ doanh nghiệp có dự án thuộc ngành, nghề ưu đãi đầu tư, địa bàn ưu đãi đầu tư nhận chuyển giao công nghệ từ tổ chức khoa học và công nghệ**

Dự thảo đề xuất hỗ trợ doanh nghiệp có dự án thuộc ngành, nghề ưu đãi, địa bàn ưu đãi đầu tư nhận chuyển giao công nghệ từ tổ chức khoa học và công nghệ:

#### **Điều kiện được hỗ trợ**

Có dự án thuộc ngành, nghề ưu đãi đầu tư, địa bàn ưu đãi đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư.

Có hợp đồng chuyển giao công nghệ hoặc Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ (nếu thuộc đối tượng phải đăng ký chuyển giao công nghệ).

Công nghệ được chuyển giao thuộc dự án có dự án thuộc ngành, nghề ưu đãi đầu tư, địa bàn ưu đãi đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư.

#### **Hình thức hỗ trợ**

a- Thông qua nhiệm vụ hỗ trợ lãi suất vay để thực hiện chuyển giao công nghệ.

b- Hỗ trợ kinh phí thông qua thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo hoặc hỗ trợ trực tiếp thông qua hoạt động phát triển hệ thống đổi mới sáng tạo, hệ sinh thái

khởi nghiệp sáng tạo, thúc đẩy văn hóa đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo theo quy định của pháp luật khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

Nội dung hỗ trợ đối với điểm b nêu trên để phục vụ hoạt động cải tiến, ứng dụng, đổi mới công nghệ, sử dụng tối đa hiệu suất; nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm trong quá trình thực hiện chuyển giao công nghệ bao gồm:

Được ưu tiên đưa vào danh mục nhiệm vụ tuyển chọn, giao trực tiếp và được hỗ trợ theo quy định của chương trình, quỹ thông qua nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

Được hỗ trợ thuê chuyên gia tư vấn phục vụ đánh giá hiệu chỉnh thiết bị, quy trình công nghệ, dây chuyền sản xuất; đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực hấp thụ, làm chủ công nghệ cho doanh nghiệp đối với hỗ trợ trực tiếp.

### **Hỗ trợ tổ chức, doanh nghiệp thực hiện hoạt động chuyển giao công nghệ**

Theo dự thảo, hỗ trợ tổ chức, doanh nghiệp thực hiện hoạt động chuyển giao công nghệ:

#### **1. Đối tượng được Nhà nước hỗ trợ thực hiện hoạt động chuyển giao công nghệ**

Doanh nghiệp, viện nghiên cứu, cơ sở đào tạo, tổ chức là bên có công nghệ tham gia hoạt động chuyển giao công nghệ.

Doanh nghiệp, tổ chức là bên nhận chuyển giao công nghệ để ứng dụng vào sản xuất, kinh doanh, cung cấp dịch vụ.

Tổ chức khoa học và công nghệ, tổ chức trung gian của thị trường khoa học và công nghệ tham gia thực hiện hoạt động tư vấn, môi giới, xúc tiến, hỗ trợ chuyển giao công nghệ.

#### **2. Nguyên tắc và công cụ hỗ trợ tài chính cho hoạt động chuyển giao công nghệ**

Hoạt động chuyển giao công nghệ được xác định là đối tượng được ưu tiên hỗ trợ trong các cơ chế tài chính của Nhà nước về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

Việc hỗ trợ tài chính cho hoạt động chuyển giao công nghệ được thực hiện thông qua các quỹ và hình thức hỗ trợ hiện hành theo quy định của pháp luật về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

Nguồn lực hỗ trợ tài chính cho hoạt động chuyển giao công nghệ bao gồm: Quỹ đổi mới công nghệ quốc gia; Quỹ phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; các nguồn hỗ trợ hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

#### **3. Nội dung hỗ trợ cho hoạt động chuyển giao công nghệ**

Nội dung hỗ trợ thông qua nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo được thực hiện theo quy định của pháp luật về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

Nội dung hỗ trợ thông qua các hoạt động đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo và hoạt động chuyển giao công nghệ được thực hiện theo quy định của pháp luật về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, bao gồm các hoạt động tư vấn, môi giới, xúc tiến, kết nối cung - cầu công nghệ, đánh giá, thẩm định, đào tạo và các hoạt động hỗ trợ khác phục vụ chuyển giao công nghệ.

*Nguồn: baochinhphu.vn*

**TIN ĐỊA PHƯƠNG****HÀ NỘI TRIỂN KHAI NGHỊ QUYẾT SỐ 57-NQ/TW:  
LẤY DỮ LIỆU LÀM TRUNG TÂM,  
THỂ CHẾ LÀM ĐÒN BẦY**

Sau năm đầu triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW, Hà Nội đã từng bước hình thành phương thức quản trị mới dựa trên dữ liệu, khoa học – công nghệ và đổi mới sáng tạo. Bước sang giai đoạn tiếp theo, Thành phố ban hành kế hoạch triển khai với mục tiêu rõ ràng, chỉ tiêu lượng hóa cụ thể và hệ thống giải pháp toàn diện, đồng thời vận dụng hiệu quả Luật Thủ đô để tạo dư địa thể chế cho các mô hình đột phá, góp phần đưa Nghị quyết số 57-NQ/TW đi vào chiều sâu và tạo chuyển biến thực chất.

**Đặt mục tiêu lượng hóa, chuyển mạnh sang quản trị bằng dữ liệu**

Nghị quyết số 57-NQ/TW về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số Quốc gia được Hà Nội xác định là nghị quyết có ý nghĩa chiến lược, đặt nền móng cho đổi mới mô hình phát triển của Thủ đô trong bối cảnh cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư diễn ra mạnh mẽ, yêu cầu về quản trị hiện đại, phát triển xanh, bền vững ngày càng cao. Không chỉ là nghị quyết về khoa học - công nghệ hay chuyển đổi số đơn thuần, Nghị quyết số 57-NQ/TW được Hà Nội tiếp cận như một tư duy phát triển mới, trong đó dữ liệu, đổi mới sáng tạo và con người là trung tâm.

Trong năm đầu triển khai, Thành phố đã tập trung công tác lãnh đạo, chỉ đạo, quán triệt nghị quyết trong toàn hệ thống chính trị; từng bước hình thành nhận thức thống nhất về vai trò của dữ liệu, khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo trong quản lý, điều hành và phát triển. Một số nền tảng dữ liệu, mô hình quản trị số, công cụ hỗ trợ ra quyết định đã được thử nghiệm; tư duy điều hành dựa trên dữ liệu từng bước thay thế cách làm truyền thống, cảm tính.

Theo đánh giá của lãnh đạo Thành ủy Hà Nội, kết quả lớn nhất sau năm đầu triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW chính là sự chuyển biến về nhận thức và phương thức tiếp cận. “Dữ liệu không còn là khái niệm kỹ thuật, mà đã trở thành nguồn lực phát triển và công cụ điều hành quan trọng của Thành phố” - lãnh đạo Thành ủy nhấn mạnh.

Trên cơ sở tổng kết thực tiễn, kế hoạch triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW của Hà Nội trong giai đoạn mới xác định mục tiêu chung là: xây dựng Thủ đô trở thành địa phương đi đầu cả nước về quản trị dựa trên dữ liệu, khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; tạo đột phá về năng suất, chất lượng tăng trưởng và hiệu quả quản lý nhà nước; hình thành các mô hình phát triển mới có khả năng lan tỏa, nhân rộng trên phạm vi toàn quốc.

Cụ thể hóa mục tiêu chung, kế hoạch đề ra các mục tiêu cụ thể, có thể đo lường, tập trung vào bốn trụ cột lớn.

Thứ nhất, kiến tạo và thử nghiệm các mô hình đột phá, phấn đấu thử nghiệm thành công tối thiểu ba mô hình mới trong quản trị đô thị, phát triển kinh tế số, khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo; qua đó tạo cơ sở thực tiễn để Trung ương đánh giá, lựa chọn và nhân rộng.

Thứ hai, đổi mới căn bản quản trị, điều hành, trong đó 100% quyết định điều hành của chính quyền các cấp được hỗ trợ bởi dữ liệu số, hệ thống dashboard; giảm tối thiểu 20% thời gian xử lý các quy trình liên thông; tinh giản mạnh hội họp, giấy tờ hành chính; từng bước chuyển sang phương thức quản trị theo thời gian thực, dựa trên dữ liệu “sống”.

Thứ ba, thúc đẩy tăng trưởng dựa trên khoa học - công nghệ và chuyển đổi số, với các chỉ tiêu cụ thể như: kinh tế số đóng góp 14,5% GRDP vào năm 2026; khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số đóng góp 17,5% GRDP; năng suất nhân tố tổng hợp đóng góp khoảng 50% vào tăng trưởng kinh tế.

Thứ tư, đẩy mạnh chuyển đổi số toàn diện, từ hệ thống chính trị, kinh tế số đến xã hội số. Thành phố đặt mục tiêu phủ sóng 5G tới 70% dân số; 100% hồ sơ công việc trong cơ quan nhà nước được xử lý trên môi trường điện tử; tối thiểu 80% thủ tục hành chính cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình; 95% người dân, doanh nghiệp hài lòng khi sử dụng dịch vụ số.

Song song với đó, Hà Nội đặc biệt chú trọng phát triển khoa học – công nghệ và đổi mới sáng tạo, với mục tiêu thương mại hóa ít nhất 5 sản phẩm công nghệ chiến lược; xây dựng hệ sinh thái khởi nghiệp “Make in Hanoi”; hình thành mạng lưới nhân lực tinh hoa, đội ngũ chuyên gia, nhà khoa học, doanh nhân đổi mới sáng tạo, gắn nghiên cứu - đào tạo với giải quyết các bài toán lớn của Thủ đô. Việc lượng hóa mục tiêu ngay trong kế hoạch thể hiện quyết tâm chuyển mạnh từ “định hướng” sang “hành động”, từ chủ trương sang kết quả cụ thể, có thể đo lường và giám sát.

### **Đồng bộ giải pháp triển khai, lấy thể chế từ Luật Thủ đô làm đòn bẩy**

Để hiện thực hóa các mục tiêu nêu trên, kế hoạch triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW của Hà Nội xác định 20 nhóm nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm, được thiết kế theo tư duy quản trị hiện đại, lấy kết quả đầu ra và chỉ số đo lường (KPI) làm thước đo chủ đạo, thay cho cách đánh giá dựa trên quy trình, thủ tục như trước đây.

Trước hết là nhóm giải pháp về đổi mới công tác chỉ đạo, điều hành, yêu cầu mọi nhiệm vụ đều thực hiện theo nguyên tắc “rõ người, rõ việc, rõ trách nhiệm, rõ sản phẩm, rõ thời hạn, rõ kết quả”. Toàn bộ quá trình triển khai được theo dõi, giám sát trên hệ thống số, báo cáo theo thời gian thực, không chấp nhận độ trễ thông tin hay báo cáo hình thức.

Một nhóm giải pháp then chốt là hoàn thiện thể chế và chính sách, trong đó Hà Nội chủ động nghiên cứu, đề xuất sửa đổi, bổ sung các quy định liên quan trong Luật Thủ đô nhằm tạo hành lang pháp lý đặc thù cho phát triển khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Việc vận dụng Luật Thủ đô không chỉ để tháo gỡ các điểm nghẽn hiện hữu, mà còn để thử nghiệm những cơ chế mới như sandbox chính sách, đặt hàng - khoán sản phẩm, thanh toán theo kết quả đầu ra, chuyển mạnh từ quản lý đầu vào sang quản lý theo hiệu quả.

Cùng với đó, Thành phố tập trung xây dựng hạ tầng số, dữ liệu và trí tuệ nhân tạo dùng chung, hình thành trung tâm dữ liệu tập trung, trung tâm tính toán thông minh, kho dữ liệu “đúng, đủ, sạch, sống, dùng chung”. Đây được xác định là nền tảng cốt lõi cho quản trị đô thị thông minh, hỗ trợ phân tích, dự báo và ra quyết định chính sách.

Cải cách thủ tục hành chính được xác định là giải pháp xuyên suốt, theo hướng tái cấu trúc quy trình dựa trên dữ liệu, cắt giảm thực chất chi phí tuân thủ cho người dân, doanh nghiệp, đồng thời nâng cao hiệu quả vận hành của bộ máy hành chính. Mục tiêu không chỉ là “làm nhanh hơn”, mà là “làm thông minh hơn”, minh bạch hơn.

Đáng chú ý, Hà Nội đặt trọng tâm lớn vào phát triển nguồn nhân lực và bộ máy thực thi, từ kiện toàn tổ chức chuyên trách về khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; xây dựng cơ chế đãi ngộ đặc thù theo Luật Thủ đô; đến hình thành đội ngũ nhân lực số tinh hoa, chuyên gia đầu ngành, gắn đào tạo với các nhiệm vụ cụ thể của Thành phố.

Công tác theo dõi, giám sát và đánh giá được thực hiện toàn trình trên nền tảng số, gắn chặt trách nhiệm người đứng đầu với kết quả thực hiện. Đây được coi là yếu tố then chốt để Nghị quyết số 57-NQ/TW không dừng lại ở chủ trương, mà trở thành động lực đổi mới thực chất trong quản lý, điều hành và phát triển.

Nhấn mạnh vai trò của Hà Nội, lãnh đạo Thành ủy khẳng định: Thủ đô không chỉ triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW cho riêng mình, mà còn có trách nhiệm đi trước, làm trước, tạo mô hình mẫu để Trung ương tổng kết, hoàn thiện cơ chế, chính sách chung cho cả nước.

Với kế hoạch hành động bài bản, mục tiêu lượng hóa rõ ràng và cách tiếp cận quản trị mới dựa trên dữ liệu, khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo, Hà Nội đang thể hiện quyết tâm chính trị cao trong triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW, từng bước khẳng định vai trò tiên phong, dẫn dắt và đóng góp quan trọng vào sự phát triển bền vững của đất nước trong giai đoạn mới.

*Nguồn: kinhtedothi.vn*

## HÀ NỘI: GIAO QUYỀN GIẢI QUYẾT 6 THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC VIỆC LÀM

Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội vừa có Quyết định số 85/QĐ-TTPVHCC công bố thủ tục hành chính lĩnh vực việc làm thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã trên địa bàn thành phố. Theo quyết định, 6 thủ tục hành chính lĩnh vực việc làm sẽ do cấp xã, phường giải quyết kể từ ngày 20/01/2026.

Trong đó, cấp giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động đối với người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam; thời hạn giải quyết trong 5 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định trong trường hợp cấp giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động; 3 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ trong trường hợp không cấp giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động.

Thủ tục gia hạn giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động đối với người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam giải quyết trong 3 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

Thủ tục cấp lại giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động đối với người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam, giải quyết trong 5 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

Đối với thủ tục cấp giấy phép lao động đối với người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam, thời hạn giải quyết trong 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định trong trường hợp cấp giấy phép lao động; 3 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ trong trường hợp không cấp giấy phép lao động.

Thủ tục gia hạn giấy phép lao động đối với người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam giải quyết trong 3 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

Thủ tục cấp lại giấy phép lao động đối với người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam trong 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.

Tổ chức, cá nhân có thể nộp hồ sơ trực tiếp tại các điểm hỗ trợ dịch vụ công số, Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội; qua dịch vụ bưu chính công ích; hoặc nộp hồ sơ trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia ([dichvucong.gov.vn](http://dichvucong.gov.vn)).

Sở Nội vụ có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với cơ quan, đơn vị liên quan xây dựng quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính được công bố tại quyết định này gửi Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố phê duyệt theo quy định.

*Nguồn: hanoimoi.vn*

## LẠNG SƠN: VĂN PHÒNG ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH DẪN ĐẦU BẢNG XẾP HẠNG CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NĂM 2025

Theo kết quả công bố chỉ số cải cách hành chính các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh năm 2025 do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 93/QĐ-UBND ngày 16/1/2026, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh là đơn vị dẫn đầu bảng xếp hạng của 15 sở, ban, ngành với 98,17%. Đây là năm đầu tiên việc chấm điểm xếp hạng chỉ số cải cách hành chính sau khi thực hiện sắp xếp chính quyền địa phương 2 cấp. Đặc biệt, năm 2025, không thực hiện chấm điểm xếp hạng đối với Ủy ban nhân dân cấp xã.

Xếp sau Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh là Sở Nội vụ xếp vị trí thứ 2 (98,07%) và Ban Quản lý Khu Kinh tế cửa khẩu Đồng Đăng - Lạng Sơn xếp vị trí thứ 3 (97,22%). Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch đứng ở cuối bảng xếp hạng với kết quả chỉ số là 84,47%. Theo đánh giá của cơ quan chuyên môn, tuy có sự khác nhau về điểm số và thứ hạng nhưng kết quả chỉ số cải cách hành chính năm 2025 khá cao, không có đơn vị nào dưới 80%.

Theo đó, Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo căn cứ chỉ số cải cách hành chính năm 2025 được công bố, các cơ quan, đơn vị tổ chức quán triệt, rút kinh nghiệm; xác định rõ những tồn tại, hạn chế để có giải pháp khắc phục, góp phần đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao mức độ hài lòng của người dân, tổ chức trong năm 2026 và những năm tiếp theo

Bộ tiêu chí xác định chỉ số cải cách hành chính dựa theo Quyết định số 1639/QĐ-UBND, ngày 19/9/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về quy định xác định Chỉ số cải cách hành chính các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh. Bộ tiêu chí xác định chỉ số cải cách hành chính các sở, ban, ngành được đánh giá trên 8 lĩnh vực, 38 tiêu chí, 56 tiêu chí thành phần.

*Nguồn: baolangson.vn*

## LÀO CAI: CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH TRONG HOẠT ĐỘNG XUẤT - NHẬP CẢNH

Thực hiện chủ trương đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính gắn với chuyển đổi số, thời gian qua, công tác quản lý xuất - nhập cảnh trên địa bàn tỉnh Lào Cai đã có nhiều chuyển biến tích cực, góp phần nâng cao chất lượng phục vụ, tạo thuận lợi cho công dân Việt Nam và người nước ngoài.

Trước đây, để hoàn thiện hồ sơ, người dân thường phải trực tiếp đến cơ quan chức năng nhiều lần, chuẩn bị nhiều loại giấy tờ, mất thời gian chờ đợi. Tuy nhiên, với việc triển khai Cổng dịch vụ công trực tuyến và các phần mềm nghiệp vụ chuyên ngành, các thủ tục xuất - nhập cảnh tại Lào Cai đã từng bước được đơn giản hóa, minh bạch và thuận tiện hơn.

Hiện nay, hầu hết thủ tục như cấp hộ chiếu phổ thông cho công dân Việt Nam; cấp, gia hạn thị thực; cấp thẻ tạm trú cho người nước ngoài... đều được thực hiện trên môi trường điện tử. Người dân có thể chủ động kê khai thông tin, nộp hồ sơ, theo dõi tiến độ giải quyết thông qua Cổng dịch vụ công, đồng thời lựa chọn nhận kết quả trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích. Nhờ đó, tiết kiệm thời gian và chi phí đi lại.

Không chỉ mang lại tiện ích cho công dân trong nước, việc đẩy mạnh chuyển đổi số trong lĩnh vực xuất - nhập cảnh còn góp phần tạo ấn tượng tích cực đối với người nước ngoài khi đến Lào Cai sinh sống, làm việc và du lịch. Việc áp dụng định danh điện tử, số hóa dữ liệu và chuẩn hóa quy trình giải quyết thủ tục giúp rút ngắn thời gian xử lý, tăng tính thống nhất và minh bạch trong quản lý. Anh Nathan Buck - quốc tịch Nam Phi cho biết: “Định danh điện tử rất thuận tiện. Khi đi du lịch, tôi chỉ cần xuất trình thông tin là có thể làm thủ tục nhanh chóng. Ở Lào Cai cũng như tại Việt Nam, các thủ tục được thực hiện dễ dàng và luôn có cán bộ hỗ trợ. Tôi cảm thấy rất hài lòng”.

Để người dân dễ dàng tiếp cận và sử dụng dịch vụ công trực tuyến, Phòng Quản lý xuất - nhập cảnh, Công an tỉnh Lào Cai đã chủ động bố trí cán bộ hướng dẫn, hỗ trợ từng bước tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả. Đặc biệt, đối với những người chưa quen với thao tác trên

môi trường số, cán bộ trực tiếp hướng dẫn từ khâu tạo tài khoản, kê khai thông tin đến hoàn thiện hồ sơ, giúp hạn chế sai sót và rút ngắn thời gian xử lý. Song song với việc hỗ trợ người dân, đơn vị cũng chú trọng đầu tư, nâng cấp hạ tầng công nghệ và các phần mềm nghiệp vụ chuyên ngành. Việc ứng dụng các hệ thống phần mềm giúp tự động hóa nhiều khâu trong quy trình xử lý hồ sơ, hạn chế sai sót trong nhập liệu, đồng thời nâng cao hiệu quả quản lý, tra cứu và lưu trữ hồ sơ xuất - nhập cảnh.

Theo cán bộ Phòng Quản lý xuất - nhập cảnh, việc số hóa dữ liệu nghiệp vụ giúp thông tin được cập nhật tập trung, thống nhất, phục vụ hiệu quả cho công tác quản lý, theo dõi tình hình công dân Việt Nam và người nước ngoài trên địa bàn. Qua đó, góp phần nâng cao chất lượng tham mưu, đáp ứng yêu cầu quản lý trong tình hình mới.

Nhờ đẩy mạnh chuyển đổi số, đến nay, 100% thủ tục hành chính trong lĩnh vực xuất - nhập cảnh trên địa bàn tỉnh đã được thực hiện trên môi trường điện tử. Quy trình giải quyết hồ sơ được chuẩn hóa, rút gọn, giảm đáng kể giấy tờ; việc tra cứu thông tin, theo dõi tiến độ và nhận kết quả được thực hiện linh hoạt, giúp người dân và doanh nghiệp chủ động hơn trong sắp xếp công việc.

Chuyển đổi số trong công tác xuất - nhập cảnh đã và đang mang lại những hiệu quả rõ nét, góp phần cải cách hành chính, xây dựng nền hành chính hiện đại, chuyên nghiệp, phục vụ tốt hơn nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Lào Cai.

*Nguồn: baolaocai.vn*

## PHÚ THỌ SẼ LÀ TRUNG TÂM CÔNG NGHIỆP, GIÁO DỤC, DỊCH VỤ CỦA VÙNG VÀ CẢ NƯỚC

### Điểm đến lý tưởng cho đầu tư chiến lược

Việc sáp nhập 3 tỉnh Vĩnh Phúc, Hoà Bình và Phú Thọ đã hình thành một Phú Thọ mới với quy mô gần 4 triệu dân, diện tích gần 10.000km<sup>2</sup>, mở ra những cơ hội phát triển vượt bậc.

Trong bối cảnh dòng vốn đầu tư trong và ngoài nước đang có xu hướng dịch chuyển về các địa phương có hạ tầng đồng bộ, quỹ đất sạch và chính sách thông thoáng, Phú Thọ nổi lên là điểm sáng khu vực Trung du và miền núi phía Bắc.

Phú Thọ đặt mục tiêu trở thành điểm đến tin cậy của các nhà đầu tư chiến lược trong và ngoài nước, tập trung vào các lĩnh vực công nghệ cao, phát triển xanh, đổi mới sáng tạo, có giá trị gia tăng cao, có tác động lan tỏa, dẫn dắt và kết nối chuỗi sản xuất, giá trị, cung ứng toàn cầu; đưa Phú Thọ trở thành trung tâm công nghiệp, dịch vụ, logistics, y tế, giáo dục của vùng và cả nước.

Tỉnh đã chủ động triển khai hàng loạt giải pháp quyết liệt, linh hoạt trong điều hành. Cải cách hành chính được đẩy mạnh, khó khăn của doanh nghiệp được tháo gỡ kịp thời, môi trường đầu tư, kinh doanh liên tục được cải thiện, tạo lực đẩy quan trọng cho sản xuất, kinh doanh và thu hút đầu tư.

Đặc biệt, tỉnh đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhiều tuyến giao thông liên vùng chiến lược kết nối Hà Nội, Tuyên Quang, Lào Cai và các hành lang kinh tế phía Tây Bắc. Đây là điều kiện thuận lợi để hình thành các tuyến logistics, phát triển công nghiệp chế biến - chế tạo và thu hút nhà đầu tư nước ngoài.

Năm 2025, tỉnh Phú Thọ thu hút hơn 1,51 tỷ USD vốn FDI, đạt 143% kế hoạch, tăng 64% so với năm 2024. Đây là mức thu hút FDI cao nhất từ trước đến nay của tỉnh, phản ánh rõ nét nỗ lực cải thiện môi trường đầu tư, đẩy mạnh cải cách hành chính và đồng hành cùng doanh nghiệp của chính quyền các cấp.

Điểm nổi bật trong bức tranh FDI năm 2025 là cơ cấu vốn tương đối cân bằng, với khoảng 0,74 tỷ USD vốn đăng ký mới và 0,77 tỷ USD vốn điều chỉnh tăng thêm.

Đặc biệt, Phú Thọ đã đạt được những kết quả nổi bật trong thu hút các dự án đầu tư chiến lược, cả FDI và DDI. Các tập đoàn xuyên quốc gia như: Toyota, Honda, Piaggio, BYD, Compal... đóng vai trò trụ cột, hình thành hệ sinh thái công nghiệp có tính lan tỏa mạnh, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng hiện đại, nâng năng suất lao động và mở rộng mạng lưới hợp tác quốc tế.

Bên cạnh đó, một số mô hình liên doanh, liên kết giữa doanh nghiệp FDI và doanh nghiệp trong nước trong lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ, cơ khí - linh kiện, nông nghiệp, logistics đã bước đầu phát huy hiệu quả, tạo nền tảng để nâng cao năng lực tham gia chuỗi giá trị cho khu vực DDI. Toàn tỉnh hiện có 15 dự án chiến lược với tổng vốn đăng ký hơn 7 tỷ USD. Các nhà đầu tư chiến lược đã đem lại dấu ấn quan trọng, khẳng định vai trò dẫn dắt tăng trưởng kinh tế của tỉnh.

### **Tập trung các đột phá chiến lược**

Năm 2026 có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với sự phát triển của đất nước nói chung và tỉnh Phú Thọ nói riêng. Đây là năm diễn ra Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng; bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031; đồng thời là năm đầu tiên thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2026 - 2030.

Tỉnh Phú Thọ xác định, mục tiêu tổng quát là khai thác hiệu quả tiềm năng, lợi thế và các nguồn lực cho tăng trưởng; đổi mới mô hình tăng trưởng theo chiều sâu, lấy khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và kinh tế tư nhân làm động lực chủ yếu.

Cụ thể, Phú Thọ phấn đấu duy trì tốc độ tăng trưởng GRDP giai đoạn 2026 - 2030 đạt khoảng 11-12%/năm; chỉ số phát triển con người (HDI) đạt 0,78; từng bước nâng cao chất lượng giáo dục, y tế và phúc lợi xã hội, bảo đảm người dân được thụ hưởng thành quả phát triển.

Tầm nhìn đến năm 2050, Phú Thọ phấn đấu trở thành thành phố trực thuộc Trung ương, là trung tâm công nghiệp - thương mại - logistics hiện đại của khu vực, có hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, xã hội phồn vinh, người dân có chất lượng cuộc sống cao.

Trong đó, trọng tâm phát triển công nghiệp là nâng cao hiệu quả, năng lực cạnh tranh của các ngành chủ lực, trong đó tập trung vào sản xuất sản phẩm điện tử, linh kiện ô tô, mô tô, phụ tùng và công nghiệp hỗ trợ.

Tỉnh cũng định hướng chuyển đổi các khu công nghiệp hiện có sang mô hình khu công nghiệp sinh thái gắn với phát triển bền vững, tăng trưởng xanh và kinh tế tuần hoàn. Việc thu hút đầu tư cũng sẽ được chọn lọc, ưu tiên các dự án FDI quy mô lớn, sử dụng công nghệ cao, thân thiện môi trường, có khả năng lan tỏa và dẫn dắt chuỗi giá trị sản xuất.

Đối với khu vực dịch vụ, tỉnh định hướng phát triển theo hướng hiện đại, ứng dụng công nghệ cao. Trọng tâm là các ngành có lợi thế như bán buôn, bán lẻ phân khúc trung và cao cấp, giáo dục và đào tạo, y tế chất lượng cao, du lịch nghỉ dưỡng, vui chơi giải trí. Bên cạnh đó, Phú Thọ sẽ đầu tư phát triển mạnh hệ thống logistics và vận tải, hướng tới mục tiêu trở thành trung tâm logistics quan trọng của vùng Trung du và miền núi phía Bắc.

Song hành với phát triển công nghiệp và dịch vụ, Phú Thọ đặc biệt coi trọng đầu tư cho giáo dục, xem đây là nền tảng then chốt để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và sức cạnh tranh dài hạn của nền kinh tế. Tỉnh tập trung rà soát, sắp xếp lại mạng lưới cơ sở giáo dục theo hướng tinh gọn, hiệu quả; đồng thời đẩy mạnh đầu tư các cơ sở đào tạo chất lượng cao, các trường nghề, trung tâm đào tạo kỹ thuật, công nghệ gắn với nhu cầu thực tế của doanh nghiệp và thị trường lao động.

Phú Thọ đang từng bước hình thành hệ sinh thái giáo dục đa tầng, từ giáo dục phổ thông đến đào tạo nghề, giáo dục đại học, sau đại học và đào tạo lại cho người lao động. Sự gắn kết chặt chẽ giữa “nhà trường - doanh nghiệp - Nhà nước” được tăng cường, góp phần tạo nguồn nhân lực có tay nghề cao, tác phong công nghiệp, đáp ứng yêu cầu của các dự án FDI và DDI quy mô lớn. Đây cũng là lợi thế quan trọng để Phú Thọ trở thành trung tâm đào tạo nhân lực cho cả vùng trung du và miền núi phía Bắc.

Cùng với đó, quá trình đô thị hóa được đẩy nhanh theo hướng bền vững và thông minh. Các đô thị trung tâm, đô thị vệ tinh được quy hoạch đồng bộ, hiện đại, gắn với phát triển công nghiệp, dịch vụ và logistics. Hạ tầng xã hội như y tế, giáo dục, văn hóa, thể thao không ngừng được đầu tư nâng cấp, từng bước hình thành môi trường sống chất lượng cao, đủ sức hấp dẫn đội ngũ chuyên gia, kỹ sư, lao động trình độ cao đến sinh sống và làm việc lâu dài.

*Nguồn: giaoducthoidai.vn*

## THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG TẠO KẾT QUẢ THỰC CHẤT VỀ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ

Xác định 2026 là năm “Hành động quyết liệt - Triển khai đột phá - Lan tỏa kết quả”, tạo chuyển biến rõ nét, thực chất và đo lường được trong thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị về phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, các cấp, ngành thành phố Hải Phòng tiếp tục triển khai 6 nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố

về cơ chế, chính sách đặc thù về khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo với một số nội dung mang tính đột phá... Đồng thời, tập trung tháo gỡ các “điểm nghẽn” về thể chế, hạ tầng, nhân lực... đưa việc thực hiện nghị quyết tạo kết quả thực chất, đo đếm được.

### **Địa phương đầu tiên đạt trạng thái “XANH”**

Thực hiện nhiệm vụ Nghị quyết số 57-NQ/TW về đột phá phát triển khoa học công nghệ đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia với tinh thần trách nhiệm, quyết liệt, thành phố Hải Phòng đã đạt được nhiều kết quả quan trọng. Theo báo cáo tình hình triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị năm 2025 và phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm năm 2026, Hội đồng nhân dân thành phố đã ban hành 6 nghị quyết chuyên đề về đột phá phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo theo Nghị quyết số 226/2025/QH15 của Quốc hội.

Ủy ban nhân dân thành phố cũng đã kịp thời ban hành các quyết định đề cụ thể hóa triển khai thực hiện các nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố.

Việc triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW của thành phố được Trung ương, Thành ủy quan tâm, chỉ đạo sát sao; cơ chế, chính sách đặc thù được ban hành kịp thời; tổ chức bộ máy sau hợp nhất được kiện toàn, bảo đảm chỉ đạo thống nhất, giúp Hải Phòng giữ vững vị trí trong top đầu cả nước về 4 chỉ số: Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh PCI; Chỉ số cải cách hành chính PAR Index; Chỉ số đo lường sự hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước SIPAS; Chỉ số xanh cấp tỉnh.

Đồng thời, Hải Phòng đạt thứ 3 về Chỉ số chuyển đổi số (DTI), thứ 4 về Chỉ số đổi mới sáng tạo (PII).

Đối với chuyển đổi số, Hải Phòng là địa phương đầu tiên của cả nước đạt trạng thái “XANH” trên bản đồ giám sát thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW (100% đơn vị cấp xã hoàn thành toàn bộ 108 tiêu chí, đạt trạng thái “XANH”); là địa phương đầu tiên tổ chức Đại hội Đảng bộ cấp tỉnh theo mô hình “Đại hội số”.

Bên cạnh những kết quả tích cực, vốn đầu tư cho phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số chưa đạt chỉ tiêu đề ra. Hoạt động nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo chưa có sự bứt phá; chưa có sản phẩm xứng tầm với tiềm năng, thể mạnh. Việc xây dựng cơ sở dữ liệu chuyên ngành chưa đầy đủ; hạ tầng dữ liệu, nền tảng chia sẻ, kết nối liên thông còn phân tán. Nhân lực khoa học công nghệ, chuyển đổi số còn hạn chế cả về số lượng, chất lượng, nguồn nhân lực chất lượng cao ít so với yêu cầu phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo của thành phố...

### **Tập trung vào nhiệm vụ trọng tâm, sớm có sản phẩm**

Để khẩn trương khắc phục quyết liệt, bài bản những tồn tại đã chỉ ra, năm 2026, thành phố xác định phát triển KHCN, ĐMST và CDS là nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt, gắn với yêu cầu đổi mới mô hình tăng trưởng và nâng cao năng lực cạnh tranh.

Quán triệt, thực hiện phương châm “kỷ cương đi trước, nguồn lực đi cùng, kết quả là thước đo”, công tác chỉ đạo, điều hành phải bảo đảm rõ nhiệm vụ, trách nhiệm, mục tiêu, kết quả, lấy hiệu quả thực thi làm tiêu chí đánh giá chính. Các nhiệm vụ, giải pháp cần được cụ thể hóa đầy đủ, kèm theo chỉ tiêu lượng hóa để theo dõi, giám sát và đánh giá khách quan.

Đối với các nội dung về pháp lý, hạ tầng số, dữ liệu, cải cách thủ tục hành chính, dịch vụ công trực tuyến, nền tảng và ứng dụng số phải triển khai theo hướng đồng bộ - xuyên suốt – liên thông, bảo đảm kết nối hiệu quả trong từng cơ quan, giữa các cơ quan trong cùng khối và giữa các khối trong toàn hệ thống chính trị.

Thành phố đặt ra yêu cầu năm 2026: “Hành động quyết liệt - Triển khai đột phá - Lan tỏa kết quả”, tạo chuyển biến rõ nét, thực chất và đo lường được trong phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, góp phần giữ vững vai trò tiên phong của thành phố trong khu vực và cả nước.

Đối với nhiệm vụ năm 2026, thành phố tiếp tục triển khai 6 nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố về cơ chế, chính sách đặc thù về khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo với một số nội dung mang tính đột phá. Xây dựng, tổ chức triển khai các kế hoạch, đề án gồm: Kế hoạch triển khai Chương trình khoa học công nghệ biển thành phố Hải Phòng đến năm 2030; Kế hoạch thực hiện Đề án xây dựng Hải Phòng trở thành trung tâm quốc tế về đào tạo, nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ biển...

Triển khai kế hoạch phát triển hạ tầng số trên địa bàn thành phố Hải Phòng giai đoạn 2026 - 2030. Trong đó, có triển khai hạ tầng cảm biến thông minh áp dụng cho một số ngành và lĩnh vực; phát triển phủ sóng mạng 5G, trạm BTS kiên cố, thí điểm vệ tinh tầm thấp Starlink.

Tập trung nguồn lực triển khai các chương trình, nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong các lĩnh vực ưu tiên. Tiếp tục đơn giản hóa thủ tục hành chính, tạo thuận lợi tối đa cho người dân, doanh nghiệp, viện, trường. Rà soát, cắt giảm các thủ tục không cần thiết...

Các cấp, ngành quán triệt sâu sắc nội dung Thông báo kết luận của Tổng Bí thư - Trưởng Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tại Hội nghị tổng kết năm 2025, triển khai nhiệm vụ năm 2026 của Ban Chỉ đạo Trung ương. Trong đó, xác định năm 2025 là năm “khởi động, chạy đà”, năm 2026 là năm của hành động và kết quả thực chất.

Văn phòng Thành ủy chủ trì, phối hợp với các quan, đơn vị liên quan tham mưu cho Ban Chỉ đạo triển khai thực hiện hiệu quả Chương trình công tác năm 2026 theo phương châm “6 rõ” (rõ người, rõ việc, rõ thời gian, rõ trách nhiệm, rõ sản phẩm, rõ thẩm quyền). Trong đó, tập trung vào những nhiệm vụ trọng tâm, cấp thiết, cần sớm có sản phẩm cụ thể...

*Nguồn: nhandan.vn*

## HUẾ: CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH TẠO NỀN TẢNG CHO QUẢN TRỊ ĐÔ THỊ HIỆN ĐẠI

Từ những thay đổi cụ thể trong tổ chức bộ máy, phương thức giải quyết thủ tục hành chính đến việc lấy sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp làm thước đo, cải cách hành chính ở thành phố Huế đang chuyển mạnh từ “làm đúng quy trình” sang “phục vụ hiệu quả”.

Đây được xem là nền tảng quan trọng để Huế bứt phá trong giai đoạn phát triển mới, hướng tới quản trị đô thị hiện đại và tăng trưởng bền vững.

### **Bước chuyển rõ nét**

Những ngày đầu vận hành mô hình chính quyền địa phương 2 cấp, không ít người dân lo ngại việc sắp xếp, sáp nhập đơn vị hành chính có thể làm gián đoạn giải quyết thủ tục. Tuy nhiên, thực tế tại nhiều Trung tâm Phục vụ hành chính công xã, phường trên địa bàn thành phố cho thấy một chuyển động tích cực: hồ sơ được tiếp nhận, số hóa và trả kết quả đúng hạn; người dân được hướng dẫn ngay tại chỗ, kể cả với những thủ tục thực hiện hoàn toàn trên môi trường điện tử.

Chị Trần Thị Ngọc Anh trú tại phường Thủy Xuân cho biết, đầu tháng 7/2025, thời điểm thành phố vừa sắp xếp bộ máy chính quyền địa phương 2 cấp, chị làm thủ tục chứng thực hồ sơ cho con đi du học. “Dù ban đầu có chút lo lắng vì phường mới, trụ sở mới, nhưng tôi được hướng dẫn tận tình, hồ sơ xử lý nhanh gọn và hoàn thành trong thời gian ngắn”, chị Ngọc Anh chia sẻ.

Việc đồng loạt chuyển đổi bộ phận “một cửa” truyền thống sang mô hình Trung tâm Phục vụ hành chính công, kết nối thông suốt với Cổng Dịch vụ công quốc gia, đã tạo bước ngoặt trong cải cách thủ tục hành chính của thành phố. Hơn 97% hồ sơ được giải quyết đúng hạn và trước hạn; 100% hồ sơ được số hóa, ký số và trả kết quả điện tử. Thành phố Huế hiện nằm trong nhóm 5 địa phương dẫn đầu cả nước về dịch vụ công trực tuyến, với tỷ lệ giải quyết hồ sơ trực tuyến đạt gần 94%. Các chỉ số cải cách hành chính, năng lực cạnh tranh và quản trị đô thị tiếp tục duy trì ở mức cao.

Theo ông Trần Minh Long, Phó Giám đốc Sở Nội vụ, trong quá trình sắp xếp địa giới hành chính, thành phố đặc biệt chú trọng bảo đảm việc tiếp nhận và trả kết quả thủ tục cho người dân không bị gián đoạn. Thành phố chủ động thiết lập đường dây hỗ trợ trực tuyến 24/24. Đồng thời, bố trí nhân sự bưu chính công ích tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã để hướng dẫn, hỗ trợ người dân số hóa hồ sơ ngay từ cơ sở. Cách làm này giúp hạn chế tối đa độ trễ khi chuyển đổi mô hình, tạo niềm tin cho người dân trong giai đoạn chuyển tiếp.

Song song cải cách thủ tục, Huế lựa chọn chuyển đổi số làm “đòn bẩy” nâng cao chất lượng quản trị. Việc triển khai đồng bộ các nền tảng số dùng chung, từ hệ thống giải quyết thủ tục hành chính, quản lý văn bản, hợp không giấy tờ đến nền tảng Hue-S đã hình thành môi trường làm việc số thống nhất, liên thông từ thành phố đến cơ sở. Qua đó, cải cách hành chính không chỉ nhanh hơn mà còn minh bạch, có thể đo lường bằng dữ liệu.

### **Cải cách không chỉ ở thủ tục**

Nếu người dân cảm nhận cải cách hành chính qua mỗi lần giải quyết hồ sơ, thì bên trong bộ máy, cải cách bắt đầu từ cách tổ chức và vận hành công việc. 2025 là năm đặc biệt khi thành phố Huế đồng thời thực hiện sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy và vận hành mô hình chính quyền địa phương 2 cấp. Khối lượng công việc tăng, áp lực lớn, nhưng cũng chính trong bối cảnh đó, cải cách hành chính được “thử lửa”.

Theo bà Nguyễn Thị Phương Nhi, Phó Giám đốc Sở Tư pháp, đơn vị nhiều năm liền nằm trong nhóm dẫn đầu chỉ số cải cách hành chính, cải cách thể chế là nền tảng bền vững nhất. Việc rà soát, hệ thống hóa và kịp thời xử lý các văn bản quy phạm pháp luật không còn phù hợp đã giúp tháo gỡ vướng mắc cho cơ sở, tạo hành lang pháp lý thông thoáng cho phát triển kinh tế - xã hội. Công tác phổ biến, giáo dục pháp luật cũng được đổi mới theo hướng số hóa, đưa pháp luật đến gần hơn với người dân thông qua các nền tảng trực tuyến.

Ở lĩnh vực cải cách tổ chức bộ máy, việc tinh gọn đầu mối, phân cấp, phân quyền rõ ràng giúp các cơ quan, đơn vị chủ động hơn trong thực thi nhiệm vụ. Đây cũng là lĩnh vực đạt điểm số cao nhất trong đánh giá cải cách hành chính năm 2025. Qua đó, phản ánh sự quyết liệt của thành phố trong triển khai các chủ trương lớn của Trung ương về xây dựng bộ máy tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả.

Xác định cải cách hành chính là nhiệm vụ xuyên suốt, gắn chặt với yêu cầu phát triển nhanh và bền vững, Phó Chủ tịch Thường trực Ủy ban nhân dân thành phố Nguyễn Thanh Bình nhấn mạnh: Cải cách hành chính không chỉ nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước mà quan trọng hơn là tạo môi trường thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp, thúc đẩy đổi mới sáng tạo, thu hút đầu tư và nâng cao chất lượng sống đô thị.

Theo đó, thành phố Huế tiếp tục tập trung vào các khâu “then chốt”: hoàn thiện thể chế phù hợp với mô hình chính quyền địa phương 2 cấp; đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính gắn với chuyển đổi số; nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, nhất là ở cơ sở; lấy sự hài lòng của người dân, tổ chức làm thước đo hiệu quả cải cách. Việc đánh giá cải cách hành chính được thực hiện công khai, minh bạch, gắn với trách nhiệm người đứng đầu, qua đó tạo động lực cải cách từ bên trong bộ máy.

Giai đoạn 2026 - 2030, Huế đặt mục tiêu xây dựng nền hành chính phục vụ, chuyên nghiệp, hiện đại; chính quyền số vận hành dựa trên dữ liệu; dịch vụ công trực tuyến trở thành lựa chọn quen thuộc của người dân. Cải cách hành chính vì vậy không chỉ là nhiệm vụ kỹ thuật, mà là một phần trong khát vọng xây dựng thành phố Huế phát triển bền vững, giữ gìn bản sắc và xứng tầm đô thị Trung ương.

*Nguồn: huengaynay.vn*

## QUẢNG TRỊ: ĐẨY MẠNH CHI TRẢ LƯƠNG HƯU, TRỢ CẤP KHÔNG DỪNG TIỀN MẶT

Chuyển đổi số trong lĩnh vực an sinh xã hội không chỉ là yêu cầu tất yếu, mà còn là thước đo hiệu quả phục vụ người dân. Thời gian qua, bằng những cách làm quyết liệt, linh hoạt và sát thực tiễn, Bảo hiểm xã hội tỉnh Quảng trị đã tạo bước chuyển rõ nét trong chi trả lương hưu, trợ cấp Bảo hiểm xã hội không dùng tiền mặt, hoàn thành vượt kế hoạch năm 2025.

Thực hiện chủ trương của Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh và Bảo hiểm xã hội Việt Nam về đẩy mạnh thanh toán không dùng tiền mặt, ngay từ đầu năm, Bảo hiểm xã hội tỉnh đã xác

định đây không chỉ là nhiệm vụ chuyên môn mà còn là thước đo hiệu quả cải cách hành chính, chất lượng phục vụ người hưởng. Trên tinh thần đó, ngành đã chủ động xây dựng lộ trình triển khai cụ thể, phân công rõ trách nhiệm từng khâu, từng cán bộ; đồng thời tăng cường phối hợp với các sở, ngành, chính quyền địa phương và hệ thống ngân hàng để mở rộng phương thức chi trả qua tài khoản cá nhân.

Điểm khác biệt trong cách làm của Bảo hiểm xã hội tỉnh là không triển khai dàn trải hay áp đặt, mà tập trung tháo gỡ những “điểm nghẽn” lâu nay của người hưởng. Công tác tuyên truyền được đẩy mạnh theo hướng gần dân, sát thực tiễn, kết hợp giữa truyền thông đại chúng và hướng dẫn trực tiếp. Ở nhiều địa phương, cán bộ Bảo hiểm xã hội phối hợp với chính quyền cơ sở, ngân hàng đến tận thôn, khu dân cư để tư vấn, hỗ trợ người hưởng mở tài khoản, làm quen với thẻ và các dịch vụ ngân hàng.

Đối với nhóm người cao tuổi, người chưa quen với công nghệ, đối tượng chiếm tỉ lệ lớn trong diện hưởng lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội hàng tháng, sự kiên trì, mềm dẻo trong vận động đã tạo nên những thay đổi tích cực. Từ tâm lý e ngại ban đầu, nhiều người đã dần nhận thấy sự thuận tiện, an toàn của hình thức nhận tiền qua tài khoản, từng bước hình thành thói quen mới trong tiếp cận chính sách an sinh xã hội.

Song song với tuyên truyền, Bảo hiểm xã hội tỉnh chú trọng ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin, khai thác hiệu quả cơ sở dữ liệu quốc gia về bảo hiểm xã hội. Việc thường xuyên rà soát, cập nhật thông tin người hưởng không chỉ bảo đảm chi trả chính xác, kịp thời mà còn góp phần nâng cao tính minh bạch, an toàn trong quản lý quỹ. Thực tiễn triển khai cho thấy, phương thức chi trả không dùng tiền mặt đã phát huy nhiều ưu điểm vượt trội, như: Rút ngắn thời gian chi trả, giảm chi phí xã hội, hạn chế rủi ro tiền mặt và nâng cao chất lượng phục vụ người dân.

Theo ông Nguyễn Văn Dũng, Phó Giám đốc Bảo hiểm xã hội tỉnh, kết quả đạt được là sự kết tinh của quyết tâm chính trị và cách làm phù hợp với thực tiễn địa phương. “Chúng tôi xác định chi trả không dùng tiền mặt không chỉ là hoàn thành chỉ tiêu, mà quan trọng hơn là tạo sự đồng thuận, tin tưởng của người hưởng. Vì vậy, mỗi cán bộ bảo hiểm xã hội phải thực sự vào cuộc, hướng dẫn tận tình, giải thích rõ ràng để người dân hiểu và yên tâm chuyển đổi phương thức nhận tiền”, ông Nguyễn Văn Dũng nhấn mạnh.

Nhờ những giải pháp đồng bộ đó, tính đến ngày 28/12/2025, toàn tỉnh có 66.645 người hưởng lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội hàng tháng nhận qua tài khoản cá nhân, đạt tỉ lệ 87,83%. Kết quả này không chỉ vượt 7,83% kế hoạch Ủy ban nhân dân tỉnh giao, mà còn vượt 6,83% chỉ tiêu bảo hiểm xã hội Việt Nam giao trong năm 2025, một con số cho thấy sự chuyển biến thực chất, bền vững. Tuy vậy, bảo hiểm xã hội tỉnh cũng thẳng thắn nhìn nhận những khó khăn còn tồn tại, nhất là tại khu vực nông thôn, vùng sâu, vùng xa, nơi hạ tầng công nghệ thông tin và dịch vụ ngân hàng chưa đồng bộ. Một bộ phận người hưởng vẫn còn tâm lý e ngại, chưa thực sự quen với các giao dịch không dùng tiền mặt. Đây cũng là những vấn đề đặt ra để ngành tiếp tục nỗ lực trong chặng đường phía trước.

Việc hoàn thành vượt kế hoạch chi trả lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội không dùng tiền mặt năm 2025 không chỉ là một dấu mốc về chỉ tiêu, mà còn là minh chứng sinh động cho nỗ lực cải cách hành chính, chuyển đổi số của bảo hiểm xã hội tỉnh. Từ những việc làm cụ thể, thiết thực, ngành đang góp phần thực hiện hiệu quả Đề án 06 của Chính phủ và Chiến lược phát triển ngành bảo hiểm xã hội đến năm 2030, hướng tới xây dựng nền an sinh xã hội hiện đại, lấy sự hài lòng của người dân làm thước đo.

*Nguồn: baoquantri.vn*

## KHÁNH HÒA SIẾT CHẶT KỶ CƯƠNG CÔNG VỤ, NGĂN CHẶN NHỮNG NHIỀU

Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa vừa ban hành kế hoạch số 1183/KH-UBND ngày 19/01/2026 về thực hiện các biện pháp phòng ngừa tiêu cực, tăng cường xử lý, ngăn chặn hiệu quả tình trạng nhũng nhiễu, gây phiền hà cho người dân, doanh nghiệp trong giải quyết công việc trên địa bàn tỉnh năm 2026.

Theo kế hoạch, toàn bộ các sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp nhà nước thuộc tỉnh và ủy ban nhân dân cấp xã, phường phải ban hành kế hoạch cụ thể của đơn vị mình trước ngày 01/2. Trọng tâm là nâng cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu trong lãnh đạo, chỉ đạo công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; đồng thời xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức đủ phẩm chất, năng lực, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong giai đoạn mới; hiểu rõ ranh giới giữa trách nhiệm và vi phạm.

Các giải pháp trong kế hoạch là hướng thẳng vào những “điểm nghẽn” để phát sinh tiêu cực. Tỉnh Khánh Hòa yêu cầu tiếp tục rà soát hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, kịp thời phát hiện, kiến nghị xử lý những quy định chồng chéo, bất cập, dễ bị lợi dụng gây phiền hà cho người dân, doanh nghiệp.

Thủ tục hành chính tiếp tục được đơn giản hóa, với yêu cầu rõ ràng: không yêu cầu người dân, doanh nghiệp bổ sung hồ sơ, tài liệu quá một lần sau khi tiếp nhận. Song song đó là nâng cao chất lượng đối thoại, lắng nghe ý kiến phản ánh từ thực tiễn, coi đây là “kênh giám sát” quan trọng để kịp thời chấn chỉnh những biểu hiện nhũng nhiễu ngay từ cơ sở.

Tỉnh Khánh Hòa cũng yêu cầu vận hành hiệu quả hệ thống ghi âm, ghi hình tại các điểm có tiếp xúc trực tiếp với người dân, doanh nghiệp; thực hiện nghiêm việc trả lương qua tài khoản; đẩy mạnh thanh toán trực tuyến trong giải quyết thủ tục hành chính, từng bước hạn chế tiếp xúc trực tiếp, tránh nảy sinh tiêu cực.

Kế hoạch cũng nhấn mạnh việc tăng cường thanh tra, kiểm tra chế độ công vụ; xử lý nghiêm, dứt điểm các hành vi nhũng nhiễu, tiêu cực. Việc định kỳ chuyển đổi vị trí công tác, đặc biệt ở những lĩnh vực nhạy cảm, để phát sinh tham nhũng, được coi là biện pháp quan trọng để “làm sạch” môi trường công vụ. Lựa chọn, bố trí đúng người, đúng việc; tạo điều kiện thuận lợi trong tiếp nhận, xử lý yêu cầu bảo vệ người tố cáo để khuyến khích xã hội cùng

tham gia đấu tranh với tiêu cực. Đồng thời, phát huy mạnh mẽ vai trò giám sát của cơ quan dân cử, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, cơ quan báo chí và nhân dân trong phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực.

*Nguồn: nhandan.vn*

## LÂM ĐỒNG: KHẨN TRƯỞNG LÀM SẠCH DỮ LIỆU CHỨNG MINH NHÂN DÂN 9 SỐ

Xác định dữ liệu dân cư “đúng, đủ, sạch, sống” là nền tảng trong quản lý nhà nước về an ninh, trật tự và cải cách thủ tục hành chính, Công an tỉnh đang quyết liệt triển khai làm sạch dữ liệu tờ khai chứng minh nhân dân 9 số với quyết tâm cao, lộ trình rõ ràng và cách làm bài bản. Đây được xem là nhiệm vụ trọng tâm nhằm nâng cao chất lượng phục vụ người dân, đồng thời tạo tiền đề quan trọng cho quá trình chuyển đổi số.

Thực tế cho thấy, dữ liệu dân cư không chính xác, không đồng bộ sẽ khiến người dân phải đi lại nhiều lần khi giải quyết thủ tục hành chính, phát sinh phiền hà, làm giảm mức độ hài lòng. Nhận thức rõ điều đó, Công an tỉnh xác định việc làm sạch dữ liệu chứng minh nhân dân 9 số không chỉ là yêu cầu nghiệp vụ mà còn gắn trực tiếp với quyền lợi chính đáng của người dân trong các lĩnh vực cư trú, căn cước, định danh điện tử, bảo hiểm, y tế, giáo dục và nhiều dịch vụ công khác.

Thực hiện chỉ đạo của Bộ Công an và Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội (C06) về xử lý, làm sạch thông tin trùng lặp trong dữ liệu tờ khai chứng minh nhân dân 9 số, Công an tỉnh đã chủ động xây dựng kế hoạch triển khai cụ thể, phân công rõ trách nhiệm, yêu cầu nghiêm ngặt về tiến độ và chất lượng. Theo thống kê, toàn tỉnh hiện có 1.794.523 dữ liệu tờ khai chứng minh nhân dân 9 số cần được rà soát, đối sánh và làm sạch theo chỉ tiêu được giao. Đây là một khối lượng công việc rất lớn, đòi hỏi sự tập trung cao độ, tinh thần trách nhiệm và tính chính xác tuyệt đối trong từng thao tác nghiệp vụ.

Công an tỉnh cho biết, ngay sau khi tiếp nhận chỉ đạo, Phòng Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội đã chủ động tham mưu Đảng ủy, Ban Giám đốc Công an tỉnh ban hành kế hoạch triển khai, đồng thời thành lập các tổ công tác chuyên trách với lực lượng cán bộ có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm thực tiễn trực tiếp thực hiện nhiệm vụ. Cùng với đó, hạ tầng kỹ thuật, hệ thống công nghệ thông tin được bảo đảm kết nối thông suốt với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, tạo điều kiện thuận lợi cho việc rà soát, cập nhật, chuẩn hóa thông tin được thực hiện liên tục.

Quá trình triển khai được thực hiện theo phương châm rõ việc, rõ người, rõ tiến độ, rõ kết quả, gắn trách nhiệm cá nhân với chất lượng từng dữ liệu. Cán bộ, chiến sĩ trực tiếp làm nhiệm vụ luôn quán triệt tinh thần lấy người dân làm trung tâm phục vụ. Mỗi dữ liệu được làm sạch đồng nghĩa với việc rút ngắn thêm một khâu thủ tục, giảm bớt một lần người dân phải chờ đợi khi giải quyết công việc hành chính.

Nhờ sự chỉ đạo sát sao của Đảng ủy, Ban Giám đốc Công an tỉnh và sự phối hợp chặt chẽ của công an các đơn vị, địa phương, công tác làm sạch dữ liệu chứng minh nhân dân 9 số đã đạt nhiều kết quả rõ nét. Tính đến ngày 12/1/2026, toàn tỉnh đã xử lý, làm sạch 1.083.750 dữ liệu, đạt 60,39% tổng số cần thực hiện, vượt chỉ tiêu bình quân 8.000 hồ sơ/ngày do C06 giao. Công an tỉnh phấn đấu hoàn thành 100% khối lượng dữ liệu trước ngày 30/4/2026.

Kết quả bước đầu không chỉ thể hiện sự quyết liệt trong chỉ đạo, điều hành mà còn khẳng định tinh thần trách nhiệm của lực lượng cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội. Quan trọng hơn, dữ liệu dân cư ngày càng được chuẩn hóa, đồng bộ đã và đang tạo điều kiện thuận lợi cho việc triển khai dịch vụ công trực tuyến, cắt giảm giấy tờ, rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục hành chính cho người dân.

Công an tỉnh Lâm Đồng cho biết, đang tiếp tục công tác làm sạch, chuẩn hóa dữ liệu dân cư, trong đó có dữ liệu chứng minh nhân dân 9 số, đây là nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt trong tiến trình cải cách hành chính và chuyển đổi số, lấy sự hài lòng của Nhân dân làm thước đo hiệu quả công việc.

*Nguồn: baolamdong.vn*

## ĐỒNG NAI: TẬP TRUNG XÂY DỰNG ĐỘI NGŨ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC

Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai vừa có công văn yêu cầu các xã, phường tiếp tục kiện toàn và nâng cao chất lượng đội ngũ công chức làm công tác tư pháp tại cơ sở.

Theo đó, Chủ tịch Ủy ban nhân dân đề nghị Ủy ban nhân dân các xã, phường tiếp tục quan tâm, bố trí, sắp xếp phù hợp, ổn định, bảo đảm đúng vị trí việc làm, đúng chuyên môn, nghiệp vụ, đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật.

Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo các đơn vị cần bố trí những người có trình độ chuyên môn luật, được bồi dưỡng đầy đủ nghiệp vụ, có kinh nghiệm thực tiễn, am hiểu địa bàn và tình hình dân cư, bảo đảm việc tham mưu, tổ chức thực hiện nhiệm vụ tư pháp được chính xác, kịp thời và hiệu quả.

Trước mắt, các đơn vị cần rà soát, đánh giá thực trạng tình hình đội ngũ công chức tư pháp cấp xã, kịp thời có giải pháp điều chỉnh, bổ sung đủ biên chế, khắc phục tình trạng thừa, thiếu cục bộ hoặc không đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ, nhằm cơ cấu lại, nâng cao chất lượng đội ngũ công chức tư pháp cấp xã.

Các đơn vị cần chú trọng bố trí công chức làm công tác hộ tịch đáp ứng tiêu chuẩn theo quy định của Luật Hộ tịch và các văn bản liên quan; không giao công chức tư pháp thực hiện nhiệm vụ của các chức danh chuyên trách khác.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân chỉ đạo các đơn vị thực hiện ưu tiên chú trọng bố trí nguồn nhân lực về ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, đảm bảo an toàn thông tin để triển khai hiệu quả các nhiệm vụ...

Bên cạnh đó, các đơn vị cần làm tốt công tác quy hoạch để kịp thời bổ sung khi có biến động về công tác cán bộ.

Các đơn vị cũng cần tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính; đổi mới lề lối làm việc; xử lý nghiêm các biểu hiện tiêu cực, vi phạm trong khi giải quyết yêu cầu, thủ tục hành chính của người dân, doanh nghiệp; quan tâm, kịp thời ghi nhận, động viên, khen thưởng những cá nhân tiêu biểu, có thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ...

Sở Tư pháp được giao phối hợp các cơ quan liên quan theo dõi, đôn đốc, định kỳ báo cáo kết quả thực hiện.

Ủy ban nhân dân các xã, phường chủ động triển khai nhiệm vụ; trường hợp phát sinh khó khăn, vướng mắc, kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Tư pháp) để xem xét, giải quyết theo thẩm quyền.

Sau sắp xếp đơn vị hành chính các cấp và vận hành chính quyền địa phương hai cấp, nhiệm vụ của công tác tư pháp cấp tỉnh và cấp xã được mở rộng, tăng cường, với 9 nhóm nhiệm vụ, quyền hạn ở cấp tỉnh và 14 nhóm ở cấp xã.

Khối lượng công việc gia tăng đáng kể do tiếp nhận nhiều nhiệm vụ chuyển giao, tính chất ngày càng phức tạp, liên quan đến nhiều lĩnh vực pháp luật chuyên sâu, trong khi nhiều nhiệm vụ phải giải quyết trong thời gian ngắn.

Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai xác định yêu cầu đặt ra là bảo đảm chất lượng, tiến độ công việc trong bối cảnh đẩy mạnh cải cách hành chính, chuyển đổi số và đổi mới tư duy về xây dựng, thi hành pháp luật theo tinh thần Nghị quyết số 66-NQ/TW của Bộ Chính trị.

Thời gian qua, Ủy ban nhân dân các xã, phường đã quan tâm sắp xếp, bố trí nhân sự, song đội ngũ công chức tư pháp cấp xã tại một số địa phương vẫn còn mỏng, chưa tương xứng với yêu cầu, nhiệm vụ và khối lượng công việc phát sinh khi triển khai mô hình chính quyền địa phương hai cấp.

Nhiều công chức phải kiêm nhiệm nhiệm vụ của Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp xã, tham gia giải quyết khiếu nại, tố cáo, bồi thường, giải phóng mặt bằng, cũng như công tác đảng, đoàn thể.

Bên cạnh đó, một bộ phận công chức tư pháp chưa có trình độ chuyên môn luật hoặc chưa được bồi dưỡng nghiệp vụ hộ tịch theo tiêu chuẩn Luật Hộ tịch, dẫn đến quá tải công việc, ảnh hưởng đến chất lượng, hiệu quả, tiến độ công tác tư pháp và việc bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của người dân, tổ chức, doanh nghiệp.

*Nguồn: dantri.vn*

## VĨNH LONG: LẤY SỰ HÀI LÒNG CỦA NGƯỜI DÂN LÀM THƯỚC ĐO CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Vĩnh Long xác định công tác cải cách thủ tục hành chính là nhiệm vụ trọng tâm nhằm tạo môi trường thuận lợi nhất cho người dân và doanh nghiệp.

Mục tiêu cốt lõi là xây dựng nền hành chính công khai, minh bạch, hiệu quả, hiện đại, lấy sự hài lòng của người dân và doanh nghiệp làm thước đo đánh giá chất lượng phục vụ.

Với 92,28 điểm, xếp hạng 2/34 tỉnh, thành phố trong cả nước, Vĩnh Long tiếp tục khẳng định vị trí trong nhóm địa phương dẫn đầu về cải cách thủ tục hành chính, chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp và cung cấp dịch vụ công trên môi trường điện tử.

### Nhiều chỉ số cải cách hành chính đạt mức cao

Thời gian qua, tỉnh Vĩnh Long tập trung rà soát, tái cấu trúc quy trình thủ tục hành chính. Đến nay, tỉnh có 2.182/2.182 thủ tục hành chính (đạt 100%) được tiếp nhận và giải quyết không phụ thuộc địa giới hành chính, tạo thuận lợi tối đa cho người dân, doanh nghiệp.

Phó Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công Trần Thái Lộc cho biết: Với phương châm “Hành chính phục vụ”, “Lấy người dân và doanh nghiệp làm trung tâm”, Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh đã thực hiện tốt công tác hướng dẫn, tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả thủ tục hành chính kịp thời, đúng quy định cho người dân, doanh nghiệp. Đồng thời, phối hợp chặt chẽ với trung tâm cấp xã để thực hiện hiệu quả việc tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính không phụ thuộc địa giới hành chính trong phạm vi toàn tỉnh.

Anh Nguyễn Văn Hùng, ở phường Bình Minh, cho biết: Khi làm giấy tờ tôi không cần phải về quê mà lên trung tâm làm rất thuận tiện, đỡ tốn thời gian đi lại. Cán bộ ở đây hướng dẫn tận tình, chu đáo, trả kết quả hồ sơ đúng hẹn. Người dân chúng tôi rất phấn khởi.

Theo Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, kết quả có được là nhờ sự chỉ đạo sâu sát của cấp trên và sự nỗ lực của toàn thể cán bộ của trung tâm. Kết quả xếp hạng được đánh giá dựa trên 5 nhóm chỉ số thành phần theo Quyết định số 766/QĐ-TTg, ngày 23/6/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Bộ chỉ số chỉ đạo, điều hành và đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công theo thời gian thực trên môi trường điện tử.

Trung tâm được đánh giá nhiều chỉ số đạt ở mức cao. Trong đó, chỉ số công khai, minh bạch đạt 18/18 điểm, với số thủ tục hành chính được công khai đầy đủ các nội dung quy định về các bộ phận cấu thành là 2.174/2.174 thủ tục (đạt 100%), 33.307 hồ sơ đã đồng bộ trên Cổng Dịch vụ công quốc gia; 12/12 sở, ban, ngành và 124/124 ủy ban nhân dân xã, phường có điểm công khai, minh bạch cao nhất, đạt 18 điểm...

Đặc biệt, chỉ số mức độ hài lòng đạt điểm tuyệt đối 18/18, với tỷ lệ hài lòng trong xử lý phản ánh, kiến nghị đạt 100%. Chỉ số tiến độ, kết quả giải quyết đạt 19,1/20 điểm. Trong chỉ

số cung cấp dịch vụ trực tuyến thì chỉ tiêu dịch vụ công trực tuyến đạt 10/12 điểm, với tỷ lệ hồ sơ nộp trực tuyến đạt 97,84%; tỷ lệ hồ sơ xử lý đúng hạn đạt 97,58%...

### **Mở rộng không gian phục vụ người dân**

Nhằm phục vụ tốt hơn cho người dân, doanh nghiệp, Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh vừa di dời về trụ sở mới tại Trung tâm hội nghị tỉnh Vĩnh Long. Trụ sở mới rộng rãi, khang trang, máy móc, trang thiết bị được nâng cấp, bố trí đầy đủ, giao thông thuận lợi, khu vực đỗ xe rộng, thoáng.

Trung tâm Phục vụ hành chính công mới có diện tích sử dụng gần 800 m<sup>2</sup>, gồm các khu vực chính: Khu vực tiếp nhận, trả kết quả hồ sơ có đầy đủ các quầy giao dịch thủ tục hành chính và các phân khu, được bố trí rộng, thoáng, khang trang. Khu vực các quầy giao dịch gồm 28 quầy cho 14 sở, ban, ngành tỉnh. Khu vực ngồi chờ với sức chứa khoảng 150 lượt người cùng lúc, bố trí đầy đủ ghế ngồi chờ, nước uống, 6 màn hình led hiển thị thông tin kết quả giải quyết hồ sơ...

Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Nguyễn Quỳnh Thiện cho biết: Trung tâm Phục vụ hành chính công là “bộ mặt” của tỉnh trong việc tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính cho người dân, doanh nghiệp. Để phục vụ tốt người dân, doanh nghiệp, trung tâm cần tiếp tục phát huy ưu điểm; thực hiện tốt văn hóa giao tiếp, ứng xử nơi công sở, làm việc với tinh thần vui vẻ, hướng dẫn, giải thích tận tình cho người dân, doanh nghiệp từ khâu tiếp đón đến giao dịch hồ sơ. Phát huy vai trò đầu mối, hỗ trợ cấp xã trong tiếp nhận, giải quyết hồ sơ theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông từ cấp xã lên cấp tỉnh và ngược lại, đặc biệt là các thủ tục hành chính không phụ thuộc địa giới hành chính mà Ủy ban nhân dân tỉnh đã công bố.

Thời gian tới, trung tâm tiếp tục nghiên cứu, đề xuất hoàn thiện các công trình phụ trợ, cảnh quan chung quanh như: Trồng cây xanh tạo bóng mát; đầu tư trang thiết bị âm thanh phòng họp, kết nối đường truyền để phục vụ họp trực tuyến đến trung tâm phục vụ hành chính công các xã, phường được nhanh chóng, kịp thời.

*Nguồn: nhandan.vn*

## LỰC LƯỢNG SẢN XUẤT MỚI TRONG KỶ NGUYÊN VƯỜN MÌNH CỦA DÂN TỘC VIỆT NAM

**Xuất phát từ luận điểm của C. Mác: “Những quan hệ xã hội đều gắn liền mật thiết với những lực lượng sản xuất... Cái cối xay quay bằng tay đưa lại xã hội có lãnh chúa, cái cối xay chạy bằng hơi nước đưa lại xã hội có nhà tư bản công nghiệp”. Hiện nay, lực lượng sản xuất mới do cuộc cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại mang lại sẽ thúc đẩy sự phát triển mạnh mẽ của nước ta trong kỷ nguyên vườn mình của dân tộc.**

1- Chúng ta đều biết, xã hội đã ra đời, tiến hóa và phát triển ngày càng mạnh mẽ cùng với sự hình thành, tiến hóa và phát triển ở các trình độ khác nhau của lực lượng sản xuất xã hội, từ thấp đến cao, ngày càng hoàn thiện hơn.

Theo quan điểm của chủ nghĩa Mác, xã hội là tập hợp toàn bộ các quan hệ xã hội, chính trị và tinh thần của con người dựa trên cơ sở một kiểu tổ chức, quản lý sản xuất nhất định. Về điều này, C. Mác viết: “Những quan hệ xã hội đều gắn liền mật thiết với những lực lượng sản xuất. Do có được những lực lượng sản xuất mới, loài người thay đổi phương thức sản xuất của mình, và do thay đổi phương thức sản xuất, cách kiếm sống của mình, loài người thay đổi tất cả những quan hệ xã hội của mình. Cái cối xay quay bằng tay đưa lại xã hội có lãnh chúa, cái cối xay chạy bằng hơi nước đưa lại xã hội có nhà tư bản công nghiệp”<sup>(1)</sup>.

Như vậy, các xã hội trong lịch sử loài người khác nhau không phải ở chỗ xã hội ấy sản xuất ra cái gì, mà chính là ở chỗ sản xuất ra cái đó *theo những cách thức nào, bằng các công cụ nào*. Nghĩa là, theo C. Mác, mọi sự thay đổi của đời sống xã hội, xét đến cùng, đều bắt nguồn từ sự biến đổi của lực lượng sản xuất, trước hết là công cụ sản xuất.

Khác với quan điểm duy tâm của nhà kinh tế học người Đức là Ph. Li-xtơ (F.List, 1789 - 1846) khi ông coi lực lượng sản xuất là cái mang “bản chất tinh thần” và là cái vô hạn, C. Mác khẳng định dứt khoát rằng, lực lượng sản xuất không phải là cái mang “bản chất tinh thần” nào đó, mà chúng chính là những cái có sức mạnh vật chất.

Chúng ta đều biết, khái niệm “lực lượng sản xuất” là một trong những khái niệm trung tâm của chủ nghĩa duy vật lịch sử. C. Mác đã luận chứng rất thuyết phục rằng, mọi sự thay đổi của đời sống xã hội, xét đến cùng, đều bắt nguồn từ sự biến đổi, sự hoàn thiện ngày càng cao và sự phát triển không ngừng của lực lượng sản xuất.

Lực lượng sản xuất tạo ra tiền đề vật chất cho sự tồn tại và phát triển của xã hội loài người. Nó cũng là tiêu chí cơ bản để đánh giá sự tiến bộ của một xã hội trong mỗi giai đoạn lịch sử nhất định. Lực lượng sản xuất bao gồm người lao động và tư liệu sản xuất. Ngày nay, khoa học và công nghệ cũng đã trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp khi chúng chính là nguyên nhân trực tiếp dẫn đến những biến đổi trong quá trình sản xuất, đồng thời là một bộ phận không thể thiếu của quá trình sản xuất của xã hội hiện đại.

Đối với C. Mác, lực lượng sản xuất của xã hội thể hiện năng lực thực tiễn của con người trong quá trình con người cải biến giới tự nhiên theo mục đích đã được con người định sẵn.

Trong lúc con người tiến hành sản xuất vật chất thì sử dụng những công cụ lao động đã được các thế hệ trước sáng tạo ra để tác động vào giới tự nhiên, biến đổi giới tự nhiên theo ý muốn của mình, nhằm tạo ra của cải vật chất phục vụ cho các nhu cầu thiết yếu của mình. Chính trong quá trình đó, con người dần dần nhận thức được các quy luật của giới tự nhiên; nhờ vậy mà bằng bàn tay và khối óc của mình, con người ngày càng đạt được hiệu quả trong việc bắt giới tự nhiên phục vụ cho cuộc sống của mình. Đó chính là quá trình con người tiến hành sản xuất ra của cải vật chất. Quá trình sản xuất vật chất này luôn luôn phải thay đổi, cho nên lực lượng sản xuất không thể đứng yên một chỗ hay không thay đổi, càng không phải bất biến, mà là một quá trình luôn được đổi mới không ngừng, liên tục hoàn thiện và phát triển lên trình độ cao hơn. Về điều này, C. Mác đã chỉ rõ: “Lịch sử chẳng qua chỉ là sự nối tiếp của những thế hệ riêng rẽ trong đó mỗi thế hệ đều khai thác những vật liệu, những tư bản, những lực lượng sản xuất do tất cả những thế hệ trước để lại; do đó, mỗi thế hệ một mặt tiếp tục cái hoạt động được truyền lại, trong những hoàn cảnh đã hoàn toàn thay đổi, và mặt khác, lại biến đổi những hoàn cảnh cũ bằng một hoạt động hoàn toàn thay đổi”<sup>(2)</sup>.

Sự phát triển của lực lượng sản xuất trong xã hội hiện đại đang diễn ra với tốc độ “một ngày bằng 20 năm” như C. Mác đã từng tiên đoán, hoặc thậm chí trong một số lĩnh vực còn nhanh hơn nữa, chính là nhờ cuộc cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại với sức mạnh của tri thức của loài người ngày một có thêm những bước tiến nhảy vọt.

C. Mác luôn coi trọng vai trò của khoa học đối với sản xuất vật chất nói chung và với sự phát triển của lực lượng sản xuất nói riêng. Ông viết về điều này: “Sự phát triển của tư bản cố định là chỉ số cho thấy tri thức xã hội phổ biến (wissen, knowledge) đã chuyển hóa đến mức độ nào thành *lực lượng sản xuất trực tiếp*, do đó nó cũng là chỉ số cho thấy những điều kiện của chính quá trình sống của xã hội đã phục tùng đến mức độ nào sự kiểm soát của trí tuệ phổ biến và đã được cải tạo đến mức độ nào cho phù hợp với quá trình ấy; những lực lượng sản xuất xã hội đã được tạo ra đến mức độ nào không những dưới hình thức tri thức, mà cả như là những cơ quan thực hành xã hội trực tiếp, những cơ quan trực tiếp của quá trình sống hiện thực”<sup>(3)</sup>. Căn cứ vào các luận điểm nói trên của C. Mác thì tri thức khoa học đã làm cho tư bản cố định như nhà xưởng, máy móc được dùng trong sản xuất chuyển hóa đến một mức độ nhất định nào đó thì trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp. Nghĩa là, tri thức khoa học được ứng dụng, được vật hóa thành máy móc, thành công cụ sản xuất và được người lao động sử dụng trong quá trình sản xuất, do đó, nó trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp.

Tuy nhiên, sau một thời gian khá dài, vai trò của tri thức cũng bị không ít người hoài nghi, đả đơ, tranh luận; có những người lo sợ là nếu đi vào kinh tế tri thức thì sẽ đi chệch quan điểm chính thống của chủ nghĩa Mác! Đúng ra là, để đi vào được quỹ đạo ở trình độ phát triển cao của kinh tế tri thức thì cần phải có sự đầu tư thích đáng về nhiều mặt, từ đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, nhất là các chuyên gia ở trình độ hiện đại nhất; nghĩa là nhà nước cần có một chiến lược thật đúng đắn, được tính toán hết sức khoa học và có tính khả thi cao. Bởi vậy, thời gian không cho phép chúng ta chần chừ, không được phép quá chậm trễ để tránh tụt hậu xa hơn.

Chúng ta cũng cần phải nhìn nhận một cách rất thực tế rằng, hiện giờ đất nước ta vẫn đang đứng cả ở trong làn sóng *thứ nhất* (tức là nền văn minh nông nghiệp với năng lượng chủ yếu là năng lượng sống hay là “những bộ máy ác-quy sống”), cả ở làn sóng *thứ hai* (tức là quá trình công nghiệp hóa và sự ra đời của nền văn minh công nghiệp mà một trong những điều kiện quan trọng của nó là năng lượng lấy từ than đá, khí và dầu, nói chung là năng lượng từ các hóa thạch không tái tạo) cùng với làn sóng *thứ ba* (là nền văn minh hậu công nghiệp nhờ sự ra đời của hàng loạt công nghệ mới với cốt lõi là thông tin). Điều đó có nghĩa là, chúng ta vẫn *phải sử dụng và kết hợp* được thành tựu của các cuộc cách mạng trong khoa học, kỹ thuật và công nghệ mà nhân loại đã và đang trải qua để phát triển lực lượng sản xuất. Tuy nhiên, nói như vậy không có nghĩa rằng, trình độ các bộ phận cấu thành lực lượng sản xuất mà chúng ta có hiện nay đều xếp ngang hàng nhau ở cả ba làn sóng này.

Nếu xét về trình độ của lực lượng sản xuất thể hiện ở công cụ lao động, ở tư liệu sản xuất, ở các loại vật liệu, phương tiện, năng lượng, động lực được sử dụng hoặc ở học vấn, kinh nghiệm và kỹ năng của con người, trong đó có trình độ ứng dụng khoa học và công nghệ vào sản xuất, thì ta sẽ thấy ngay rằng, ở nước ta hiện nay vừa có sự chênh lệch nhưng cũng vừa có sự đan xen của tất cả các làn sóng này. Tuy nhiên, sự chênh lệch ấy cần được khắc phục, cũng cần sử dụng có hiệu quả sự đan xen để tiến nhanh hơn và xa hơn trong việc phát triển lực lượng sản xuất mới, hiện đại.

2- Lực lượng sản xuất bao gồm những tư liệu sản xuất và sức lao động của con người dùng cho sản xuất. Tư liệu sản xuất bao gồm các công cụ lao động và đối tượng lao động. Trong thời đại chúng ta, lực lượng sản xuất của nhân loại đang có những biến đổi rất sâu sắc, từ người lao động cho đến tư liệu sản xuất. Sự biến đổi của lực lượng sản xuất xã hội đã và đang kéo theo sự thay đổi, cách thức vận hành của nền kinh tế. Có thể nói, trên thế giới ngày nay, nền kinh tế “truyền thống” đang từng bước được thay thế một cách phổ biến bằng “nền kinh tế số”. Từ quá trình này, thuật ngữ “lực lượng sản xuất mới” được giới khoa học dùng để chỉ các ngành công nghiệp mới hình thành dựa trên những đổi mới và đột phá về khoa học và công nghệ. “Lực lượng sản xuất mới” gần đây cũng được giới chức trách Trung Quốc sử dụng thường xuyên như là giải pháp để thúc đẩy phục hồi và tăng trưởng kinh tế bền vững. Người ta coi “lực lượng sản xuất mới” sẽ dẫn dắt sự đổi mới và đưa mô hình phát triển vượt ra khỏi các động lực kinh tế truyền thống để hình thành nền kinh tế số. Đây là một nền kinh tế vận hành chủ yếu dựa trên công nghệ số, đặc biệt là các giao dịch điện tử tiến hành thông qua internet còn được gọi là kinh tế internet (internet economy), là kinh tế mới (new economy) hay là kinh tế mạng (web economy).

Thật ra khái niệm “lực lượng sản xuất mới” này đã được nhiều nhà khoa học nhắc tới từ giữa thế kỷ XX, khi người ta bàn rất nhiều về *các yếu tố mới, các bộ phận mới* trong lực lượng sản xuất của xã hội, chẳng hạn như việc sử dụng các loại năng lượng mới, như năng lượng hạt nhân, năng lượng gió, năng lượng mặt trời, năng lượng địa nhiệt, năng lượng thủy triều,... Người ta hy vọng rằng, các loại năng lượng mới này từng bước và dần dần sẽ thay thế cho các loại năng lượng cổ truyền như than đá, dầu lửa vốn đã và đang gây ô nhiễm môi trường nặng nề và tăng nhiệt độ toàn cầu lên một cách đáng lo ngại.

Người ta cũng đã nói đến khá nhiều về các loại vật liệu mới, đến các ngành sản xuất công nghệ cao. Tuy nhiên, trong cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư hiện nay, các bộ phận cấu thành lực lượng sản xuất mới, nhất là các công cụ sản xuất, đang từng bước được bổ sung và được làm phong phú thêm rất nhiều, đặc biệt là về mặt chất lượng. Đối với nước ta, trong việc nâng cao chất lượng các công cụ này, nhất là công cuộc chuyển đổi số, thì khoa học và công nghệ được xác định là động lực quan trọng nhất để phát triển lực lượng sản xuất hiện đại, để đưa đất nước ta tiến vào kỷ nguyên mới - *kỷ nguyên vươn mình của dân tộc*.

Cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư mà chúng ta đang chứng kiến, ít nhiều nước ta cũng đã từng bước bắt đầu tích cực tham gia, diễn ra trên thế giới với tốc độ rất cao trong các lĩnh vực then chốt như công nghệ các chất bán dẫn, công nghệ trí tuệ nhân tạo, đặc biệt là công nghệ thông tin. Điều cần hết sức chú ý là, việc các lĩnh vực này được hình thành tập trung phát triển ở nhiều nước đã kéo theo sự hình thành, tuy mới chỉ là bước đầu, một đội ngũ lao động với tư duy số và kỹ năng số ngày càng được nâng cao. Nhân loại đang được chứng kiến những sự kiện thật sự nổi bật trong thời đại chúng ta, đó là sự ra đời của lực lượng sản xuất thời kỳ kỹ thuật số như *trí tuệ nhân tạo (AI)*, *Internet kết nối vạn vật (IoT)*, *dữ liệu lớn (Big data)*, *điện toán đám mây (Cloud computing)* và *công nghệ chuỗi - khối (Blockchain)*. Tất cả chúng đang từng bước trở thành những công cụ sản xuất quan trọng trong nhiều ngành sản xuất, thuộc nhiều lĩnh vực khác nhau của đời sống xã hội.

Ở nhiều nước, kết cấu hạ tầng, nhất là hạ tầng số, đang được đầu tư lớn và phát triển vô cùng mạnh mẽ, đồng thời mạng lưới viễn thông và internet băng thông rộng phủ sóng rộng khắp đã góp phần tạo nên nền tảng quan trọng cho sự phát triển kinh tế số và xã hội số. Cần nhận thức cho rõ rằng, muốn đưa đất nước bước vào kỷ nguyên mới thì phải coi một trong những động lực quan trọng để phát triển lực lượng sản xuất là chuyển đổi số. Chuyển đổi số, như Tổng Bí thư Tô Lâm viết, sẽ “tạo ra bước đột phá trong phát triển lực lượng sản xuất và hoàn thiện quan hệ sản xuất, đưa đất nước ta, dân tộc ta vươn mình vượt bậc trong kỷ nguyên mới”<sup>(4)</sup>.

*Trước hết, chúng ta nói về trí tuệ nhân tạo (AI).*

AI đang cách mạng hóa nhiều ngành công nghiệp bằng cách tự động hóa các quy trình, tối ưu hóa chuỗi cung ứng và cải thiện dịch vụ khách hàng. Cột mốc đáng chú ý là, ngày 26-1-2021, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 127/QĐ-TTg về việc “Ban hành Chiến lược quốc gia về nghiên cứu, phát triển và ứng dụng trí tuệ nhân tạo đến năm 2030”. Mục đích của chiến lược này là đẩy mạnh nghiên cứu, phát triển và ứng dụng AI, đưa AI trở thành lĩnh vực công nghệ quan trọng của nước ta trong cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, tạo nên cú hích cho sự phát triển AI của nước nhà, góp phần phát triển kinh tế - xã hội và từng bước đưa Việt Nam trở thành điểm sáng về AI trong khu vực và trên thế giới. Thực tế thì ở nước ta, AI đã và đang được ứng dụng và phát triển trong nhiều lĩnh vực, như y tế, giáo dục, nông nghiệp, giao thông, thương mại điện tử. Chẳng hạn, AI đã có mặt trong chẩn đoán nội soi qua hình ảnh, giúp tự động xác định, khoanh vùng và đánh giá mức độ tổn thương của hệ tiêu hóa của người bệnh. AI cũng đã ít nhiều có liên quan đến xây dựng thành phố thông minh và chính quyền điện tử...

Tuy nhiên, trên bình diện quốc tế rộng lớn cũng cần nhận thức cho đúng cả về vai trò quan trọng, mặt tích cực của trí tuệ nhân tạo (AI) trong việc thúc đẩy sự phát triển lực lượng sản xuất của xã hội, cùng với những lo ngại chính đáng về hậu quả vào một lúc nào đó do mặt trái có thể có của nó.

Theo các chuyên gia, mặt tích cực nhất mà trí tuệ nhân tạo (AI) mang lại cho xã hội là rất lớn; trước hết, đó là khả năng phân tích và đặc biệt là xử lý với tốc độ rất nhanh và hiệu quả cao một khối lượng dữ liệu khổng lồ. Điều này không chỉ nâng cao hiệu suất sản xuất, mà điều quan trọng hơn chính là nó tạo nên phương thức sản xuất mới, qua đó góp phần thúc đẩy lực lượng sản xuất phát triển.

Tuy nhiên, bên cạnh đó cũng đã có những lo ngại của một số nhà khoa học nổi tiếng thế giới về mặt trái của AI. Chẳng hạn, nhà vật lý học lỗi lạc thời đại chúng ta là Stephen Hawking (1942 - 2018) đã từng khẳng định rằng: *Trí tuệ nhân tạo có thể là dấu chấm hết cho nhân loại khi nó phát triển đến mức hoàn thiện nhất.*

Cũng có ý kiến cho rằng, về mặt xã hội, tác động đầu tiên của trí tuệ nhân tạo mà chúng ta có thể dễ dàng nhận thấy chính là nó có thể làm cho tỷ lệ người thất nghiệp sẽ tăng cao. Cụ thể là, nếu AI phát triển hoàn thiện, nó có khả năng thay thế con người trong nhiều loại công việc đòi hỏi năng lực trí tuệ, sự mẫn cán, chẳng hạn như chăm sóc sức khỏe, phục vụ sản xuất theo dây chuyền tự động hoặc các công việc văn phòng,...

*Về IoT, hay là hệ sinh thái kết nối vạn vật.*

IoT được định nghĩa là: hạ tầng cơ sở toàn cầu phục vụ cho xã hội thông tin, hỗ trợ các dịch vụ (điện toán) chuyên sâu thông qua các vật thể (cả thực lẫn ảo) được kết nối với nhau nhờ vào công nghệ thông tin và truyền thông hiện hữu được tích hợp<sup>(5)</sup>. IoT đề cập đến mạng lưới tập hợp các thiết bị thông minh và công nghệ tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động giao tiếp giữa thiết bị và đám mây cũng như giữa các thiết bị với nhau. Sự ra đời của hàng loạt chip máy tính có giá ngày càng rẻ hơn và công nghệ viễn thông băng thông rộng ngày càng phổ biến đã giúp cho chúng ta có hàng tỷ thiết bị được kết nối với internet.

Internet vạn vật tích hợp “vạn vật” với internet mỗi ngày. Chi phí tích hợp có thể làm tăng thêm khả năng kết nối với nhiều vật dụng. Như vậy, nguyên cả một ngành công nghiệp đã xuất hiện với trọng tâm xoay quanh việc trang bị các thiết bị IoT khắp mọi ngóc ngách của một căn nhà, của một doanh nghiệp và cả một văn phòng đa năng. Những vật dụng thông minh này có thể tự động truyền và nhận dữ liệu qua internet. Tất cả những “thiết bị điện toán vô hình” này và công nghệ liên quan được gọi chung là Internet vạn vật.

*Điện toán đám mây (Cloud computing)* cũng đang phát triển nhanh chóng tại Việt Nam trong những năm gần đây, đã và đang được ứng dụng trong nhiều lĩnh vực, như công nghệ thông tin, tài chính - ngân hàng, giáo dục, du lịch, khách sạn. Cũng như nhiều nước trên thế giới, kết cấu hạ tầng ở nước ta, đặc biệt là hạ tầng số, đang được đầu tư phát triển ngày càng mạnh mẽ hơn. Mạng lưới viễn thông và internet băng thông rộng được phủ sóng rộng khắp cả nước đang tạo nên nền tảng cho việc phát triển kinh tế số và xã hội số. Tất cả những biến đổi mang tính cách mạng trên đây đều thuộc về công cụ lao động và tư liệu sản xuất.

*Công nghệ chuỗi - khối (Blockchain)* cũng đang dần dần trở thành trụ cột cho công nghệ ở Việt Nam với nhiều ứng dụng khá hấp dẫn, như tạo nền tảng cho việc lưu trữ văn bằng trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo, thư tín dụng, bảo lãnh hợp đồng kinh doanh, thanh toán trong lĩnh vực ngân hàng, tài sản mã hóa, trung tâm tài chính quốc tế... Có thể nói, tất cả các bộ phận cấu thành về mặt công cụ hay tư liệu sản xuất mới đều đã hình thành và từng bước trưởng thành ở nước ta.

Song, bộ phận cực kỳ quan trọng trong lực lượng sản xuất cần được chú ý đặc biệt khác chính là *con người* trong cấu trúc của lực lượng sản xuất. Trong thời đại cách mạng công nghiệp này, các ngành sản xuất hiện đại đòi hỏi người lao động phải có trình độ tương ứng. Cụ thể là, người lao động rất cần nắm bắt được những công nghệ, kỹ thuật cao để điều khiển máy móc và các thiết bị hiện đại. Không những vậy, người lao động cũng rất cần có những kiến thức và kỹ năng chuyên biệt và cả những kỹ năng mềm chuyên biệt, như năng lực tư duy sáng tạo, tính chủ động trong mọi công việc, kỹ năng sử dụng thành thạo máy tính, biết khai thác các kiến thức cần thiết từ Internet, cần có trình độ ngoại ngữ tốt, cần những kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng tập trung cao độ khi làm việc, đồng thời tuân thủ kỷ luật lao động, kỹ năng quản lý thời gian, đặc biệt là kỹ năng giải quyết nhanh các vấn đề mới phát sinh. Như vậy, chính sự thay đổi mạnh mẽ của các yếu tố cấu thành lực lượng sản xuất mới đòi hỏi những biến đổi tương ứng không thể chậm trễ đối với lao động. Chính vì thế, Nhà nước cần *tập trung phát triển nguồn nhân lực tương xứng* phù hợp với yêu cầu phát triển các bộ phận cấu thành lực lượng sản xuất mới, bởi vì, xét đến cùng trong lực lượng sản xuất của xã hội thì nguồn lực con người là quan trọng nhất.

Nói tóm lại, lực lượng sản xuất tạo ra tiền đề vật chất cho sự tồn tại và phát triển của xã hội loài người. Nó cũng là tiêu chí cơ bản để đánh giá sự tiến bộ của một xã hội cụ thể trong mỗi giai đoạn lịch sử nhất định. Cần nhận thức rõ rằng, chúng ta muốn đưa đất nước bước vào kỷ nguyên mới thì phải coi một trong những động lực quan trọng để phát triển lực lượng sản xuất là chuyển đổi số, phải coi khoa học và công nghệ là động lực quan trọng nhất để phát triển lực lượng sản xuất hiện đại, song nguồn lực con người mới thực sự là quan trọng nhất. *Chính lực lượng sản xuất mới do cuộc cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại mang lại sẽ thúc đẩy sự phát triển mạnh mẽ của nước ta trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc.*

GS, TS Nguyễn Trọng Chuẩn

Phó Chủ tịch Hội Triết học Việt Nam

-----

(1) C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 1995, t. 4, tr. 187

(2) C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n: *Toàn tập*, *Sđd*, t. 3, tr. 65

(3) C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n: *Toàn tập*, *Sđd*, t. 46, phần II, tr. 372

(4) GS, TS. Tô Lâm: “Chuyển đổi số - Động lực quan trọng phát triển lực lượng sản xuất, hoàn thiện quan hệ sản xuất đưa đất nước bước vào kỷ nguyên mới”, *Tạp chí Cộng sản*, số 1.045 (9-2024), tr. 7

(5) “Internet of Things Global Standards Initiative”. Lưu trữ ngày 13 - 7 - 2017. Tại Việt Nam hiện nay, ngành công nghệ Internet vạn vật (hay ngành IoT) được đào tạo trình độ đại học hệ chính quy tại: Đại học Bách khoa Hà Nội: có tên gọi là Hệ thống nhúng thông minh và IoT thuộc chương trình tiên tiến; Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông tại cơ sở đào tạo ở Thành phố Hồ Chí Minh kể từ năm 2022. Chương trình đào tạo được thực hiện trong 4,5 năm, gồm 9 học kỳ, trong đó 8 học kỳ tích lũy khối kiến thức tại Học viện và 1 kỳ thực tập tốt nghiệp thực tế tại các đơn vị cơ sở. Cuối khóa, sinh viên làm đồ án tốt nghiệp hoặc hoàn thành các học phần thay thế tốt nghiệp. Điểm khác biệt chính của ngành đào tạo công nghệ Internet vạn vật so với ngành kỹ thuật điện tử viễn thông và ngành công nghệ thông tin là sinh viên được trang bị kiến thức và kỹ năng có chọn lọc trong ba lĩnh vực liên quan là điện tử (cảm biến), viễn thông (kết nối và đám mây) và công nghệ thông tin (lập trình) để xây dựng một hệ thống IoT hoàn chỉnh. Các đại học khác không mở ngành IoT nhưng mở chuyên ngành IoT thuộc ngành kỹ thuật điện tử viễn thông hoặc công nghệ thông tin, ví dụ như: Đại học FPT: chuyên ngành IoT thuộc ngành công nghệ thông tin; Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông: chuyên ngành IoT thuộc 1 trong 3 chuyên ngành của ngành kỹ thuật điện tử viễn thông

## DẤU ẤN NHIỆM KỲ CHÍNH PHỦ: TỪ BẢN LĨNH GIỮ ỒN ĐỊNH ĐẾN QUYẾT SÁCH TẠO NỀN TẢNG

Nhiệm kỳ 2021-2025 sắp khép lại. Đây là nhiệm kỳ mà Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ điều hành đất nước trong một giai đoạn đặc biệt nhiều biến động, với những cú sốc liên tiếp từ bên ngoài và những đòi hỏi đổi mới mạnh mẽ từ bên trong. Từ giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, bảo đảm các cân đối lớn đến những quyết sách đột phá về thể chế, tổ chức bộ máy và chính sách an sinh xã hội chưa từng có tiền lệ, các lựa chọn điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ trong nhiệm kỳ này đang tạo nên nền tảng quan trọng cho mục tiêu tăng trưởng cao trong giai đoạn tới.

Trước thềm Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng, những chia sẻ của TS. Cấn Văn Lực, thành viên Hội đồng Tư vấn chính sách của Thủ tướng Chính phủ với Báo điện tử Chính phủ đã góp phần làm rõ dấu ấn điều hành, sức chống chịu của nền kinh tế và những bài học chính sách có ý nghĩa dài hạn.

*Thưa ông, năm 2025 đã khép lại trong bối cảnh kinh tế thế giới nhiều biến động. Từ góc nhìn của thành viên Hội đồng tư vấn chính sách của Thủ tướng, theo ông đâu là điểm sáng nổi bật nhất trong điều hành kinh tế - xã hội của Chính phủ trong năm qua?*

**TS. Cấn Văn Lực:** Tôi muốn dùng 4 từ để nói về điểm sáng nổi bật năm 2025, đó là: “Ấn tượng” và “Nền tảng”. Ấn tượng là bởi vì trong bối cảnh rủi ro, thách thức nhiều hơn là cơ hội, thuận lợi ở bên ngoài, cùng với rất nhiều đột phá, thay đổi ở trong nước, nhưng Việt Nam vẫn đạt được “tam giác mục tiêu”. Một là, lãnh đạo Đảng và Nhà nước quyết liệt đột phá về thể chế, sắp xếp tinh gọn tổ chức - bộ máy, sáp nhập bộ - ngành, tỉnh - thành phố, vận hành mô hình chính quyền địa phương 2 cấp, được nhân dân và doanh nghiệp ủng hộ, kỳ vọng. Nhiều cơ chế, chính sách đột phá ở các lĩnh vực then chốt (khoa học-công nghệ, hội nhập quốc tế, cải cách thể chế, phát triển kinh tế tư nhân, kinh tế Nhà nước, đảm bảo an ninh năng lượng, đổi mới giáo dục - đào tạo và y tế, cùng nhiều cơ chế đặc thù cho một số tỉnh, thành phố lớn...) được ban hành, tạo nền tảng chính trị vững chắc cho phát triển thời gian tới.

Hai là, tăng trưởng kinh tế đạt 8,02%, thuộc nhóm cao trong khu vực và trên thế giới, kinh tế vĩ mô cơ bản ổn định, lạm phát ở mức khá thấp (3,31%), các cân đối lớn, an ninh năng lượng và an sinh xã hội được bảo đảm.

Ba là, nhiều quyết sách chưa từng có tiền lệ được ban hành nhân kỷ niệm những sự kiện trọng đại của đất nước hay ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai, bão lụt như phát tiền mặt cho dân, đẩy nhanh các chiến dịch xây dựng nhà dột nát, nhà mới và sửa sang nhà cũ cho người dân sau bão lũ. Công tác đối ngoại và hội nhập quốc tế tiếp tục gặt hái thành công... Điều này thể hiện bản lĩnh, sự linh hoạt và sáng tạo trong bối cảnh bất thường như vậy.

“Nền tảng” là bởi vì tất cả những kết quả ấn tượng nêu trên đang tạo nền tảng cho tăng trưởng 10% trở lên trong giai đoạn 2026 - 2030 và tiếp tục đà tăng trưởng cao sau này.

*Nếu nhìn cả nhiệm kỳ 2021 - 2025, ông đánh giá như thế nào về năng lực “giữ ổn định kinh tế vĩ mô trong biến động lớn” - yếu tố được coi là xuyên suốt trong điều hành của Chính phủ nhiệm kỳ này? Trước đây chúng ta hay đánh giá sức chống chịu của nền kinh tế Việt Nam còn hạn chế. Vậy theo ông trong nhiệm kỳ này, nền kinh tế Việt Nam đã đủ sức chống chịu trước các cú sốc từ bên ngoài?*

**TS. Cấn Văn Lực:** Đây là một vấn đề quan trọng vì nó thể hiện yếu tố kiên định và sức chống chịu của nền kinh tế trong nhiệm kỳ và sau này. Trước hết, trong nhiệm kỳ vừa qua, lãnh đạo Đảng, Quốc hội và Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ luôn kiên định với cặp phạm trù: Đó là phát triển để ổn định và ổn định cũng là để phát triển bền vững. Theo đó, chính sách tài khóa mở rộng có trọng tâm, trọng điểm, chính sách tiền tệ chủ động, linh hoạt và phối hợp chặt chẽ với các chính sách vĩ mô khác nhằm đạt được “tam giác mục tiêu” như nêu trên.

Thực tiễn là chúng ta đã làm được. Kinh tế tăng trưởng khá (bình quân 6,3%/năm trong cả nhiệm kỳ), lạm phát được kiểm soát ở mức 3,04%; tỷ giá, lãi suất, an toàn hệ thống tài chính, tiền tệ, bất động sản cơ bản được giữ khá ổn định, có điều chỉnh phù hợp với thực tiễn; các cân đối lớn được bảo đảm; nợ công, nợ nước ngoài, thâm hụt ngân sách, nghĩa vụ trả nợ của Chính phủ đều trong ngưỡng Quốc Hội cho phép, có những chỉ tiêu khá xa ngưỡng cho phép. Chúng tôi nền kinh tế nói chung và lực lượng doanh nghiệp, người dân nói riêng đã có được sức chống chịu tốt lên nhiều, giúp vượt qua các cú sốc (như thiên tai, dịch bệnh, tác động chiến tranh, cạnh tranh chiến lược về thương mại - công nghệ, đứt gãy chuỗi cung ứng, bảo hộ thương mại gia tăng, lạm phát thế giới cao...) một cách thành công và đạt kết quả phát triển kinh tế-xã hội, vị thế và thứ hạng quốc tế rất tích cực, là điểm sáng của kinh tế toàn cầu, được quốc tế ghi nhận.

Tất nhiên, còn nhiều việc phải làm để nâng cao sức chống chịu của nền kinh tế trong bối cảnh Việt Nam mở cửa, hội nhập sâu rộng, cần giải pháp căn cơ, kiên trì thời gian tới.

### **Chuyển biến trong tư duy điều hành**

*Theo ông, dấu ấn chính sách nào của nhiệm kỳ này sẽ còn tác động dài hạn tới nền kinh tế trong những năm tới?*

**TS. Cấn Văn Lực:** Dấu ấn chính sách có tác động dài hạn nhất của nhiệm kỳ 2021 - 2025 chính là việc triển khai đồng bộ 3 đột phá chiến lược: Hoàn thiện thể chế, phát triển kết cấu hạ tầng hiện đại và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Những đột phá này, đặc biệt được đẩy mạnh trong giai đoạn 2024 - 2025, không chỉ góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế - xã hội trước mắt mà còn tạo đà, tạo nền tảng cho phát triển nhanh và bền vững trong những năm tới.

Ví dụ, cuộc “cách mạng” tinh gọn tổ chức bộ máy, cùng với hàng loạt quyết sách chiến lược, luật, nghị quyết, nghị định và văn bản hướng dẫn được ban hành thời gian qua đã và đang mang tính kiến tạo phát triển, tháo gỡ nhiều rào cản về pháp lý, quy hoạch, không gian và nguồn lực tài chính. Những cải cách này vừa đóng góp trực tiếp vào kết quả phát triển năm 2025, vừa mở ra dư địa tăng trưởng mới cho giai đoạn tiếp theo, với điều kiện được tiếp tục triển khai một cách kiên trì và hiệu quả.

*Một điểm được nhắc tới nhiều là sự chuyển biến trong tư duy điều hành, từ “ứng phó tình huống” sang “chủ động kiến tạo”. Ông nhìn nhận sự thay đổi này thể hiện rõ nhất ở lĩnh vực nào?*

**TS. Cấn Văn Lực:** Tôi thấy rõ nét nhất là trong lĩnh vực hoàn thiện thể chế và kết cấu hạ tầng. Thể chế đang được thiết kế, hoàn thiện theo hướng thay đổi tư duy, từ bỏ quan điểm “không quản được thì cấm” sang “tạo điều kiện thúc đẩy sản xuất - kinh doanh”. Ví dụ, Nghị quyết số 57-NQ/TW về đổi mới khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, Nghị quyết số 66-NQ/TW về cải cách thể chế, Nghị quyết số 68-NQ/TW về phát triển kinh tế tư nhân... đều đi theo hướng này, sau đó được luật hóa, cụ thể hóa và đang dần đi vào cuộc sống. Lĩnh vực phát triển kết cấu hạ tầng đạt kết quả ấn tượng, nhiều dự án, công trình trọng điểm hoàn thành trước thời hạn, tạo diện mạo mới cho đất nước, trong đó khu vực tư nhân ngày càng thể hiện vai trò rõ nét hơn, thuận lợi hơn.

### **Chính phủ cầu thị, lắng nghe và phản hồi trở lại**

*Trong quá trình tư vấn cho Thủ tướng Chính phủ, ông thấy khả năng tiếp thu, phản hồi và điều chỉnh chính sách dựa trên khuyến nghị của chuyên gia đã có những chuyển biến ra sao so với đầu nhiệm kỳ?*

**TS. Cấn Văn Lực:** Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ khá cởi mở, cầu thị, sẵn sàng nghe, trao đổi, tiếp thu và phản hồi trở lại. Nhiều chính sách quan trọng, kịp thời đã được ban hành trên cơ sở trao đổi, tiếp thu ý kiến của các bên, trong đó có ý kiến của những chuyên gia tư vấn, của Hội đồng Tư vấn chính sách sau này. Đáng kể là Chương trình mở cửa các hoạt động kinh tế - xã hội trong dịch COVID-19, Chương trình phục hồi, phát triển kinh tế-xã hội 2022-2023 (sau dịch COVID-19), chính sách tài khóa - tiền tệ, các chương trình kích cầu đầu tư - tiêu dùng, ổn định kinh tế vĩ mô, lành mạnh hóa thị trường đất đai - bất động sản, giải pháp ứng phó chính sách thuế quan mới của Hoa Kỳ, các dự thảo hồ sơ trình Trung ương xem xét, ban hành các nghị quyết chiến lược... đều có dấu ấn “tư vấn” ở trong đó. Chúng tôi hài lòng vì đã góp phần nhỏ bé trong những quyết sách này.

*Nhiều ý kiến cho rằng cải cách thể chế vẫn là “điểm nghẽn của điểm nghẽn”. Ở góc độ tư vấn chính sách, ông đánh giá đâu là bước tiến thực chất nhất trong cải cách thể chế nhiệm kỳ này và đâu vẫn là hạn chế cần thẳng thắn nhìn nhận?*

**TS. Cấn Văn Lực:** Bước tiến lớn nhất trong cải cách thể chế của nhiệm kỳ vừa qua nằm ở tiến độ triển khai nhanh, đồng bộ và nhất quán. Khi các nghị quyết lớn của Trung ương được ban hành, điển hình như Nghị quyết số 57-NQ/TW, quá trình luật hóa, xây dựng văn bản hướng dẫn và tổ chức thực hiện được triển khai gần như đồng thời, hạn chế đáng kể độ trễ chính sách. Cùng với đó, các quyết sách chiến lược khác – từ “Bộ tứ trụ cột” trước đây đến hệ thống 9 nghị quyết trụ cột hiện nay - được ban hành theo hướng bổ trợ, liên thông và nhất quán, thay vì rời rạc như các giai đoạn trước.

Tuy nhiên, hạn chế lớn nhất vẫn nằm ở khâu tổ chức thực hiện. Nguyên nhân một phần xuất phát từ những thay đổi lớn về tổ chức bộ máy trong thời gian qua, như sáp nhập đơn vị hành chính, vận hành mô hình chính quyền địa phương hai cấp, cùng với việc nhiều chính

sách, văn bản được ban hành trong cùng thời điểm; phần khác do năng lực thực thi chưa đồng đều giữa các cấp, các địa phương. Chính vì vậy, tại Hội nghị tổng kết công tác năm 2025 và triển khai nhiệm vụ năm 2026 của Chính phủ, Tổng Bí thư Tô Lâm đã nhấn mạnh yêu cầu tập trung nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ, đặc biệt là ở cấp cơ sở, coi đây là nhiệm vụ trọng tâm trong thời gian tới.

*Nếu được gửi một khuyến nghị chính sách quan trọng nhất tới Chính phủ nhiệm kỳ tới, ông sẽ nhấn mạnh điều gì để bảo đảm tăng trưởng nhanh nhưng bền vững hơn?*

**TS. Cấn Văn Lực:** Đó là đoàn kết, đồng lòng, tất cả vì cái chung, lấy người dân, doanh nghiệp và địa phương làm trung tâm; chú trọng năng lực thực thi; đổi mới mô hình tăng trưởng gắn với kiên định ổn định kinh tế vĩ mô; ưu tiên chính sách, giải pháp cả trước mắt và lâu dài... Tôi hoàn toàn tin tưởng Chính phủ nhiệm kỳ tới sẽ tiếp tục gặt hái thành công hơn nữa!

*Nguồn: baohinhphu.vn*

## NGHỊ QUYẾT SỐ 66-NQ/TW – “LỜI HIỆU TRIỆU” CẢI CÁCH THỂ CHẾ SÂU SẮC

Nhân dịp Đại hội lần thứ XIV của Đảng, Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ Tư pháp Nguyễn Hải Ninh đã có cuộc trao đổi với báo chí về những thành quả trong gần 1 năm triển khai Nghị quyết số 66-NQ/TW về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới.

*Xin Bộ trưởng cho biết một số kết quả nổi bật trong thực hiện Nghị quyết số 66-NQ/TW năm 2025 vừa qua? Những kết quả này đã tạo ra cuộc cải cách thể chế mang tính bước ngoặt chưa, thưa Bộ trưởng?*

**Bộ trưởng Bộ Tư pháp Nguyễn Hải Ninh:** Ngay sau khi Nghị quyết số 66-NQ/TW được ban hành, ngày 18/5/2025, Bộ Chính trị, Ban Bí thư đã tổ chức Hội nghị toàn quốc quán triệt nội dung của Nghị quyết với sự tham gia của hơn 1,5 triệu cán bộ, đảng viên với hình thức trực tiếp và trực tuyến tới 37.000 điểm cầu ở Trung ương, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã, cơ quan, đơn vị trên cả nước. Đảng ủy Quốc hội đã ban hành Kế hoạch số 28-KH/ĐUQH ngày 16/5/2025 về triển khai thực hiện Nghị quyết 66-NQ/TW. Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 140/NQ-CP ngày 17/5/2025 về Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 66-NQ/TW của Bộ Chính trị, trong đó, xác định 49 nhiệm vụ với lộ trình, tiến độ cụ thể. Tất cả 22 bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, 34 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đã ban hành Chương trình hoặc Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết, trong đó, một số bộ, ngành, địa phương đã thành lập Ban Chỉ đạo triển khai Nghị quyết số 66-NQ/TW.

Bám sát sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng, các định hướng trong Nghị quyết số 66-NQ/TW, Quốc hội, Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, các cơ quan hữu quan đã nỗ lực, trách nhiệm đổi mới tư duy xây dựng pháp luật, phối hợp chặt chẽ, kịp thời thể chế hóa chủ trương, đường lối của Đảng, các nghị quyết chiến lược của Bộ Chính trị, tạo hành lang pháp lý đầy đủ, đáp ứng yêu cầu sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị, xây dựng và vận hành mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, cải cách thủ tục hành chính, kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, khơi thông nguồn lực cho phát triển đất nước. Nghị quyết số 66-NQ/TW là cơ sở chính trị quan trọng để các cơ quan có thẩm quyền ra nhiều quyết sách chiến lược, chưa có tiền lệ trong công tác xây dựng pháp luật, xóa bỏ tư duy “không quản được thì cấm”, đưa thể chế từ “điểm nghẽn của điểm nghẽn” thành lợi thế cạnh tranh quốc gia, mở đường cho kiến tạo phát triển. Đặc biệt, đã hoàn thành mục tiêu “năm 2025, cơ bản hoàn thành việc tháo gỡ những “điểm nghẽn” do quy định pháp luật” được xác định tại Nghị quyết số 66-NQ/TW của Bộ Chính trị.

Quốc hội, Chính phủ, các bộ, ngành và địa phương đã chủ động, linh hoạt đổi mới phương thức hoạt động, sáng tạo trong triển khai thực hiện chức năng, nhiệm vụ, thích ứng với tình hình thực tiễn để hoàn thành khối lượng công việc lập pháp lớn, đồ sộ của nhiệm kỳ. Đáng chú ý, chỉ riêng trong năm 2025, Chính phủ đã trình Quốc hội thông qua Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp năm 2013; 99 luật, nghị quyết quy phạm pháp luật - một số lượng kỷ lục các dự án, dự thảo luật, nghị quyết; Chính phủ đã ban hành 377 nghị định, nghị quyết quy phạm pháp luật; các bộ, ngành đã soạn thảo, trình ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền 1.404 văn bản - nhiều nhất trong cả nhiệm kỳ; các địa phương đã ban hành 13.000 văn bản quy phạm pháp luật.

Công tác thi hành pháp luật được quan tâm chỉ đạo, bám sát Nghị quyết số 66-NQ/TW, chú trọng rà soát, tháo gỡ các điểm nghẽn pháp luật, cải cách thủ tục hành chính, nhất là trong các lĩnh vực liên quan trực tiếp đến đời sống Nhân dân như đất đai, môi trường, y tế, giáo dục, khoa học - công nghệ, an sinh xã hội... Công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hợp nhất, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật ngày càng đi vào nền nếp và có chuyển biến căn bản. Cơ chế đối thoại, tiếp nhận và xử lý phản ánh, kiến nghị của người dân và doanh nghiệp được các bộ, ngành chú trọng thực hiện với kết quả nổi bật. Những vướng mắc trong cơ chế tài chính cho công tác xây dựng pháp luật đã được tháo gỡ...

Có thể khẳng định, Nghị quyết số 66-NQ/TW đánh dấu bước đột phá chiến lược trong đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật, thực sự là "lời hiệu triệu" cho một cuộc cải cách thể chế sâu sắc, góp phần hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa theo hướng hiện đại, hiệu lực, hiệu quả và lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm. Việc triển khai Nghị quyết đã tác động toàn diện và mạnh mẽ tới công tác hoàn thiện thể chế, pháp luật của cả hệ thống chính trị từ Trung ương tới địa phương, được các cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị, đông đảo tầng lớp Nhân dân, đội ngũ luật gia, luật sư, cộng đồng doanh nghiệp đồng tình, đón nhận và hưởng ứng. Kết quả thực hiện Nghị quyết số 66-NQ/TW đã tạo được chuyển biến rõ nét với nhiều nội dung đột phá trong công tác xây dựng, hoàn thiện thể chế, pháp luật, đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước.

*Thành tựu như Bộ trưởng vừa nêu là rất rõ nét. Nhưng theo ông, có những hạn chế nào cần lưu ý để các chủ trương đột phá của Nghị quyết số 66-NQ/TW đi vào cuộc sống, đưa thể chế trở thành nguồn lực cạnh tranh quốc gia bền vững?*

**Bộ trưởng Bộ Tư pháp Nguyễn Hải Ninh:** Bên cạnh những kết quả trên đây thì việc xây dựng chương trình, kế hoạch hành động triển khai thực hiện Nghị quyết số 66-NQ/TW của Bộ Chính trị và Nghị quyết số 140/NQ-CP của Chính phủ tại một số bộ, ngành, địa phương còn chậm. Công tác xây dựng, hoàn thiện pháp luật có nơi, có chỗ chưa được quan tâm đúng mức. Còn tình trạng chậm ban hành văn bản quy định chi tiết thi hành luật, pháp lệnh.

Hệ thống pháp luật hiện nay còn thiếu một thiết kế tổng thể để đáp ứng những yêu cầu đặt ra trong tình hình mới, đặc biệt là những yêu cầu đặt ra từ phát triển kinh tế - xã hội, chuyển đổi số, hội nhập quốc tế và đổi mới mô hình quản trị quốc gia.

Ngoài ra, công tác tổ chức thi hành pháp luật vẫn là khâu yếu. Công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, truyền thông chính sách ở một số cơ quan, đơn vị còn mang tính hình thức, chưa linh hoạt theo sát các vấn đề dư luận xã hội quan tâm hoặc cần định hướng dư luận xã hội. Ứng dụng chuyển đổi số ở một số cơ quan chưa được đầu tư đồng bộ, hạ tầng công nghệ và cơ sở dữ liệu pháp luật một số nơi chưa hoàn thiện, chưa thuận lợi cho việc tra cứu, xử lý thông tin...

*Năm 2026 là năm đầu tiên triển khai Nghị quyết Đại hội lần thứ XIV của Đảng và cũng là năm bản lề trong việc tiếp tục triển khai Nghị quyết số 66-NQ/TW. Vậy đâu là những trọng tâm ưu tiên lớn trong năm 2026, thưa Bộ trưởng?*

**Bộ trưởng Bộ Tư pháp Nguyễn Hải Ninh:** Năm 2026 có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong việc hiện thực hóa các nghị quyết của Đảng. Trọng tâm ưu tiên hàng đầu là tập trung lãnh đạo, chỉ đạo để rà soát, thể chế hóa ngay các chủ trương lớn nêu trong văn kiện Đại hội XIV và 9 Nghị quyết chiến lược của Bộ Chính trị, bám sát Chương trình công tác năm 2026 của Ban Chỉ đạo Trung ương về hoàn thiện thể chế, pháp luật.

Tập trung xây dựng “Chiến lược hoàn thiện hệ thống pháp luật trong kỷ nguyên mới” tiến tới mục tiêu hoàn thiện hệ thống pháp luật với cấu trúc hợp lý, đầy đủ, dân chủ, công bằng, đồng bộ, thống nhất, công khai, minh bạch, khả thi, ổn định. Đồng thời, làm cơ sở để định hướng xây dựng các Định hướng lập pháp nhiệm kỳ và chương trình lập pháp hằng năm bảo đảm tính chủ động, linh hoạt và thích ứng với yêu cầu của thực tiễn trong kỷ nguyên mới.

Bên cạnh đó, năm 2026 cần tập trung sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp và xử lý các văn bản được điều chỉnh bởi Nghị quyết của Chính phủ, Ủy ban Thường vụ Quốc hội theo cơ chế đặc biệt, xử lý khó khăn, vướng mắc do quy định pháp luật, bảo đảm hoàn thành trước ngày 01/3/2027 theo Nghị quyết 206/2025/QH15 của Quốc hội và Luật Tổ chức chính quyền địa phương.

*Thứ hai, quan tâm, đầu tư về kỹ thuật lập pháp và soạn thảo văn bản theo hướng chuyên nghiệp, khoa học, khả thi, hiệu quả. Theo đó, tập trung xây dựng, hoàn thiện Sổ tay soạn thảo pháp luật quốc gia, các bộ tiêu chuẩn, hướng dẫn kỹ thuật lập pháp và các đề án liên quan, phục vụ công tác đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn cho đội ngũ cán bộ làm công tác xây dựng*

pháp luật, hướng tới mục tiêu chuẩn hóa quy trình, nâng cao năng lực chuyên môn, trách nhiệm nghề nghiệp và tính chuyên nghiệp của đội ngũ cán bộ tham mưu xây dựng pháp luật.

*Thứ ba*, tập trung hoàn thiện thể chế và thực hiện hiệu quả hoạt động hợp nhất văn bản. Việc hợp nhất văn bản cần được đổi mới mạnh mẽ theo hướng văn bản hợp nhất là căn cứ chính thức trong viện dẫn và áp dụng pháp luật; được trình cơ quan, người có thẩm quyền đồng thời với văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung; đơn giản hóa kỹ thuật hợp nhất; bổ sung quy định về việc hợp nhất văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước ở địa phương và mở rộng đối tượng văn bản được hợp nhất.

*Thứ tư*, tiếp tục hoàn thiện cơ sở dữ liệu quốc gia về văn bản pháp luật; xây dựng Đề án dữ liệu lớn về pháp luật; chuyển đổi số toàn diện trong công tác phổ biến giáo dục pháp luật, ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong giải đáp pháp luật. Phát triển và vận hành hiệu quả Cổng Pháp luật quốc gia trong thông tin chính sách, pháp luật; kênh tương tác giữa Nhà nước và người dân, doanh nghiệp trên môi trường số; tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị về văn bản quy phạm pháp luật, tạo lập diễn đàn hiến kế về hoàn thiện thể chế trên môi trường số.

*Nguồn: [vneconomy.vn](http://vneconomy.vn)*

## MỞ RA TƯ DUY MỚI VỀ QUẢN TRỊ QUỐC GIA DỰA TRÊN PHÁP QUYỀN, DỮ LIỆU VÀ CÔNG NGHỆ

Luật sư Nguyễn Văn Hậu, Chủ tịch Trung tâm Trọng tài Luật gia Việt Nam (VLCAC) kỳ vọng Đại hội XIV của Đảng mở ra tư duy mới về mô hình quản trị quốc gia dựa trên pháp quyền, dữ liệu và công nghệ, xây dựng chính quyền số như một trụ cột của Nhà nước pháp quyền hiện đại.

### **Chuyển đổi mô hình quản trị quốc gia hướng tới phát triển nhanh và bền vững**

Trong bối cảnh thế giới biến động nhanh chóng, công nghệ thông tin phát triển liên tục, Luật sư Nguyễn Văn Hậu kỳ vọng Đại hội XIV sẽ mở ra một tư duy mới về mô hình quản trị quốc gia. Đó là mô hình quản trị dựa trên pháp quyền, dữ liệu và công nghệ, có khả năng thích ứng linh hoạt với các rủi ro toàn cầu, từ biến đổi khí hậu, già hóa dân số cho đến cạnh tranh chiến lược và chuyển đổi số. Quản trị quốc gia không chỉ là quản lý, mà còn là năng lực dự báo, điều phối và kiến tạo tương lai.

“Tôi mong rằng Đại hội sẽ xác lập rõ định hướng phát triển nhanh đi đôi với bền vững, trong đó tăng trưởng kinh tế phải gắn chặt với công bằng xã hội, bảo vệ môi trường và phát triển con người. Pháp luật và thể chế quản trị cần tạo điều kiện để huy động và phân bổ hiệu quả các nguồn lực xã hội, khuyến khích khu vực tư nhân phát triển lành mạnh, đồng thời bảo đảm vai trò điều tiết, dẫn dắt của Nhà nước trong những lĩnh vực then chốt”, Luật sư Nguyễn Văn Hậu chia sẻ.

Luật sư Nguyễn Văn Hậu đặc biệt nhấn mạnh đến việc xây dựng chính quyền số như một trụ cột của Nhà nước pháp quyền hiện đại, trong đó, trọng tâm không chỉ dừng ở việc ứng

dụng công nghệ thông tin, mà cần chuyển mạnh sang mô hình quản trị dựa trên dữ liệu, trong đó dữ liệu được coi là tài sản công đặc biệt, được quản lý thống nhất, khai thác hợp pháp và bảo vệ nghiêm ngặt. Chính quyền số không thể chỉ là việc chuyển hồ sơ giấy sang hồ sơ điện tử, mà phải là sự thay đổi căn bản về cách thức ra quyết định, cung cấp dịch vụ công và chịu trách nhiệm giải trình, đặc biệt trong các trường hợp sai sót kỹ thuật, lạm dụng dữ liệu hoặc xâm phạm quyền riêng tư.

Chủ tịch VLCAC kỳ vọng nội dung làm việc của Đại hội XIV của Đảng chú trọng đến yêu cầu đổi mới thể chế pháp luật theo hướng hiện đại, bảo đảm nguyên tắc bình đẳng trước pháp luật và quyền được tiếp cận công bằng. Hệ thống pháp luật cần được hoàn thiện theo hướng đồng bộ, ổn định, đáp ứng yêu cầu của nền kinh tế thị trường hiện đại, hội nhập quốc tế sâu rộng và quá trình chuyển đổi số, bảo đảm mọi hoạt động của chính quyền số đều có cơ sở pháp lý rõ ràng, minh bạch và có thể kiểm soát được. Việc xây dựng pháp luật cần hạn chế tư duy nhiệm kỳ, tránh thay đổi chính sách đột ngột, gây rủi ro và gia tăng chi phí cho người dân và doanh nghiệp. Pháp luật cũng cần quy định rõ trách nhiệm pháp lý của cơ quan, người có thẩm quyền khi sử dụng hệ thống số.

Theo Luật sư Nguyễn Văn Hậu, cần chuẩn hóa quy trình hành chính trong môi trường số, coi đây là điều kiện tiên quyết để bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người dân, doanh nghiệp. Các chính sách, quy định pháp luật phải được xây dựng trên cơ sở thông tin đầy đủ, đánh giá tác động nghiêm túc và có sự tham gia thực chất của các đối tượng chịu tác động, không được tạo ra rào cản mới, nhất là đối với các nhóm yếu thế, người cao tuổi, người ở vùng sâu, vùng xa.

Ngoài ra, việc đổi mới thể chế pháp luật cũng cần hướng mạnh đến vai trò kiến tạo phát triển. Pháp luật không nên trở thành rào cản đối với các ý tưởng đổi mới sáng tạo, mà phải tạo hành lang an toàn để các mô hình kinh tế mới, phương thức kinh doanh mới được thử nghiệm và phát triển có kiểm soát. Đồng thời, thể chế cần bảo đảm sự cân bằng lợi ích, bảo vệ các giá trị nền tảng của xã hội, quyền và lợi ích hợp pháp của người dân. Nếu Đại hội XIV đặt ra được những định hướng rõ ràng và nhất quán về cải cách thể chế, đó sẽ là nền tảng quan trọng để thúc đẩy phát triển bền vững và nâng cao chất lượng quản trị quốc gia.

### **Nâng cao năng lực, đạo đức và bản lĩnh của đội ngũ cán bộ**

Chủ tịch VLCAC cũng kỳ vọng Đại hội XIV sẽ đặt vấn đề nâng cao năng lực của đội ngũ cán bộ ở vị trí trung tâm của mọi cải cách. Trong bối cảnh yêu cầu quản lý ngày càng phức tạp, hội nhập sâu rộng và chuyển đổi số mạnh mẽ, năng lực của đội ngũ cán bộ không thể chỉ dừng ở kinh nghiệm hay thâm niên, mà phải được đo bằng khả năng tư duy chính sách, tổ chức thực thi và giải quyết hiệu quả các vấn đề thực tiễn. Công tác tuyển dụng, đào tạo và sử dụng cán bộ cần chuyển mạnh sang hướng dựa trên năng lực thực chất và kết quả công việc, khắc phục tình trạng hình thức hoặc nặng về bằng cấp.

Bên cạnh đó, cần chú trọng xây dựng đạo đức công vụ như một chuẩn mực nền tảng của đội ngũ cán bộ. Đạo đức không chỉ là sự liêm chính trong phòng, chống tham nhũng, mà còn thể hiện ở tinh thần trách nhiệm, sự tận tụy và thái độ tôn trọng người dân trong thi hành công

vụ. Cần có cơ chế đủ mạnh để vừa khuyến khích, bảo vệ những cán bộ dám nghĩ, dám làm vì lợi ích chung, vừa kiên quyết loại bỏ những biểu hiện suy thoái, vô cảm, lợi dụng chức vụ, quyền hạn để trục lợi hoặc gây phiền hà cho xã hội.

“Cuối cùng, trong công tác xây dựng đội ngũ cán bộ, tôi kỳ vọng sẽ chú trọng hơn đến bản lĩnh chính trị và bản lĩnh nghề nghiệp. Trong điều kiện phân cấp, phân quyền mạnh mẽ và môi trường pháp lý, kinh tế luôn biến động, cán bộ phải có đủ bản lĩnh để quyết định, chịu trách nhiệm và bảo vệ lựa chọn đúng đắn của mình trên cơ sở pháp luật và lợi ích chung. Đại hội XIV, nếu tạo ra được những định hướng rõ ràng về phát triển đội ngũ cán bộ vừa có năng lực, vừa có đạo đức và bản lĩnh, sẽ góp phần quyết định vào hiệu quả vận hành của bộ máy nhà nước và sự phát triển bền vững của đất nước”, Luật sư Nguyễn Văn Hậu nhấn mạnh.

*Nguồn: baochinhpvu.vn*

## QUẢN TRỊ ĐỊA PHƯƠNG TRONG KỶ NGUYÊN MỚI

**Bên thêm Đại hội lần thứ XIV của Đảng, Giáo sư, Tiến sĩ Lê Quân, Thứ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo cập nhật nghiên cứu “Khung năng lực lãnh đạo, quản lý khu vực hành chính công”. Phóng viên Báo Nhân Dân có cuộc phỏng vấn ông về vấn đề này.**

*Phóng viên: Thưa Giáo sư, Tiến sĩ Lê Quân, điều gì khiến ông và nhóm nghiên cứu cập nhật khung năng lực lãnh đạo, quản lý khu vực hành chính công vào thời điểm này?*

**Giáo sư, Tiến sĩ Lê Quân:** Sau các chuyển công tác tại địa phương, nhất là trong và sau các đợt bão, lũ, cá nhân tôi nhận thấy rất cần quan tâm tới công tác cán bộ sau sắp xếp đơn vị hành chính, nhất là công chức cấp xã.

Quản trị địa phương sắp tới có nhiều thách thức mới: Không gian địa lý mới; không gian phát triển thay đổi với nhiều cực tăng trưởng và hành lang phát triển mới; thể chế mới với chính quyền hai cấp; văn hóa địa phương có sự khác biệt; hội nhập quốc tế sâu rộng với mục tiêu tăng trưởng nhanh và bền vững dựa trên khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo; ứng phó với biến đổi khí hậu, thiên tai, thảm họa; năng suất lao động thấp...

“Khung năng lực lãnh đạo, quản lý khu vực công” đã được nhóm nghiên cứu Đại học quốc gia Hà Nội ban hành từ năm 2013. Trên cơ sở khung năng lực này, chúng tôi phát triển thêm ba nhóm năng lực: Năng lực hội nhập không gian phát triển mới; năng lực hội nhập thể chế thay đổi; năng lực hội nhập văn hóa và hội nhập quốc tế.

*Phóng viên: Theo ông, quản trị địa phương hiện nay đang đứng trước những cơ hội và thách thức lớn nào?*

**Giáo sư, Tiến sĩ Lê Quân:** Việc mở rộng không gian phát triển thông qua sáp nhập tỉnh, thành phố, ứng dụng khoa học, công nghệ, thúc đẩy đổi mới sáng tạo và hội nhập quốc tế giúp các địa phương có thêm dư địa phát triển, tiếp cận nguồn lực mới, áp dụng công nghệ mới và các mô hình quản trị hiện đại dựa trên dữ liệu.

Nhưng đi cùng với đó là những thách thức rất rõ ràng: Không gian quản trị rộng hơn, đa dạng hơn, lợi ích đan xen phức tạp hơn.

Bên cạnh nguồn lực về đất đai và các tài nguyên hữu hạn, Việt Nam của chúng ta có lợi thế quan trọng về nguồn nhân lực với dân số đông và lực lượng lao động trẻ. Tuy nhiên, nguồn nhân lực của chúng ta lại đang bị mất cân đối.

Số lượng thanh niên không học hành, không nghề nghiệp bền vững ngày càng có tỷ lệ đáng ngại. Số học sinh hết lớp 9 không tiếp tục học nghề hoặc học trung học phổ thông, nhất là học sinh vùng khó khăn, đồng bào dân tộc thiểu số có xu hướng gia tăng.

Chất lượng giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp chưa theo kịp chuẩn quốc tế. Có sự quan tâm chưa đồng bộ giữa giáo dục về văn hóa, lịch sử, đạo đức; tri thức và công nghệ.

*Phóng viên: Vậy theo ông, các năng lực mới mà cán bộ lãnh đạo, quản lý địa phương cần có trong kỷ nguyên mới là gì?*

**Giáo sư, Tiến sĩ Lê Quân:** Chúng tôi không tiếp cận năng lực theo nghĩa chung chung mà cụ thể hóa thành một khung năng lực có thể áp dụng được trong thực tiễn quản trị ở cấp sở và cấp xã. Khung năng lực gồm 6 nhóm với 42 năng lực cốt lõi.

Điểm mới ở đây là, bên cạnh các năng lực nền tảng như đạo đức công vụ hay chuyên môn, chúng tôi cập nhật và nhấn mạnh các năng lực đáp ứng bối cảnh mới.

Thứ nhất là nhóm năng lực am hiểu địa phương trong không gian phát triển mở. Cán bộ không chỉ am hiểu địa bàn hành chính, mà cần hiểu cả vùng, chuỗi giá trị, văn hóa và động lực phát triển. Thí dụ sau sáp nhập tỉnh, một địa phương sẽ có nhiều cực tăng trưởng gắn với nhiều đô thị như Cần Thơ; hoặc cả khu vực cao nguyên lẫn khu vực duyên hải như Gia Lai.

Thứ hai là nhóm năng lực tư duy chiến lược và điều phối, giúp cán bộ làm việc hiệu quả trong môi trường đa cực, đa biến, nhiều thay đổi khó dự báo. Một năng lực cần được chú trọng là ứng phó thiên tai. Bài học sau các đợt lũ lụt vừa qua cho thấy đường như vẫn còn có lúng túng trong công tác phối hợp.

Thứ ba là nhóm năng lực quản trị đội ngũ, phát huy sức mạnh tập thể, giảm sự phụ thuộc vào cá nhân, tạo nền tảng cho công tác quy hoạch, luân chuyển và phát triển cán bộ bền vững.

Thứ tư là nhóm năng lực quản trị bản thân, đặc biệt quan trọng trong môi trường áp lực cao, trách nhiệm lớn.

Năng lực này giúp cán bộ duy trì trạng thái tinh thần tích cực, tư duy mở, tư duy hệ thống và khả năng học hỏi không ngừng. Chúng tôi rất đồng cảm với những áp lực và thay đổi mà cán bộ lãnh đạo, quản lý ở địa phương đang và sẽ phải đối mặt.

*Phóng viên: Ông nhiều lần lưu ý việc chuyển từ đánh giá cảm tính sang đánh giá dựa trên năng lực và kết quả. Điều này có ý nghĩa gì trong thực tiễn?*

**Giáo sư, Tiến sĩ Lê Quân:** Điều này là rất quan trọng, nhưng cũng không dễ triển khai. Khi mục tiêu tăng trưởng cao, phát triển bền vững và bảo đảm công bằng xã hội được đặt ra, thì trách nhiệm của cán bộ không thể chỉ được đánh giá bằng nhận xét định tính.

Trong kỷ nguyên mới, KPI, sản phẩm đầu ra và quyết định dựa trên dữ liệu cần trở thành thước đo chính năng lực và hiệu quả công việc của cán bộ.

Điều đó đòi hỏi cán bộ phải “kỹ trị” hơn, dựa trên bằng chứng, và được đánh giá bằng kết quả cụ thể. Khung năng lực giúp cho việc đánh giá cán bộ trở nên minh bạch và thực chất hơn. Về nguyên lý, cán bộ được bổ nhiệm khi đáp ứng hai điều kiện: Hoàn thành tốt công việc hiện nay với sản phẩm rõ ràng; đáp ứng yêu cầu công việc mới.

*Phóng viên: Một nội dung được độc giả quan tâm là năng lực ứng phó thảm họa. Vì sao ông đặc biệt nhấn mạnh năng lực này?*

**Giáo sư, Tiến sĩ Lê Quân:** Bởi vì biến đổi khí hậu và các thách thức an ninh phi truyền thống đang ngày càng hiện hữu.

Thiên tai, dịch bệnh, thực phẩm bẩn, ô nhiễm không khí, khủng hoảng môi trường,... tác động trực tiếp đến đời sống người dân, và năng lực ứng phó của chính quyền địa phương ảnh hưởng trực tiếp đến sự an nguy của cộng đồng. Khi quản trị “địa bàn lớn”, cán bộ cần tư duy hệ thống, kiến thức liên ngành và khả năng ra quyết định nhanh trong những điều kiện bất định. Đây không còn là năng lực bổ sung mà là năng lực cốt lõi của quản trị công hiện đại.

*Phóng viên: Theo ông, các địa phương và bản thân cán bộ lãnh đạo, quản lý nên làm gì để phát triển những năng lực mới này?*

**Giáo sư, Tiến sĩ Lê Quân:** Tôi cho rằng có mấy hướng chính. Thứ nhất, các địa phương cần tiếp tục đẩy mạnh sử dụng khung năng lực như một công cụ quản trị, từ đánh giá, quy hoạch, đào tạo đến sử dụng cán bộ.

Thứ hai, các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng cần thiết kế chương trình gắn với hiện trạng năng lực của cán bộ, tình huống cụ thể của địa phương, tránh chỉ đào tạo lý thuyết.

Thứ ba, năng lực cần được hình thành thông qua rèn luyện, trải nghiệm và học hỏi liên tục. Đồng thời, chính sách cán bộ cũng cần khuyến khích cán bộ dám đổi mới, dám làm, dám chịu trách nhiệm, cho phép cán bộ học hỏi từ sai lầm và khắc phục khi có giải pháp tốt.

Thứ tư, cần có chính sách đãi ngộ đáp ứng yêu cầu mới. Áp lực để tiến bộ; động lực để lan tỏa và sáng tạo.

*Nguồn: nhandan.vn*

## QUY ĐỊNH MỚI VỀ PHÂN LOẠI ĐÔ THỊ

Chính phủ ban hành Nghị định số 35/2026/NĐ-CP ngày 22/1/2026 quy định chi tiết một số điều của Nghị quyết về phân loại đô thị.

Đô thị hiện hữu là các đô thị đã được cấp có thẩm quyền công nhận hoặc xác định loại đô thị theo quy định của Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15.

Đô thị mở rộng là đô thị hiện hữu và khu vực mở rộng liền kề có phạm vi ranh giới được xác định theo quy hoạch chung đô thị được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Phát triển đô thị tăng trưởng xanh là việc quy hoạch, đầu tư xây dựng đô thị bảo đảm các nội dung về tăng trưởng xanh, hạ tầng xanh, không gian xanh và các công trình xanh theo quy định, phù hợp với từng vùng, miền và từng đô thị trong từng giai đoạn nhất định.

### Nguyên tắc phát triển đô thị

Nghị định quy định phát triển đô thị phải đảm bảo các nguyên tắc sau:

1- Phù hợp với quy hoạch tỉnh, thành phố, quy hoạch đô thị và nông thôn theo từng cấp độ quy hoạch, phù hợp với chương trình, kế hoạch phát triển đô thị theo từng thời kỳ và theo điều kiện cụ thể của từng địa phương, từng vùng, miền.

2- Việc phát triển đô thị bao gồm cải tạo, chỉnh trang đô thị, mở rộng đô thị và phát triển đô thị mới phải bảo đảm quốc phòng, an ninh và đáp ứng các yêu cầu, tiêu chí tăng trưởng xanh, thích ứng với biến đổi khí hậu, phòng chống thiên tai, phát triển bền vững theo quy định của Nghị định này và pháp luật có liên quan; việc quy hoạch phát triển các đô thị phải gắn với bảo vệ tài nguyên nước, bảo đảm duy trì dòng chảy tối thiểu, không vượt ngưỡng khai thác dưới đất theo quy định pháp luật về tài nguyên nước.

3- Thực hiện khai thác và sử dụng hiệu quả đất đai; ứng dụng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, hợp tác quốc tế vào hoạt động quản lý, đầu tư phát triển đô thị; kết nối đồng bộ hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội và hạ tầng số, bảo đảm phát triển đô thị hiện đại và văn minh; việc đánh giá và phân loại đô thị được thực hiện theo quy định của Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15 và Nghị định này.

4- Phát triển đô thị phải đáp ứng yêu cầu giữ gìn, bảo tồn các giá trị đặc trưng đô thị về lịch sử, truyền thống, di sản, công trình kiến trúc có giá trị; duy trì, phát triển không gian xanh, mặt nước, cảnh quan thiên nhiên, bảo vệ môi trường, hành lang thoát lũ, bảo vệ đê điều và tuân thủ quy định của pháp luật có liên quan; tạo môi trường sống tốt cho cư dân tại đô thị, bảo đảm hài hòa lợi ích cộng đồng, Nhà nước và nhà đầu tư.

5- Căn cứ vào điều kiện cụ thể của địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định đưa nội dung kế hoạch phát triển đô thị trong nội dung của chương trình phát triển đô thị hoặc xây dựng kế hoạch riêng; trường hợp đưa vào nội dung chương trình phát triển đô thị thì phải đáp ứng các nội dung và yêu cầu quy định tại Điều 7 của Nghị định này; trường hợp xây dựng kế hoạch riêng thì thực hiện theo quy định tại Điều 7 và Điều 8 của Nghị định này.

6- Tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và vùng kinh tế - xã hội xác định tỷ lệ đô thị hóa theo quy định pháp luật về chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy định tại Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15.

### **3 nhóm tiêu chí phát triển đô thị tăng trưởng xanh**

Đô thị tăng trưởng xanh phải đảm bảo 3 nhóm tiêu chí sau:

1- Nhóm tiêu chí hạ tầng xanh tại đô thị bao gồm: Tỷ lệ vận tải hành khách công cộng; tỷ lệ xe buýt sử dụng năng lượng xanh; tỷ lệ phương tiện giao thông cá nhân hạn chế phát thải; đường dành riêng cho xe đạp; tỷ lệ đường đô thị sử dụng các thiết bị và công nghệ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo để chiếu sáng; tỷ lệ dân số được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung; diện tích đất cây xanh công cộng bình quân đầu người.

2- Nhóm các tiêu chí về môi trường tại đô thị bao gồm: Chỉ số chất lượng không khí; tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom, vận chuyển và xử lý đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật; tỷ lệ nước thải sinh hoạt được thu gom và xử lý đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật; tỷ lệ ngày trong năm có nồng độ bụi siêu mịn và bụi mịn trong môi trường không khí vượt quá quy chuẩn kỹ thuật môi trường cho phép.

3- Nhóm các tiêu chí về năng lượng và giảm phát thải tại đô thị bao gồm: Tỷ lệ sử dụng năng lượng tái tạo trong tổng tiêu thụ năng lượng đô thị; tỷ lệ nhà dân sử dụng điện mặt trời mái nhà tự sản, tự tiêu; số lượng công trình xanh.

### **Ưu đãi thực hiện phát triển đô thị tăng trưởng xanh, thích ứng với biến đổi khí hậu**

Nghị định quy định ưu đãi về tài chính và quỹ đất... để thực hiện phát triển đô thị tăng trưởng xanh, thích ứng với biến đổi khí hậu.

### **Ưu đãi về tài chính để thực hiện phát triển đô thị tăng trưởng xanh, thích ứng với biến đổi khí hậu:**

Dự án đầu tư xây dựng tại đô thị, tùy theo mục đích, tính chất của dự án nếu có thực hiện tiêu chí tăng trưởng xanh theo quy định tại Nghị định này thì được Nhà nước bảo lãnh tín dụng để vay vốn đầu tư thực hiện dự án theo quy định; được vay vốn ưu đãi từ quỹ bảo vệ môi trường, các quỹ khác liên quan đến tăng trưởng xanh, thích ứng với biến đổi khí hậu theo quy chế của quỹ và quy định của pháp luật;

Chủ đầu tư dự án được hưởng các chính sách hoàn thuế, khấu trừ thuế hoặc được miễn, giảm thuế khi đầu tư vào các hạng mục hạ tầng xanh, công trình xanh, tiết kiệm năng lượng, xử lý nước thải, rác thải theo quy định của pháp luật.

### **Ưu đãi về quỹ đất và đào tạo nâng cao năng lực về quản lý phát triển đô thị tăng trưởng xanh, thích ứng với biến đổi khí hậu:**

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ưu tiên bố trí quỹ đất đã giải phóng mặt bằng theo quy hoạch để đầu tư các dự án xây dựng hạ tầng xanh, công trình công cộng sử dụng năng lượng sạch theo quy định của pháp luật.

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm bố trí ngân sách của địa phương để hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý đô thị trong lĩnh vực phát triển đô thị tăng trưởng xanh, thích ứng với biến đổi khí hậu trên địa bàn.

Các ưu đãi khác theo quy định pháp luật và của địa phương.

### **Thủ tục công nhận loại đô thị**

Nghị định số 35/2026/NĐ-CP quy định các trường hợp lập đề án công nhận loại đô thị bao gồm: Công nhận đô thị loại I và công nhận đô thị loại II, đô thị loại III.

### **Trình tự, thủ tục đề nghị công nhận đô thị loại I**

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao cơ quan chuyên môn thuộc tỉnh tổ chức lập đề án công nhận đô thị loại I; trường hợp thuê đơn vị tư vấn thì thực hiện theo quy định pháp luật về đấu thầu.

Cơ quan hoặc đơn vị tư vấn được giao lập đề án công nhận loại đô thị (đơn vị lập đề án) tổ chức khảo sát, lập đề án theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 19 của Nghị định này. Trường hợp đơn vị lập đề án không phải là Sở Xây dựng thì phải có văn bản kèm theo thuyết minh đề án gửi Sở Xây dựng để thẩm tra.

Trong thời hạn tối đa 5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề án kèm theo văn bản của đơn vị lập đề án, Sở Xây dựng có trách nhiệm rà soát, kiểm tra, đánh giá sơ bộ thuyết minh đề án, gửi lấy ý kiến của Công an tỉnh, Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh và các Sở, ngành chuyên môn thuộc tỉnh. Văn bản gửi lấy ý kiến phải ghi rõ nội dung cần lấy ý kiến theo chức năng, nhiệm vụ của cơ quan được lấy ý kiến; trường hợp Sở Xây dựng lập đề án thì Sở Xây dựng có trách nhiệm gửi lấy ý kiến của các cơ quan quy định tại mục này.

Trong thời hạn tối đa 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến của Sở Xây dựng, các cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm gửi văn bản góp ý về Sở Xây dựng để thẩm tra.

Trong thời hạn tối đa 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản góp ý, Sở Xây dựng thực hiện thẩm tra đề án hoặc hoàn thiện đề án nếu trực tiếp lập đề án. Trường hợp đơn vị tư vấn lập đề án thì Sở Xây dựng gửi thông báo kết quả thẩm tra đến đơn vị tư vấn để hoàn thiện, trong thông báo phải xác định rõ thời gian hoàn thiện đề án và gửi Sở Xây dựng xem xét để báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Hồ sơ Sở Xây dựng gửi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh bao gồm: Tờ trình và báo cáo thẩm tra, thuyết minh đề án và bảng tổng hợp giải trình, tiếp thu các ý kiến góp ý.

Sau khi nhận được hồ sơ trình của Sở Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, trình Hội đồng nhân dân cùng cấp thông qua đề án. Hồ sơ trình Hội đồng nhân dân cùng cấp bao gồm: Tờ trình của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và thuyết minh đề án. Thời gian trình và thời gian Hội đồng nhân dân cấp tỉnh thông qua đề án được thực hiện theo quy định của quy chế hoạt động của Hội đồng nhân dân.

Trong thời hạn tối đa 10 ngày làm việc, kể từ ngày có Nghị quyết thông qua đề án của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi 01 bộ hồ sơ đến Bộ Xây dựng để tổ chức thẩm định và công nhận đô thị loại I.

Trong thời hạn tối đa 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Bộ Xây dựng ban hành quyết định thành lập Hội đồng thẩm định liên ngành để tổ chức thẩm định đề án.

Thời gian Hội đồng thẩm định thực hiện thẩm định và báo cáo Bộ Xây dựng tối đa là 30 ngày làm việc, kể từ ngày ban hành quyết định thành lập Hội đồng thẩm định.

Sau khi thẩm định, bao gồm cả trường hợp phải hoàn thiện hồ sơ (nếu có), cơ quan thường trực Hội đồng thẩm định có báo cáo kèm theo hồ sơ gửi Bộ Xây dựng.

Trong thời hạn tối đa 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Bộ trưởng Bộ Xây dựng xem xét, ban hành quyết định công nhận đô thị loại I.

Trong thời hạn tối đa 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được quyết định công nhận đô thị loại I của Bộ Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức công bố quyết định công nhận loại đô thị.

### **Trình tự, thủ tục đề nghị công nhận đô thị loại II, loại III**

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao cơ quan chuyên môn thuộc tỉnh tổ chức lập đề án công nhận loại đô thị có phạm vi ranh giới nhiều hơn 01 đơn vị hành chính cấp xã hoặc giao Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức lập đề án công nhận loại đô thị trong trường hợp công nhận loại đô thị có phạm vi ranh giới trong 01 đơn vị hành chính cấp xã đó; trường hợp thuê đơn vị tư vấn lập đề án thì thực hiện theo pháp luật về đấu thầu.

Đơn vị lập đề án tổ chức khảo sát, lập đề án và báo cáo theo quy định.

Trường hợp đơn vị lập đề án không phải là Sở Xây dựng thì sau khi hoàn thành dự thảo thuyết minh đề án, đơn vị lập đề án gửi lấy ý kiến của Sở Xây dựng về dự thảo thuyết minh đề án; trong thời hạn tối đa 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị, Sở Xây dựng có trách nhiệm gửi văn bản góp ý. Trong thời hạn tối đa 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản của Sở Xây dựng, đơn vị lập đề án phải hoàn thiện dự thảo thuyết minh đề án.

Trong thời hạn tối đa 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thuyết minh đề án đã được hoàn thiện, Sở Xây dựng có trách nhiệm rà soát hồ sơ; nếu hồ sơ đủ điều kiện thì gửi 01 bộ hồ sơ cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để tổ chức thẩm định.

Trong thời hạn tối đa 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đề án, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành quyết định thành lập Hội đồng thẩm định liên ngành để tổ chức thẩm định đề án và giao cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh làm thường trực Hội đồng.

Trường hợp phải hoàn thiện hồ sơ đề án theo Báo cáo thẩm định của Hội đồng thẩm định thì trong thời gian tối đa 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được Báo cáo thẩm định, đơn vị lập đề án phải hoàn thiện hồ sơ theo yêu cầu và gửi lại Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để xem xét, trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh.

Trường hợp không đủ điều kiện công nhận loại đô thị thì Hội đồng thẩm định có thông báo gửi Sở Xây dựng và đơn vị lập đề án nêu rõ lý do.

Trong thời hạn tối đa 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ của Hội đồng thẩm định liên ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh thông qua đề án. Thời gian Hội đồng nhân dân cấp tỉnh thông qua đề án thực hiện theo quy định về quy chế hoạt động của Hội đồng nhân dân.

Trong thời hạn tối đa 05 ngày làm việc, kể từ ngày có Nghị quyết thông qua đề án của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành quyết định công nhận loại đô thị theo quy định.

Trong thời hạn tối đa 10 ngày làm việc, kể từ ngày ban hành quyết định công nhận loại đô thị, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức công bố quyết định trên địa bàn nơi được công nhận loại đô thị.

Nguồn: [baochinhphu.vn](#)

## HAI ĐIỂM MỚI TRONG THỦ TỤC ĐĂNG KIỂM ÔTÔ TỪ 2026

Bộ Xây dựng ban hành Thông tư số 71/2025/TT-BXD trong đó sửa đổi, bổ sung Thông tư số 47/2024/TT-BXD để cắt giảm, đơn giản hoá thủ tục hành chính trong lĩnh vực đăng kiểm.

### **Người đưa xe đi đăng kiểm không cần xuất trình đăng ký xe**

Đáng chú ý là quy định bổ sung khái niệm về giấy tờ đăng ký xe. Thông tư số 71/2025 quy định giấy tờ đăng ký xe là một trong các giấy tờ sau: bản chính chứng nhận đăng ký xe; bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính chứng nhận đăng ký xe; giấy chứng nhận đăng ký xe được tích hợp trên tài khoản định danh điện tử từ mức độ 2 trở lên.

Đồng thời sửa đổi quy định về giấy tờ cần xuất trình khi thực hiện thủ tục miễn kiểm định lần đầu, kiểm định lần đầu, kiểm định định kỳ, đề nghị chứng nhận xe cơ giới cải tạo (trừ xe mô tô, xe gắn máy); đề nghị chứng nhận xe máy chuyên dùng cải tạo; xe mô tô, xe gắn máy cải tạo theo hướng cho phép cơ sở đăng kiểm sử dụng dữ liệu về đăng ký xe được chia sẻ từ cơ quan đăng ký xe thay vì yêu cầu người đưa xe đi đăng kiểm xuất trình đăng ký xe.

Tuy nhiên, Thông tư cũng nêu rõ: Trong trường hợp bất khả kháng theo quy định của pháp luật mà dữ liệu về đăng ký xe từ cơ quan đăng ký xe chưa chia sẻ được thì chủ xe phải xuất trình giấy tờ về đăng ký xe hoặc bản chính giấy hẹn cấp chứng nhận đăng ký xe.

Đối với hồ sơ đề nghị kiểm định đối với xe có chứng nhận đăng ký xe tạm thời, Thông tư 71/2025 quy định: Chủ xe nộp trực tiếp tại cơ sở đăng kiểm hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống trực tuyến 1 bộ hồ sơ đề nghị kiểm định gồm các giấy tờ phải nộp và xuất trình theo quy định.

Cụ thể: Xe sản xuất, lắp ráp trong nước, xe thuộc đối tượng nghiên cứu, phát triển có nhu cầu tham gia giao thông đường bộ, xe cơ giới nhập khẩu chạy trà trước khi thử nghiệm khí thải, xe nhập khẩu khác trong trường hợp bất khả kháng theo quy định của pháp luật mà dữ liệu về đăng ký xe từ cơ quan đăng ký xe chưa chia sẻ được thì chủ xe phải xuất trình bản chính chứng nhận đăng ký xe tạm thời hoặc chứng nhận đăng ký xe tạm thời được tích hợp trên tài khoản định danh điện tử từ mức độ 2 trở lên và nộp bản sao phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng.

### **Xuất trình đăng ký xe trên tài khoản định danh điện tử VneiD mức độ 2**

Như vậy, với quy định tại Thông tư số 71/2025, chủ xe chính thức được xuất trình đăng ký xe trên tài khoản định danh điện tử VneiD mức độ 2 trở lên thay vì xuất trình đăng ký xe bản giấy.

Theo cơ quan soạn thảo, quy định trên nhằm thực hiện Quyết định số 1406/QĐ-BXD ngày 22/8/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc phê duyệt phương án cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng. Qua đó tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp; hạn chế tình trạng làm rơi, mất đăng ký xe bản chính khi đi đưa xe đi đăng kiểm.

Mặt khác, Thông tư số 71/2025 cũng rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục cấp giấy chứng nhận kiểm định, tem kiểm định cho xe miễn kiểm định lần đầu, kiểm định lần đầu, kiểm định định kỳ xe cơ giới, xe máy chuyên dùng từ 1 ngày xuống 4 giờ làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ.

Trường hợp xe chỉ có giấy hẹn cấp chứng nhận đăng ký xe, cơ sở đăng kiểm cấp tem kiểm định và giấy hẹn trả giấy chứng nhận kiểm định cho chủ xe theo mẫu quy định tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư và chỉ thực hiện cấp giấy chứng nhận kiểm định trong thời gian 4 giờ làm việc kể từ khi chủ xe được cấp đăng ký xe hoặc xuất trình giấy tờ về đăng ký xe.

Trường hợp giấy chứng nhận kiểm định bị sai thông tin, bị hỏng, cũng giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính cấp lại giấy chứng nhận kiểm định cho chủ xe từ 1 ngày xuống còn 4 giờ làm việc.

*Nguồn: vnexpress.net*

## **PHÂN CẤP THỰC HIỆN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH VỀ HÓA CHẤT**

Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Thông tư số 01/2026/TT-BCT quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số 26/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất về quản lý hoạt động hóa chất và hóa chất nguy hiểm trong sản phẩm, hàng hóa.

Thông tư số 01/2026/TT-BCT quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành về:

Phân cấp thủ tục cấp, cấp lại, cấp điều chỉnh Giấy phép sản xuất, kinh doanh, Giấy phép sản xuất và kinh doanh hóa chất cần kiểm soát đặc biệt nhóm 1 và nhóm 2; cấp, cấp lại, cấp điều chỉnh, gia hạn giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất cần kiểm soát đặc biệt nhóm 1 và nhóm 2.

***Nội dung, biểu mẫu phiếu an toàn hóa chất.***

Lập sổ theo dõi sản xuất, nhập khẩu, sử dụng, tồn trữ hóa chất thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.

Biểu mẫu, thời hạn, phương thức và lộ trình thực hiện lập phiếu, soát mục, bán hóa chất cần kiểm soát đặc biệt trên Cơ sở dữ liệu chuyên ngành hóa chất.

Danh mục hóa chất nguy hiểm trong sản phẩm, hàng hóa cần công bố thông tin trong lĩnh vực quản lý của Bộ Công Thương.

Các biểu mẫu sử dụng trong thủ tục hành chính bao gồm: cấp, cấp lại, cấp điều chỉnh Giấy phép nhập khẩu hóa chất cấm; cấp, cấp lại, cấp điều chỉnh Giấy phép sản xuất hóa chất cấm; phương án kiểm soát phòng, chống thất thoát hóa chất cấm; sổ theo dõi sản xuất, nhập khẩu, sử dụng, tồn trữ hóa chất cấm; cấp, cấp lại, cấp điều chỉnh Giấy phép sản xuất, kinh doanh hóa chất cần kiểm soát đặc biệt; cấp, cấp lại, cấp điều chỉnh, gia hạn Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất cần kiểm soát đặc biệt; phương án kiểm soát phòng, chống thất thoát hóa chất cần kiểm soát đặc biệt; mẫu phiếu kiểm soát mua, bán hóa chất cần kiểm soát đặc biệt; cấp, cấp lại, cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất có điều kiện; cấp, cấp lại, cấp điều chỉnh giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ tồn trữ hóa chất; đăng ký hóa chất mới; thông tin khai báo và phản hồi khai báo hóa chất nhập khẩu qua Cổng thông tin một cửa quốc gia.

Biểu mẫu đăng ký và thông báo doanh nghiệp đã đăng ký trên Cơ sở dữ liệu chuyên ngành hóa chất.

Mẫu thông tin chia sẻ dữ liệu quản lý về hóa chất trên Cơ sở dữ liệu chuyên ngành hóa chất.

Nguyên tắc phân loại hóa chất.

Quy định hóa chất không được sử dụng trong ngành, lĩnh vực quản lý của Bộ Công Thương.

Chuyển đổi số trong quản lý nhà nước về hóa chất.

***Phân cấp thực hiện thủ tục hành chính về hóa chất trong lĩnh vực quản lý của Bộ Công Thương***

Trong đó, phân cấp thực hiện thủ tục hành chính về hóa chất trong lĩnh vực quản lý của Bộ Công Thương, Thông tư nêu rõ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tổ chức, cá nhân đặt trụ sở chính:

Tiếp nhận hồ sơ, tổ chức thẩm định, cấp, cấp lại, cấp điều chỉnh Giấy phép sản xuất, Giấy phép kinh doanh, Giấy phép sản xuất và kinh doanh hóa chất cần kiểm soát đặc biệt đối với tổ chức sản xuất, kinh doanh hóa chất cần kiểm soát đặc biệt nhóm 2 và không sản xuất, kinh doanh hóa chất cần kiểm soát đặc biệt nhóm 1.

Tiếp nhận hồ sơ, cấp, cấp lại, cấp điều chỉnh, gia hạn Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất cần kiểm soát đặc biệt cho tổ chức, cá nhân xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất cần kiểm soát đặc biệt nhóm 2.

***Cục Hóa chất:***

Tiếp nhận hồ sơ, thẩm định, đánh giá điều kiện thực tế đối với thủ tục cấp, cấp lại, cấp điều chỉnh Giấy phép sản xuất hóa chất cấm trong lĩnh vực công nghiệp; tiếp nhận, thẩm định hồ sơ đề nghị cấp, cấp lại, cấp điều chỉnh Giấy phép nhập khẩu hóa chất cấm thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.

Tiếp nhận hồ sơ, tổ chức thẩm định, cấp, cấp lại, cấp điều chỉnh Giấy phép sản xuất, Giấy phép kinh doanh, Giấy phép sản xuất và kinh doanh hóa chất cần kiểm soát đặc biệt cho tổ chức sản xuất, kinh doanh hóa chất cần kiểm soát đặc biệt nhóm 1, tổ chức sản xuất, kinh doanh đồng thời nhóm 1 và nhóm 2.

Tiếp nhận hồ sơ, cấp, cấp lại, cấp điều chỉnh, gia hạn Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất cần kiểm soát đặc biệt nhóm 1.

Tiếp nhận hồ sơ, tổ chức thẩm định, cấp, cấp lại, cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ tồn trữ hóa chất đối với cơ sở tồn trữ thuộc đối tượng phải xây dựng Kế hoạch phòng ngừa ứng phó sự cố hóa chất do Bộ Công Thương thẩm định.

Tiếp nhận hồ sơ, tổ chức thẩm định hóa chất mới.

Tiếp nhận thông tin khai báo hóa chất nhập khẩu.

***Tổ chức thẩm định cấp Giấy phép sản xuất, Giấy phép kinh doanh, Giấy phép sản xuất và kinh doanh hóa chất cần kiểm soát đặc biệt nhóm 2***

Theo Thông tư, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tổ chức đặt trụ sở chính khi tiếp nhận hồ sơ, thực hiện các quy trình sau:

Trường hợp tổ chức chỉ có hoạt động sản xuất, kinh doanh, lưu trữ tại địa phương nơi tổ chức đặt trụ sở chính và không có sản xuất, kinh doanh, lưu trữ tại địa phương khác: Ủy Ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện trình tự, thủ tục cấp Giấy phép theo quy định tại khoản 5 Điều 13 Nghị định số 26/2026/NĐ-CP.

Trường hợp tổ chức có hoạt động sản xuất, kinh doanh, lưu trữ tại địa phương khác với địa phương nơi tổ chức đặt trụ sở chính: Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tổ chức nộp hồ sơ có trách nhiệm gửi bản sao hồ sơ đề nghị cấp phép sản xuất, kinh doanh hóa chất cần kiểm soát đặc biệt nhóm 2 của tổ chức để lấy ý kiến của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tổ chức đặt cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất.

Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được bản sao hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tổ chức đặt cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất có trách nhiệm kiểm tra điều kiện thực tế đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất trên địa bàn quản lý và có ý kiến bằng văn bản về việc đáp ứng điều kiện theo quy định.

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tổ chức nộp hồ sơ có trách nhiệm xem xét, thẩm định hồ sơ và cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cho tổ chức trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tổ chức đặt cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất về việc đã đáp ứng đủ điều kiện, đồng thời gửi cho các đơn vị liên quan để phối hợp quản lý. Trường hợp không cấp Giấy phép, cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy phép phải có văn bản trả lời, nêu rõ lý do.

Thông tư nêu rõ, trường hợp tổ chức đã được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp Giấy phép sản xuất, kinh doanh hóa chất cần kiểm soát đặc biệt nhóm 2 và Giấy phép đang còn hiệu lực nhưng tổ chức có nhu cầu hoạt động sản xuất, kinh doanh hóa chất cần kiểm soát đặc biệt nhóm 1, tổ chức lập 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp mới giấy phép về Cục Hóa chất. Cục Hóa chất thực hiện trình tự, thủ tục cấp Giấy phép theo quy định tại khoản 5 Điều 13 Nghị định số 26/2026/NĐ-CP.

Theo Thông tư, sau khi cấp phép, trong thời hạn 07 ngày làm việc, cơ quan có thẩm quyền cấp phép cập nhật Giấy phép trên cơ sở dữ liệu chuyên ngành để phối hợp theo dõi, quản lý.

***Hóa chất không được sử dụng trong lĩnh vực công thương***

Hóa chất không được sử dụng trong lĩnh vực công thương bao gồm các hóa chất cấm được quy định tại Luật Đầu tư, trừ trường hợp cơ quan có thẩm quyền cho phép.

*Nguồn: baohinhphu.vn*

## **BỔ SUNG THỦ TỤC CẤP, GIA HẠN GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN SẢN XUẤT, BUÔN BÁN THUỐC THÚ Y**

Chính phủ ban hành Nghị định số 32/2026/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực chăn nuôi và thú y. Nghị định số 32/2026/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 liên quan đến sản xuất, buôn bán thuốc thú y.

**Bổ sung quy định về chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y**

Trong đó, Nghị định số 32/2026/NĐ-CP bổ sung Điều 16a về trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, gia hạn, thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y như sau:

**Hồ sơ đăng ký cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y (trừ sản xuất thuốc thú y dạng được phẩm, vaccine) gồm:** Đơn đăng ký; Bản thuyết minh chi tiết cơ sở vật chất, kỹ thuật sản xuất thuốc thú y; đăng ký môi trường hoặc văn bản đánh giá môi trường theo quy định pháp luật về môi trường.

**Trình tự, thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y:**

Tổ chức, cá nhân sản xuất thuốc thú y nộp hồ sơ đăng ký cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y (trừ sản xuất thuốc thú y dạng được phẩm, vaccine) đến Cơ quan

được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực chăn nuôi và thú y.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, Cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực chăn nuôi và thú y, thực hiện kiểm tra điều kiện của cơ sở sản xuất, trường hợp đủ điều kiện trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc việc kiểm tra cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y. Trường hợp không cấp trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Thực hiện kiểm tra, đánh giá trực tuyến trong trường hợp do thiên tai hoặc phải áp dụng quy định về phòng, chống dịch bệnh nguy hiểm mà không thể thực hiện kiểm tra, đánh giá trực tiếp tại hiện trường để cấp giấy chứng nhận. Việc đánh giá trực tiếp tại hiện trường sẽ được thực hiện sau khi các địa phương kiểm soát được thiên tai, dịch bệnh theo quy định; thực hiện thu hồi ngay giấy chứng nhận đối với trường hợp tổ chức, cá nhân vi phạm quy định pháp luật và xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật.

**Trình tự, thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y (trừ sản xuất thuốc thú y dạng dược phẩm, vaccine) trong trường hợp bị sai sót, thay đổi thông tin có liên quan đến tổ chức, cá nhân đăng ký:**

Hồ sơ đăng ký cấp lại gồm: Đơn đề nghị cấp lại; tài liệu liên quan nội dung thay đổi thông tin của tổ chức, cá nhân đăng ký.

Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đăng ký cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y đến Cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực chăn nuôi và thú y; trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, Cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực chăn nuôi và thú y cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y. Trường hợp không cấp trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

**Trình tự, thủ tục gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y (trừ sản xuất thuốc thú y dạng dược phẩm, vaccine)**

Trước thời hạn 03 tháng tính đến ngày hết hạn của Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y tổ chức, cá nhân có nhu cầu tiếp tục sản xuất thuốc thú y nộp đơn đăng ký gia hạn Giấy chứng nhận. Trình tự, thủ tục gia hạn được thực hiện theo quy định ở trên.

#### **Sửa đổi về điều kiện buôn bán thuốc thú y**

Ngoài ra, Nghị định số 32/2026/NĐ-CP cũng sửa đổi, bổ sung Điều 17 Nghị định số 35/2016/NĐ-CP về điều kiện buôn bán thuốc thú y.

Nghị định số 32/2026/NĐ-CP quy định tổ chức, cá nhân buôn bán thuốc thú y thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thú y và đáp ứng các điều kiện sau đây:

1- Có trang thiết bị để bảo đảm điều kiện bảo quản ghi trên nhãn của sản phẩm; có nhiệt kế, ẩm kế theo dõi điều kiện bảo quản sản phẩm.

2- Đối với cơ sở buôn bán vaccine, chế phẩm sinh học phải có máy phát điện dự phòng, vật dụng, phương tiện vận chuyển phân phối vaccine bảo đảm điều kiện bảo quản ghi trên nhãn sản phẩm.

**Bổ sung thủ tục cấp, gia hạn, thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y**

Đồng thời, Nghị định số 32/2026/NĐ-CP cũng bổ sung Điều 17a sau Điều 17 quy định về trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, gia hạn, thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y như sau:

**Hồ sơ đăng ký cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y gồm:** Đơn đăng ký; Bản thuyết minh chi tiết cơ sở vật chất, kỹ thuật; chứng chỉ hành nghề thú y.

**Trình tự, thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y:**

Tổ chức, cá nhân buôn bán thuốc thú y nộp hồ sơ đăng ký cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y đến Cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực chăn nuôi và thú y;

Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực chăn nuôi và thú y kiểm tra điều kiện của cơ sở buôn bán thuốc thú y, nếu đủ điều kiện trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc kiểm tra phải cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y. Trường hợp không cấp trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Nghị định nêu rõ, thực hiện kiểm tra, đánh giá trực tuyến trong trường hợp do thiên tai hoặc phải áp dụng quy định về phòng, chống dịch bệnh nguy hiểm mà không thể thực hiện kiểm tra, đánh giá trực tiếp tại hiện trường để cấp giấy chứng nhận. Việc đánh giá trực tiếp tại hiện trường sẽ được thực hiện sau khi các địa phương kiểm soát được thiên tai, dịch bệnh theo quy định; thực hiện thu hồi ngay giấy chứng nhận đối với trường hợp tổ chức, cá nhân vi phạm quy định pháp luật và xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật.

**Trình tự, thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y trong trường hợp bị sai sót, thay đổi thông tin có liên quan đến tổ chức, cá nhân đăng ký:**

Hồ sơ đăng ký cấp lại gồm: Đơn đề nghị cấp lại; tài liệu liên quan nội dung thay đổi thông tin của tổ chức, cá nhân đăng ký.

Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đăng ký cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y đến Cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực chăn nuôi và thú y; trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, Cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực chăn nuôi và thú y cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y. Trường hợp không cấp trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

**Trình tự, thủ tục gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y:** Trước thời hạn 03 tháng tính đến ngày hết hạn của Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y tổ chức, cá nhân có nhu cầu tiếp tục buôn bán thuốc thú y nộp đơn đăng ký gia hạn Giấy chứng nhận.

*Nguồn: baohinhphu.vn*

## KHÔNG XỬ PHẠT CHẬM NỘP HỒ SƠ KHAI THUẾ KHI PHẢI NỘP LẠI DO THAY ĐỔI KỲ TÍNH THUẾ

Chính phủ vừa ban hành Nghị định số 373/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế.

**Hướng dẫn xử lý trường hợp người nộp thuế đã khai thuế theo quý nhưng không đủ điều kiện khai thuế theo quý**

Nghị định số 373/2025/NĐ-CP bổ sung khoản 3 Điều 9 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP hướng dẫn trường hợp người nộp thuế đã khai thuế theo quý nhưng không đủ điều kiện khai thuế theo quý thì xử lý như sau:

Trường hợp người nộp thuế tự phát hiện không đủ điều kiện khai thuế theo quý thì người nộp thuế phải thực hiện khai thuế theo tháng kể từ tháng đầu của quý tiếp theo, nộp lại hồ sơ khai thuế theo tháng của các quý trước đó và tính tiền chậm nộp theo quy định.

Trường hợp cơ quan thuế phát hiện người nộp thuế không đủ điều kiện khai thuế theo quý thì cơ quan thuế ban hành văn bản yêu cầu người nộp thuế khai thuế theo tháng kể từ tháng đầu của quý tiếp theo, nộp lại hồ sơ khai thuế theo tháng của các quý trước đó và tính tiền chậm nộp theo quy định, trừ trường hợp cơ quan thuế phát hiện qua kiểm tra tại trụ sở người nộp thuế. Người nộp thuế phải thực hiện khai thuế theo tháng và nộp lại hồ sơ khai thuế theo tháng theo văn bản đề nghị của cơ quan thuế.

Người nộp thuế không bị xử phạt vi phạm hành chính về chậm nộp hồ sơ khai thuế đối với hồ sơ khai thuế của các kỳ tính thuế phải nộp lại do thay đổi kỳ tính thuế. Hồ sơ khai thuế các tháng đã nộp lại được xác định là hồ sơ thay thế cho hồ sơ khai thuế theo quý đã nộp.

Trước đây, Nghị định số 126/2020/NĐ-CP chưa có quy định cụ thể về việc miễn xử phạt vi phạm hành chính đối với các hồ sơ khai thuế bị chậm khi phải nộp lại do thay đổi kỳ tính thuế. Nghị định số 373/2025/NĐ-CP đã bổ sung quy định này nhằm tạo điều kiện, giảm rủi ro xử phạt do sai kỳ tính thuế.

**Sửa quy định về nơi quyết toán thuế thu nhập cá nhân khi có nhiều nguồn thu nhập**

Về địa điểm nộp hồ sơ khai thuế, Nghị định số 373/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung điểm b.2 khoản 8 Điều 11 Nghị định 126/2020/NĐ-CP quy định địa điểm nộp hồ sơ khai quyết toán thuế đối với trường hợp cá nhân cư trú có thu nhập tiền lương, tiền công thuộc diện tổ chức chi trả khấu trừ tại nguồn từ hai nơi trở lên.

Cụ thể, cá nhân cư trú có thu nhập tiền lương, tiền công thuộc diện tổ chức chi trả khấu trừ tại nguồn từ hai nơi trở lên thì nộp hồ sơ khai quyết toán thuế tại cơ quan thuế quản lý trực tiếp tổ chức trả thu nhập lớn nhất trong năm. Trường hợp có nhiều nguồn thu nhập lớn nhất trong năm mà các nguồn thu nhập đó bằng nhau thì cá nhân nộp hồ sơ quyết toán tại một trong những cơ quan thuế quản lý trực tiếp tổ chức chi trả các nguồn thu nhập lớn nhất trên.

Trường hợp cá nhân nộp hồ sơ khai quyết toán thuế thu nhập cá nhân không đúng quy định nêu trên thì cơ quan thuế nơi đã tiếp nhận hồ sơ của cá nhân đó căn cứ thông tin trên hệ thống cơ sở dữ liệu ngành thuế hỗ trợ chuyển hồ sơ đến cơ quan thuế quản lý trực tiếp tổ chức trả thu nhập để thực hiện quyết toán thuế thu nhập cá nhân theo quy định pháp luật.

Trước đó, Nghị định số 126/2020/NĐ-CP quy định cá nhân có thu nhập tiền lương, tiền công tại hai nơi trở lên thì tùy từng trường hợp cụ thể sẽ nộp hồ sơ khai quyết toán thuế tại: Cơ quan thuế trực tiếp quản lý tổ chức, cá nhân trả thu nhập hoặc cơ quan thuế nơi cá nhân cư trú.

Tuy nhiên, nhằm tạo thuận lợi cho người nộp thuế và cơ quan thuế, đồng thời bảo đảm tính công bằng đối với nguồn thu ngân sách giữa các địa phương và nâng cao hiệu quả của công tác quản lý thuế, Nghị định số 373/2025/NĐ-CP đã sửa đổi quy định trên theo hướng thống nhất nộp hồ sơ khai quyết toán thuế tại cơ quan thuế quản lý trực tiếp tổ chức trả thu nhập lớn nhất trong năm.

### **Thời hạn nộp khoản bổ sung đối với thời gian chưa tính tiền sử dụng đất, tiền thuê đất**

Nghị định số 126/2020/NĐ-CP chưa có quy định về thời hạn cơ quan thuế thông báo, thời hạn người sử dụng đất nộp khoản bổ sung đối với thời gian chưa tính tiền sử dụng đất, tiền thuê đất vào ngân sách nhà nước. Để đảm bảo không có khoảng trống pháp lý, Nghị định 373/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung khoản 3 và khoản 4 Điều 18 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP theo hướng bổ sung quy định cơ quan thuế ban hành thông báo, thực hiện thu khoản tiền người sử dụng đất phải nộp bổ sung đối với thời gian chưa tính tiền sử dụng đất, tiền thuê đất cùng với thời điểm thông báo và thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, cụ thể:

#### ***“3. Tiền thuê đất và khoản tiền người sử dụng đất phải nộp bổ sung:***

a) Đối với trường hợp nộp tiền thuê đất hằng năm:

a.1) Thời hạn nộp tiền thuê đất lần đầu: Chậm nhất là 30 ngày, kể từ ngày ban hành thông báo nộp tiền thuê đất của cơ quan thuế.

a.2) Từ năm thứ hai trở đi, người thuê đất được chọn nộp tiền ***một lần hoặc hai lần*** trong năm. Trường hợp người nộp thuế chọn nộp thuế một lần trong năm thì thời hạn nộp thuế là 31 tháng 5. Trường hợp người thuê đất chọn hình thức nộp tiền 2 lần trong năm thì thời hạn nộp thuế cho từng kỳ như sau: kỳ thứ nhất nộp 50% ***chậm nhất là ngày 31 tháng 5***; kỳ thứ hai nộp đủ phần còn lại theo thông báo chậm nhất là ***ngày 31 tháng 10***.

Đối với trường hợp thuê đất mới mà thời điểm xác định nghĩa vụ tài chính về tiền thuê đất phải nộp của năm đầu tiên sau ngày 31 tháng 10 thì cơ quan thuế ra thông báo nộp tiền thuê đất cho thời gian còn lại của năm.

a.3) Thời hạn nộp tiền thuê đất đối với hồ sơ khai điều chỉnh của người nộp thuế chậm nhất là 30 ngày, kể từ ngày ban hành thông báo nộp tiền thuê đất.

a.4) Thời hạn nộp tiền thuê đất đối với trường hợp cơ quan thuế thông báo nộp tiền theo văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép gia hạn sử dụng đất trong trường hợp chậm đưa đất vào sử dụng hoặc chậm tiến độ sử dụng đất so với tiến độ ghi trong dự án đầu tư, các trường hợp khác điều chỉnh các yếu tố liên quan đến việc xác định lại số tiền thuê đất

phải nộp và xác định khoản tiền người sử dụng đất phải nộp bổ sung đối với thời gian chưa tính tiền thuê đất như sau:

Chậm nhất là 30 ngày kể từ ngày ban hành Thông báo nộp tiền, người thuê đất phải nộp 50% tổng số tiền phải nộp theo thông báo;

Chậm nhất là 90 ngày kể từ ngày ban hành Thông báo nộp tiền, người thuê đất phải nộp 50% tổng số tiền phải nộp còn lại theo thông báo.

b) Đối với trường hợp nộp tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê:

b.1) Thời hạn nộp tiền thuê đất lần đầu, thời hạn nộp khoản tiền người sử dụng đất phải nộp bổ sung đối với thời gian chưa tính tiền thuê đất:

Chậm nhất là 30 ngày kể từ ngày ban hành Thông báo nộp tiền, người thuê đất phải nộp 50% tổng số tiền phải nộp theo thông báo;

Chậm nhất là 90 ngày kể từ ngày ban hành Thông báo nộp tiền, người thuê đất phải nộp 50% tổng số tiền phải nộp còn lại theo thông báo.

b.2) Thời hạn nộp tiền thuê đất đối với hồ sơ khai điều chỉnh chậm nhất là 30 ngày kể từ ngày ban hành thông báo nộp thuế.”.

***“4. Tiền sử dụng đất và khoản tiền người sử dụng đất phải nộp bổ sung:***

a) Chậm nhất là 30 ngày kể từ ngày ban hành Thông báo nộp tiền, người sử dụng đất phải nộp 50% tổng số tiền phải nộp theo thông báo.

b) Chậm nhất là 90 ngày kể từ ngày ban hành Thông báo nộp tiền, người sử dụng đất phải nộp 50% tổng số tiền phải nộp còn lại theo thông báo.

c) Chậm nhất là 30 ngày kể từ ngày ban hành Thông báo nộp tiền sử dụng đất, người sử dụng đất phải nộp 100% tổng số tiền phải nộp theo thông báo trong trường hợp xác định lại số tiền sử dụng đất phải nộp quá thời hạn 5 năm kể từ ngày có quyết định giao đất tái định cư mà hộ gia đình, cá nhân chưa nộp đủ số tiền sử dụng đất còn nợ.”.

*Nguồn: baohinhphu.vn*

## NHÂN SỰ MỚI CỦA TRUNG ƯƠNG, CÁC BỘ, NGÀNH, VÀ ĐỊA PHƯƠNG

### \* Danh sách Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương khóa XIV

Sáng ngày 23/01/2026, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV tiến hành Hội nghị lần thứ nhất. Hội nghị đã bầu Bộ Chính trị, Tổng Bí thư, Ban Bí thư Trung ương khóa XIV.

1. Đồng chí Tô Lâm, Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bí thư Quân ủy Trung ương

2. Đồng chí Trần Thanh Mẫn, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Đảng ủy Quốc hội, Chủ tịch Quốc hội

3. Đồng chí Trần Cẩm Tú, Ủy viên Bộ Chính trị, Thường trực Ban Bí thư, Bí thư Đảng ủy các cơ quan Đảng Trung ương

4. Đồng chí Lê Minh Hưng, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng Ban Tổ chức Trung ương

5. Đồng chí Đỗ Văn Chiến, Ủy viên Bộ Chính trị, Phó Bí thư Thường trực Đảng ủy Quốc hội, Phó Chủ tịch Thường trực Quốc hội

6. Đồng chí Bùi Thị Minh Hoài, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, Bí thư Đảng ủy Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể Trung ương, Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam

7. Đồng chí Phan Văn Giang, Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy Chính phủ, Phó Bí thư Quân ủy Trung ương, Đại tướng, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng

8. Đồng chí Lương Tam Quang, Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy Chính phủ, Bí thư Đảng ủy Công an Trung ương, Đại tướng, Bộ trưởng Bộ Công an

9. Đồng chí Nguyễn Duy Ngọc, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Thành ủy Hà Nội

10. Đồng chí Nguyễn Trọng Nghĩa, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, Ủy viên Ban Thường vụ Quân ủy Trung ương, Đại tướng, Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị Quân đội nhân dân Việt Nam

11. Đồng chí Trịnh Văn Quyết, Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương

12. Đồng chí Lê Hoài Trung, Bí thư Trung ương Đảng, Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Ngoại giao

13. Đồng chí Lê Minh Trí, Bí thư Trung ương Đảng, Phó Trưởng Ban Thường trực Ban Nội chính Trung ương

14. Đồng chí Trần Lưu Quang, Bí thư Trung ương Đảng, Bí thư Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh.

15. Đồng chí Phạm Gia Túc, Ủy viên Trung ương Đảng, Chánh Văn phòng Trung ương Đảng

16. Đồng chí Trần Sỹ Thanh, Ủy viên Trung ương Đảng, Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Trung ương

17. Đồng chí Nguyễn Thanh Nghị, Ủy viên Trung ương Đảng, Trưởng Ban Chính sách, chiến lược Trung ương

18. Đồng chí Đoàn Minh Huân, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Bí thư Thường trực Đảng ủy, Phó Giám đốc Thường trực Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

19. Đồng chí Trần Đức Thắng, Ủy viên Trung ương Đảng, Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ Chính phủ, Bí thư Đảng ủy, Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

**\* Danh sách Ban Bí thư Ban Chấp hành Trung ương khóa XIV**

Tại Hội nghị lần thứ nhất, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV đã bầu 3 đồng chí tham gia Ban Bí thư khóa XIV gồm:

1. Đồng chí Võ Thị Ánh Xuân, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Chủ tịch nước.

2. Đồng chí Phạm Thị Thanh Trà, Ủy viên Trung ương Đảng, Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy Chính phủ, Phó Thủ tướng Chính phủ.

3. Đồng chí Nguyễn Văn Quảng, Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Đảng ủy, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

Trên cơ sở kết quả giới thiệu của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị khóa XIV đã phân công đồng chí Trần Cẩm Tú, Ủy viên Bộ Chính trị tái giữ chức Thường trực Ban Bí thư khóa XIV.

*Nguồn: Tổng hợp từ [baochinhphu.vn/vov.vn](http://baochinhphu.vn/vov.vn)*